



Văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC,
VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 64

Số: 15

(2670)

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

THỨ BẢY, 9 - 4 - 2011



Minh họa của THÀNH CHƯƠNG

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Truyện ngắn của TRẦN DŨNG

Gã người Việt béo tốt cùng một nhân viên pôlit-sai Đức đi dọc con đường chính trong trại. Cách mép đường ba mét bên tay phải là hàng rào thép gai, giới hạn không gian gọi là tự do của những kẻ tị nạn. Hàng trăm cặp mắt hau háu nhìn theo gã. Thỉnh thoảng gã gật đầu chào một cái như trông thấy người quen, hoặc như ra vẻ ta rất hiện đại, nghĩa là rất thấm nhuần văn hóa Phương Đông, coi những người trong hàng rào kia đều là anh em nhà cả.

Những người anh em đủ mọi màu da đó dường nhiên đang hau háu chờ một dịp may. Trông bộ điệu gã thì ai chả biết đó là đại diện của không ít lối thoát. mười lăm phút sau, một nhân viên xuống tuyên đọc:

- Nguyễn Văn Cường, số PV 371 !

Cường đứng lên:

- Có tôi!

- Anh vốn là thợ nguội bậc năm phải không?

- Vâng!

Nhân viên lia cái nhìn nhà nghề xuống người thợ lành nghề có đôi mắt to bình lặng rồi hỏi:

- Anh có muốn nhận một việc đặc biệt thù lao rất cao không?

- Có!

- Vậy anh hãy chọn lấy một người thợ phụ mà anh hiểu rõ. Nếu là bạn anh thì tốt.

Hàng chục tiếng "Tới!"- "Có tới!"- "Em!"- "Lấy em!"...nhao nhao hướng vào Cường. Cường đang chưa

biết chọn ai, tay nhân viên đã trở ngay chàng thanh niên đứng gần Cường, dáng khỏe mạnh lạnh lợi, vừa liên tục "Lấy em!" tới ba lần:

- Anh tên gì?

- Dạ tôi tên Hoàng. Tôi cùng nhà máy với anh Cường bên Đông Đức ạ!

Tay nhân viên ngoắc một cái và quay đi.

Cường, Hoàng lập tức bước theo trong những ánh mắt ghen tị, thèm thuồng.

Tại văn phòng, gã người Việt béo tốt đã chờ sẵn với nụ cười tươi tỉnh:

- Chào các bạn! Tôi là đại diện của SAD. - Trước hết cho tôi hỏi - Gã nhìn vào Cường - Bạn có thể sử dụng máy cưa sắt loại nhỏ trong tư thế nằm hoặc ngồi được không?

- Được lắm chứ!

- De cút ! (Sehr gut: Rất tốt!) Vậy tôi xin đi vào công việc cụ thể. À mà quên, tôi phải báo ngay với các bạn rằng công việc này chính thức tiến hành chỉ trong vòng ba mươi phút. Nhưng nếu hoàn thành, các bạn sẽ được phép của chính quyền sang cư trú tại Úc. Toàn bộ chi phí để được như vậy, công ty chúng tôi chịu. Ngoài ra, bạn, thợ chính, được hưởng thù lao 8.000 DM. Còn bạn, thợ phụ, 3.000 DM.

Cường hơi giật mình. Hoàng thì há hốc mồm. Trời ơi, việc gì mà bở thế nhỉ? Cường đã nghe nói về cái công ty SAD này. Đúng là nhón bùi bé mồm, việc gì nó cũng cần tất. Và nguồn nguyên liệu phong phú nhất, rẻ nhất

của nó là các trại tị nạn, thứ mới đến các bệnh viện và các trại giam. Có đợt mười lăm thằng được tuyển đi mò xác một triệu phú ở vùng biển bị ô nhiễm. Có đợt năm mươi thằng được tuyển đi khai thác thủy ngân. Lại có thằng, cùng ngày tháng năm sinh với con trai một lão chủ ngân hàng Á đông, được nó gạ mua một quả thận để ghép cho con trai lão ta theo cách thức tốt nhất. Thằng này mới đầu định làm cao, sau sợ bị mất cả cùm mà không được gì, đành chấp nhận với giá chỉ gần bằng hai con trâu ở quê nhà... Các việc SAD làm hầu như đều rất sòng phẳng, công khai. Không công khai mỗi việc tuyển người đi tù thuê, giết thuê. Nhưng tuyển đi khai phá đồn điền hoặc làm việc vài năm ở những nơi độc hại cùng trời cuối đất khổ quá đi đây, hay tuyển đi

TIẾNG NÓI NHÀ VĂN



ĐỂ BỚT ÂU LO

Nhà thơ ĐÀO VĨNH

CUỐI tháng 2, đầu tháng 3/2011, giá xăng tăng gần 20%, giá điện tăng hơn 15% và vừa mới đây cuối tháng 3 lại một lần tăng giá xăng dầu nữa kéo theo các giá khác đã tăng hay "doạ tăng" rất cao. Giá thuốc chữa bệnh và vận tải đã và sẽ vượt 20-40% hiện tại. Các nhu yếu phẩm khác đều đồng loạt "nhập nhòm".

Hắn là các cơ quan điều hành của Chính phủ, Nhà nước, Quốc hội đã lường định cho "đường đi nước bước" xã hội và an sinh dân tình. Còn đến đâu?... Trong cuộc "bão giá" hàng ngày đang diễn biến thì hầu hết dân chúng nếm trải "è vai, nặng cổ". Biết kêu ai? ngoài việc phải tự mừng tụng, tự lo toan và tự an mình!

Sự tăng giá hàng hoá nhất là các lĩnh vực chịu ảnh hưởng nhiều với thế giới hội nhập là cần thiết. Thế nhưng cứ đánh đùng "nhảy nhót" không được lộ trình, rồi coi an sinh thấp hơn các chỉ tiêu tăng trưởng, GDP, so sánh nhiều thứ với khu vực và thế giới... thì liệu có "yên dân" được không?

Thời gian qua giá cả biến động, chắc rằng các cơ quan, cá nhân trách nhiệm đã dự báo trước một thời gian dài. Vâng, "vĩ mô" là định hướng nhưng bếp núc, củi lửa, rau cỏ... thì người dân chỉ cần "vi mô". Những cán bộ công nhân viên chức làm công ăn lương, về hưu mất sức, hưởng chế độ chính sách sao không được tăng lương hợp với dự báo "bão giá" sẽ phải gặp? Mà lại được lập sẵn từ đầu quý 4 năm ngoái để tháng 5/2011 này mới chỉnh lên hơn 10%? Dầu thế đâu đã chắc giá cả cao như xăng dầu, điện đóm... đã ổn định, có thể còn gặp nhiều "cắt cúp" và "xốc" nữa?

Biết rằng tổ chức, ban ngành am hiểu "cân đong đo đếm" cho ra những cách thức điều hành vĩ mô, vĩ mô đã nhiều suy nghĩ "trắng đêm". Dù vậy, người dân vẫn cần thêm nhiều tâm tưởng thiết thực hơn để hoạch định sao cho giai tầng đồng đẳng nhất của xã hội ta bớt âu lo!

của nó là các trại tị nạn, thứ mới đến các bệnh viện và các trại giam. Có đợt mười lăm thằng được tuyển đi mò xác một triệu phú ở vùng biển bị ô nhiễm. Có đợt năm mươi thằng được tuyển đi khai thác thủy ngân. Lại có thằng, cùng ngày tháng năm sinh với con trai một lão chủ ngân hàng Á đông, được nó gạ mua một quả thận để ghép cho con trai lão ta theo cách thức tốt nhất. Thằng này mới đầu định làm cao, sau sợ bị mất cả cùm mà không được gì, đành chấp nhận với giá chỉ gần bằng hai con trâu ở quê nhà... Các việc SAD làm hầu như đều rất sòng phẳng, công khai. Không công khai mỗi việc tuyển người đi tù thuê, giết thuê. Nhưng tuyển đi khai phá đồn điền hoặc làm việc vài năm ở những nơi độc hại cùng trời cuối đất khổ quá đi đây, hay tuyển đi

(Xem tiếp trang 20)

NGÀY HỘI THƠ QUẢNG NINH



SÁNG ngày 29-3-2011, Hội Văn học nghệ thuật Quảng Ninh đã tổ chức ngày thơ truyền thống lần thứ 24. Ngày thơ Quảng Ninh năm nay được tổ chức khá quy mô, có nhiều nét mới so với các kỳ hội thơ Quảng Ninh các năm trước. Chương trình lễ được tổ chức ngay tại khuôn viên trụ sở Hội giữa trung tâm TP Hạ Long. Màn khai mạc cờ dong trống mở, có tiết mục hát thơ của Đoàn chèo Quảng Ninh. Không khí sôi động đã cuốn hút đông đảo nhân dân quanh thành phố. Đặc biệt hội thơ Quảng Ninh năm nay diễn ra trên nhiều địa điểm, mời nhiều đại biểu: Nhà thơ Hữu Thỉnh Chủ tịch ủy Ban toàn quốc các Hội văn học nghệ thuật kiêm Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam đã tới dự cùng nhà thơ Trần Đăng Khoa, lãnh đạo hội Văn nghệ tỉnh Hải Dương. Về phía địa phương có đồng chí Đặng Huy Hậu ủy viên thường vụ tỉnh ủy phó chủ tịch UBND tỉnh, lãnh đạo Ban tuyên giáo tỉnh ủy, Sở Thông tin - truyền thông, Sở Văn hóa - thể thao - du lịch, Ban quản lý vịnh Hạ Long, Ban quản lý Di tích trọng điểm, các nhà thơ trong chi hội Nhà văn Việt Nam tại Quảng Ninh và gần trăm tác giả thơ sống, làm việc ở các khu đô thị, biên giới, hải đảo đều về dự ngày hội thơ tỉnh nhà.

Lễ dâng hương trước bia đá để thơ của thi sĩ Hoàng đế

Lê Thánh Tông diễn ra trang trọng dưới chân núi Bài Thơ. Trở lại hội trường, bài thơ **Thiên Nam Động Chủ Đế** của thi sĩ Hoàng Đế Lê Thánh Tông được một nghệ sĩ ngâm giọng sang sảng. Đúng 10h sáng, nhà thơ Hữu Thỉnh trong trang phục dân tộc được Ban tổ chức trân trọng mời là người đầu tiên thả chùm thơ từ thế kỷ 13 của thi sĩ Lê Thánh Tông, rồi đến đồng chí Đặng Huy Hậu cùng đại diện các Hội văn nghệ cơ sở của Quảng Ninh là Đồng Triều, Cẩm Phả, Yên Hưng, Công ty Than Hà Lầm đồng loạt thả các chùm thơ đầy màu sắc lên bầu trời TP Hạ Long.

Buổi tối, các đại biểu, những người làm thơ và hàng trăm công nhân mỏ than Hà Lầm có mặt tại hội trường Công ty thường thức đêm trình diễn thơ đặc sắc. Qua một phần tư thế kỷ duy trì hội thơ ca, đến nay, sau ngày thơ trong tết Nguyên Tiêu của Hội Nhà văn Việt Nam thì ngày thơ 29-3 của Quảng Ninh đã để lại dấu ấn tốt đẹp cho công chúng yêu thơ. ■

PHAN THANH

TRẠI SÁNG TÁC VĂN HỌC TẠI ĐÀ LẠT

Được sự tài trợ của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, từ ngày 15 đến 29/3/2011, Hội Nhà văn Việt Nam đã phối hợp tổ chức trại sáng tác cho các nhà văn tại Nhà sáng tác Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Có 15 nhà văn đã tham dự trong đó có 7 cây bút khu vực phía Bắc, 2 cây bút tại Thành phố Hồ Chí Minh và 6 cây bút thuộc các tỉnh: Bình Thuận, Đồng Nai, Tây Ninh, Tiền Giang, An Giang và Cà Mau. Buổi khai mạc và bế mạc, trại đã được đón các đồng chí: Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Tổng Biên tập Báo Lâm Đồng, Phó Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, Phó Giám đốc Nhà sáng tác, đại diện Đài phát thanh truyền hình tỉnh và nhiều bạn bè văn chương thân hữu của các nhà văn dự trại.

Nhà văn Lê Quang Trang - Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam đã khai mạc và nhà văn Trần Đức Tiến ủy viên Ban Chấp hành Hội đã bế mạc trại.

Trong thời gian 15 ngày, trại đã có nhiều hoạt động thiết

thực tập trung vào mục tiêu đề ra. Các nhà văn tích cực sáng tác mới các tác phẩm theo đề cương đã đăng ký dự trại hoặc hoàn thiện, chỉnh sửa các tác phẩm đang sáng tác. Nhiều cá nhân và nhóm đã tự bố trí đi thực tế địa phương, tham quan các địa danh văn hóa, lịch sử tại Đà Lạt để lấy tư liệu sống động cho tác phẩm của mình. Trại còn phối hợp với Trường Đại học Đà Lạt tổ chức Đêm thơ giao lưu giữa các nhà văn với sinh viên Khoa Ngữ văn của nhà trường, phối hợp với Hội Văn học nghệ thuật Tỉnh và Báo Lâm Đồng in trang thơ của các nhà văn đang dự trại với những tác phẩm vừa viết ra còn nóng hổi. Sát ngày kết thúc, trại đã tổ chức 1 buổi đọc và trao đổi tác phẩm vừa được sáng tác của các trại viên, có mời các nhà văn của Lâm Đồng tham gia vừa để báo cáo tác phẩm vừa để góp ý và động viên khích lệ anh chị em.

Kết quả đã thu hoạch 51 đầu tác phẩm, gồm:

Về văn: Có 5 truyện ngắn, 1 truyện dài được sáng tác mới tại trại và 1 truyện dịch từ nguyên bản tiếng Anh. Có 1 tập truyện ngắn và 1 cuốn tiểu thuyết được chỉnh sửa hoàn thiện.

Về thơ: Có 32 bài thơ sáng tác mới tại Đà Lạt và 3 Tập thơ và 1 chùm thơ được chỉnh sửa biên tập lại.

Ngoài ra, các thể loại khác còn có 5 bút ký, ký sự viết tại trại và 1 tập chân dung & tản văn được chỉnh sửa.

Như vậy, với khoảng thời gian không nhiều nhưng trại sáng tác Đà Lạt đã sáng tác và hoàn thành được số lượng tác phẩm đáng kể. Các tác phẩm đều đạt hiệu quả, chất lượng tốt. Đa số tác phẩm văn xuôi đều dày trang, đồ sộ, được chỉnh sửa kỹ lưỡng và hoàn thành ngay tại trại. Nhiều tác phẩm và hầu hết các trại viên đều có thơ thể hiện tình cảm, cảm xúc chân tình của mình về mảnh đất, con người Đà Lạt - xứ sở của hoa và thông. ■

HẠNH HOA



NGHIÊN CỨU VĂN HỌC NAM BỘ: TRONG TẦM NHÌN MỚI

Giáo sư Đoàn Lê Giang, Khoa Ngôn ngữ & Văn học của Đại học KHXH&NV Tp.Hồ Chí Minh, tại buổi tọa đàm Văn học Nam Bộ 1930-1945: *Diện mạo - Đặc điểm - Giá trị* do Đại học này cùng Viện Văn học Việt Nam tổ chức tại Hà Nội hôm 18/3/2011, cho biết đang xúc tiến việc xuất bản một tổng tập các nghiên cứu về văn học Nam Bộ từ đầu thế kỷ XX, đặc biệt là giai đoạn 1930-1945, ước tính gồm 50 tập.

Đại diện phía xuất bản tại buổi tọa đàm này, ông Nguyễn Văn Cừ, Giám đốc Nxb Văn học, tỏ ý đề dặt về độ lớn dung lượng dự kiến của bộ sách đó. Theo ông số lượng tập trong tổng tập nên được rút gọn hơn, nhưng ông cũng cho biết Nxb Văn học đã sẵn sàng tham gia tài trợ việc in ấn bộ tổng tập đầu tiên về nghiên cứu văn học vùng Nam Bộ.

Báo cáo tóm lược về đề tài nghiên cứu văn học Nam Bộ nêu trên, Gs. Đoàn Lê Giang nhấn mạnh đặc thù "Miền Nam đi trước về sau..." cũng thể hiện trong khu vực sâu tra nghiên cứu văn học vùng đất mới, nơi đi đầu trong tiến trình đưa chữ quốc ngữ vào đời sống văn chương báo chí, đi đầu về lượng người đọc, về sự phổ biến đời sống văn học cũng như một vài phương diện khác trong sự tiến triển văn học nói chung trong đời sống xã hội đất nước.

Báo cáo cũng nêu bật các đặc tính tiên phong, tính dân tộc, tính đạo lý truyền thống có khuynh hướng bảo thủ đồng thời có tính quần chúng rộng rãi, phản ánh đặc sắc thực tại độc đáo của phong tục và việc sinh sống của người Việt trong văn học Nam Bộ.

Hai báo cáo khác trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu nói trên đã được trình bày tại buổi tọa đàm: về Tiểu thuyết Nam Bộ 1932-1945 của nhà nghiên cứu Trần Ngọc Hồng, giảng viên ĐH KHXH&NV Tp.HCM, và về Phê bình văn học Nam Bộ 1932-1945 của PGS Nguyễn Thị Thanh Xuân (cùng trường) trình bày chi tiết hơn về hai khu vực nổi trội đó trong văn chương Nam Bộ.

Giáo sư Nguyễn Đăng Điệp, Phó Viện trưởng Viện Văn học VN, lưu ý rằng vẫn có một thành kiến trong giới nghiên cứu về sự "chưa đạt độ kết tinh" của văn học Nam Bộ thời kỳ đang nói tới ở đây, và việc nghiên cứu này có thể sử dụng những tiếp cận mới về lý thuyết như đặt vào khung khái niệm nghiên cứu vùng văn hoá. ■

PV

Ý KIẾN NGẮN

BÌNH ỔN GIÁ LIỆU CÓ ỔN?

NGUYỄN TRƯỜNG

C HƯƠNG trình bình ổn giá đang thực hiện ở Hà Nội và TP HCM có vẻ rất nhân văn, bởi nó chú trọng vào phục vụ đối tượng người có nhu cầu thấp, người nghèo đang phải chống chọi với "con bão giá" góp phần kiềm chế lạm phát, giúp ổn định kinh tế vĩ mô.

Nhưng sau một thời gian thực hiện đã bộc lộ một số mặt chưa ổn: Mặc dù Hà Nội và TP HCM đã "bơm" gần 1000 tỷ đồng cho các doanh nghiệp (vay với lãi suất 0%) để thực hiện bình ổn giá, nhưng hiệu quả không cao. Cụ thể như ở TP HCM, gần 90% các điểm bán hàng bình ổn giá nằm trong các quận nội thành (180 điểm /1983 điểm nằm ở quận huyện ngoại thành). Ở Hà Nội, tỷ lệ lệ cũng tương tự. Như vậy, hàng bình ổn giá chỉ phục vụ một số người tiêu dùng đến siêu thị hoặc các cửa hàng bình ổn. Trong khi đông đảo người nghèo ở nông thôn hoặc ở ngoại thành không có điều kiện đến siêu thị hoặc cửa hàng bình ổn sẽ đứng ngoài cuộc chơi. Một số doanh nghiệp và siêu thị tham gia bình ổn giá được trợ cấp vốn để thu mua hàng hóa thực phẩm đã dẫn đến cạnh tranh không công bằng giữa các doanh nghiệp và siêu thị tham gia và không tham gia bình ổn.

Như vậy vô hình chung chính sách bình ổn chỉ thực sự có ý nghĩa đối với một số người trong khi ngân sách lại do toàn dân đóng góp, hóa ra tiền ngân sách chỉ làm lợi cho một số đối tượng.

Trong một số trường hợp, việc bình ổn giá lại làm triệt tiêu sản xuất. Đơn cử như ngành chăn nuôi gà đẻ. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ một số tư thương lớn để yêu cầu họ bán trứng gà với giá cam kết, tức là hỗ trợ những nhà trung gian phân phối thu mua sản phẩm của người chăn nuôi. Các tư thương này đã quay trở lại ép người chăn nuôi phải bán với giá họ đưa ra (họ lời gần 1000đ/ trứng). Vì họ đã ký với nhà nước giá trứng bán ra cố định nên khi thu mua trứng của người chăn nuôi họ phải mua với giá cố định, mặc cho người chăn nuôi chịu sức ép của đầu vào như giá thức ăn, điện, nước, nhân công... liên tục tăng giá. Như vậy giá đầu ra đã bị khống chế, trong khi giá đầu vào liên tục tăng, người chăn nuôi phải bán trứng dưới giá thành sản xuất. Anh Lê Văn Út, ở xã Thanh Phú Long, Châu

Thành, Long An phản ánh: Anh có 2000 con gà đẻ, mỗi ngày gà ăn hết 8 bao cám HIGRO (thức ăn hỗn hợp dạng bột). Anh mua cám qua đại lý đối trứng lấy thức ăn. Những năm trước (lúc chưa bình ổn giá) anh lời mỗi ngày 900.000đ. Nay giá cám từ 202.500đ (trước Tết) lên đến 232.500đ/bao, mà giá trứng vẫn 1.390đ/trứng (loại lớn), mỗi ngày anh lỗ 100.000đ. Anh Út ao ước: "Giá mà chương trình bình ổn này kết thúc sớm để gia đình anh ổn định sản xuất, chứ nếu kéo dài mãi như tình hình hiện tại, có lẽ gia đình phải tính chuyện bỏ chuồng, bỏ trại để tính kế sinh nhai". Ở cùng xã rất nhiều hộ chăn nuôi đã phải bán gà đẻ, bỏ chuồng trống. Điều tất yếu sẽ dẫn đến là nguồn cung trứng ra thị trường khan hiếm. Người tiêu dùng nếu không ăn trứng sẽ ăn thịt, cá. Bởi vậy ta thấy giá thịt heo trên thị trường gần đây tăng cao: thịt nạc thăn 88.000đ/kg, thịt ba rọi 78.000đ/kg, sườn non 102.000đ/kg (giá của công ty Vissan), chỉ trong vòng nửa tháng, giá thịt heo đã tăng trung bình 10.000đ/kg.

Liệu TP HCM sẽ "bơm" thêm 660.000 tỷ đồng, Hà Nội "bơm" thêm 400.000 tỷ đồng cho các doanh nghiệp tham gia bình ổn giá năm 2011 và tết Nhâm Thìn 2012 này có phải sẽ tung một lượng tiền quá lớn vào thị trường, góp phần "dập tắt" sản xuất, chăn nuôi, đẩy lạm phát tăng cao?

Quy luật thị trường giúp cho người sản xuất, người bán người mua gặp nhau. Tuy nhiên, việc bình ổn giá đã làm méo mó quy luật thị trường. Bản chất của việc hàng tăng giá là do hàng hóa khan hiếm (do sản xuất không đáp ứng đủ tiêu dùng), do giá nguyên liệu đầu vào tăng hoặc cung tiến quá nhiều. Đáng lẽ chúng ta nên khuyến khích sản xuất, đầu tư, hỗ trợ khâu sản xuất tạo ra nguồn hàng cho nhiều, cho phong phú và hạn chế cung quá nhiều tiền thì chúng ta lại chuyển tiền vào bình ổn giá để giải quyết phần ngọn.

Người hưởng lợi của chương trình chính là các doanh nghiệp tham gia bình ổn giá. Còn người sản xuất và người chăn nuôi thì bị thiệt hại. Người tiêu dùng tính cho cùng cũng không được lợi gì. Xét trên tổng thể nền kinh tế quốc gia, thì chương trình bình ổn giá đang mất nhiều hơn được. ■



THAM NHỮNG VÀ NHẬN DIỆN THAM NHỮNG

NGUYỄN DUY NGHĨA

CÓ TỰ BAO GIỜ

KHÔNG phải bây giờ mới nảy nòi tham nhũng và cũng không phải thời nay mới mạnh tay chống tham nhũng. Tham nhũng ứ với hoàn cảnh thời nào cũng trầm trọng và đều đáng bị trừng trị. Thời kháng chiến 9 năm, Đại tá Trần Dụ Châu, Giám đốc Nha Quân nhu, bớt xén tiêu chuẩn của bộ đội đang cơm vắt, ngủ rừng, đã bị tử hình. Thời "gạo châu củi quế", hạt thóc đi vào lời hứa sắt son của hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", kẻ tham ô một tấn thóc cũng bị trừng trị trong khung hình phạt cao.

NGÀY CÀNG "TƯƠI MỚI"

Cứ đổ diệt cho thời buổi thiếu thốn đủ thứ, kẻ lán hối tưng bửa mới sinh lòng tham, "đói ăn vụng, túng làm càn", không dè khi cuộc sống đã phong lưu, danh vọng vùng vinh, tham nhũng ngày càng tươi mới.

Tham nhũng thời bao cấp vật vãnh những thứ được cấp, những cái được bao. Ngày nay danh mục dài vô biên, lớn vô hạn, lên lời đến từng ngõ ngách. Bằng giá nào cũng phải tích lũy cho hậu duệ, kể cả cần "hy sinh đời bố cùng cố đời con".

Tham nhũng thời thượng phát tiết sớm, ngay khi có quyền. Là nhân viên hợp đồng đuổi chợ, chuyên viên tập sự của cơ quan quyền... hành, đã tiếm nhiệm và vận dụng sáng tạo. Tre còn dẻo dai, măng đã mọc tua tua.

Trị giá các vụ tham nhũng "lạm phát" theo cấp số nhân, khiến quy định về tài chính trong các khung hình phạt mất giá chóng mặt. Vụ tham nhũng hôm nay kinh thiên động địa, ngày mai thành chuyện nhỏ.

Tham nhũng thừa trước thường lên lút, bột phát, ai làm nấy biết. Nay kết bè mảng, thành dây dợ, có bài bản, che chắn kín kẽ, dần hoà vui vẻ cả, ngang nhiên ra giá. Ấy thế mới có "cò tham nhũng", từ luật pháp là "môi giới", càng dễ phải tay.

Thời thị trường "hàng hoá lương tâm cũng thiếu thừa", cái gì cũng mua được bằng tiền. Không mua được bằng tiền thì mua bằng rất nhiều tiền. Đã mua phải bán. Bán sớm thu hồi vốn, nhanh sinh lãi. Hạ cánh đến nơi.

THỬ TÌM NGUỒN GỐC

Sau hoà bình trên miền Bắc, nông dân phơi phới, lúa tốt bởi bờ, được dồn vào hợp tác xã. Bổng dưng, cùng ban cấy, hội cấy, được tôn lên thành Ban Quản trị, có quyền định mọi chuyện của Hợp tác xã. Thế là sinh ra tham nhũng kéo theo sự chán chường của nhà nông vốn bao đời gần bó máu thịt với đồng đất, đã làm xác xơ những bờ xôi ruộng mật vừa giành lại từ tay bọn chúa đất. Từ lũy tre làng bình yên, đã vọng lên mai mả với bài vè:

*"Xã viên làm việc bằng hai,
Để cho chủ nhiệm mua đôi mua xe."*

Xã viên làm việc bằng ba,

Để cho chủ nhiệm xây nhà xây sân"

"Hợp tác xã là nhà", nhưng nhà đã dột từ nóc dột xuống. Nóc mún kết thành lớp cườm hào mớ.

Để giữ vai trò chủ đạo, đã sinh sản vô tình theo cách nhân bản hàng loạt các xí nghiệp quốc doanh. Cũng lại bỗng dưng trong giới thợ thuyền có người ngoi lên chức vị có quyền định đoạt mọi thứ của xí nghiệp. Nạn tham nhũng lập tức sinh sôi, dai dẳng, góp phần làm cho tan tác mô hình này, qua màn hoá phép cổ phần hoá, bán khoán, cho thuê, giải thể. Có quan chức đơn vị hôm qua còn là đáng tôn kính, yêng hùng, người tiêu biểu, ngày mai đã sa lưới pháp luật.

Bán, mua vốn là chuyện thường nhật từ bao đời, bỗng dưng chỉ cho Mậu dịch quốc doanh độc diễn, với chiêu thức "mua như cướp, bán như cho". Thế nên đã có thành ngữ "Nhất ngoặc - nhì quen - tam quyền - tứ chế". Tiền của mình, Xếp Hàng Cả Ngày mà mua được hàng như được ban ân huệ.

Được Phụ trách các công trình xây dựng vốn nhà nước hay tập thể, bỗng dưng có toàn quyền "làm việc" với Nhà thầu, nên mới vèo von hát nhai:

"Bên B là chum khế ngọt"

Bên A chèo hái suốt ngày"

Nhà thầu buộc phải rút ruột công trình để lo sinh kế. Thành thử mới có quạt khánh thành công trình đã "vội" hư hỏng, là thế.

Thuở còn độc quyền kinh doanh tiến tệ, bỗng dưng có bộ máy độc quyền định đoạt đồng tiền. Thế nên là đơn vị công đến cửa ải này để rút tiền mặt phải lột tay, giải ngân vốn vay phải chiết hoa hồng. Ấy thế mới có ngôn ngữ "Nhất cửa chi, nhì tin dụng".

Biết rồi, khổ lắm, rẻo mãi... Rõ ràng từ ngày có mô hình quốc doanh, tập thể nói trên đã chấp cánh cho tham nhũng với những quái đản từ xưa không hề có.

Lại có tham nhũng từ hệ thống bộ máy. Nó kỳ sinh trên cơ thể kinh tế quốc doanh hay tập thể và o bế nó để làm "sân sau" cho hậu sự, là "nhà trẻ" ấu chúa.

Có người biện bạch rằng bộ máy công quyền nào chả tham nhũng. Điều đó đúng dưới thời cai trị của thực dân, phong kiến, vì thế bọn chúng đã bị "vùi xuống bùn đen vạn kiếp". Thời nay con thuyền do dân, của dân, vì dân được chèo lái bởi những người ưu tú, tiến phong, thấm nhuần đạo đức, tác phong, qua sàng suốt lựa chọn..., phải khác chứ. Hàm hồ, vơ đũa cả nắm, vàng thau lẫn lộn, là bôi nhọ, mắc mưu địch. Nhưng khôn nỗi không ít điều đồn thổi lại là sự thật, sự thật đau lòng, phụ bạc lòng tin, phí phạm sự hy sinh vô bờ bến của dân. Lấn giở sử xanh xem có những triều đại nào tham nhũng trở thành quốc nạn, đe dọa sự tồn vong.

LIỆU CÓ PHẢI LÀ VÔ VỌNG?

Có người quả quyết nếu tiền lương thỏa đáng cộng với

cơ chế nghiêm minh sẽ: **Không cần tham nhũng - không thể tham nhũng - không dám tham nhũng**. Song giờ đây con vi rút tham nhũng miễn dịch tất. Lương cao như núi không lấp được vực thăm "lòng tham vô đáy". Cơ chế chặt đã được mở có tổ chức để bảo vệ uy tín, giữ gìn ổn định. Nhưng quy tội nửa vời, hình phạt lấy lệ, tội trạng được duy danh mỹ miếu: Buông lỏng quản lý; thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; xử lý nội bộ; nghiêm khắc rút kinh nghiệm..., cứ vô tư luận tội, tuyên án. Cùng chí hướng, chung lý tưởng, trót nhận chút quà "trên mức tình cảm" nở lòng nào phạt vạ. Kỷ luật hết lấy ai làm việc? Nơi hét cứ bắt, chốn phán phải tha, bên tổng vào tù, phía đến thăm trọng thưởng.

Cải cách "hành là chính" chưa đào tận gốc tận rễ tham nhũng, chổi non đã nảy.

Những người hoặc nhóm người lợi dụng được giao độc quyền mặc nhiên đã tư hữu hoá mọi thứ của công, của tập thể. Thực ra từ mỗi tế bào đến toàn thân hệ thống đều có chất kháng thể là "bộ tứ" nhưng đã bị biến đổi gen thành "tự bỏ". Đều có "Ông chủ", nhưng đều lui quân trước "đầy tớ" - "đấu tranh" thì "tránh đầu".

LOANH QUANH TÌM THỦ PHẠM

Nhiều hứa hẹn, nhiều tuyên bố, kiểm tra chống lên kiểm tra, hết chỉ thị, nghị quyết này, đến luật pháp kia, quyết chống cho kỳ được tham nhũng. Mới nghe quyết tâm, dân tình đã hả lòng hả dạ. Chỉ nghĩ đến rắn đe của pháp đình, kẻ tham nhũng đã rụng rời chân tay. Ban bộ chỉ đạo lần nào cũng hùng hậu. Tổng kết bao giờ cũng đông đặc: Công tác phòng, chống tham nhũng đã có chuyển biến mới mang tính chủ động tích cực, cả trong nhận thức và hành động, nhưng khi tìm nguyên nhân thì quanh năm đổ tại cơ chế, bốn mùa vu cho trình độ bất cập, nên chưa khi nào moi được kẻ tham nhũng. Chỉ khi bùng bet hoặc nước ngoài tố giác mới tá hỏa lên. Dân gian lợi dụng tính đa nghĩa của tiếng Việt đa âm tiết: được "chống" tham nhũng càng vững.

Xem như vậy, tham nhũng là hệ quả tất yếu của **một người, nhóm người được giao độc quyền định đoạt đối với tài sản tinh thần hay của cải vật chất của tập thể hoặc của toàn dân**.

Chả nên dị ứng với từ "độc quyền". Độc quyền đối với tài sản hay trí tuệ của cá nhân là đương nhiên, được pháp luật bảo hộ. Độc quyền để vợ của người thành phúc cho mình mới bị lên án.

Chỉ chiết riêng tệ tham nhũng là không công bằng. Nguồn cội tham nhũng nói trên còn đề ra tệ lãng phí, nạn quan liêu. Ba con quái vật vô hình **tham nhũng - lãng phí - quan liêu** hợp sức từng giờ gặm nhấm, tàn phá lâu dài của quan hệ chung chạ. "Cha chung không ai khóc"; "Lắm sai không ai đóng cửa chùa". Chân lý giản dị đó bác bỏ cái gọi là "làm chủ tập thể" hảo huyền một thời.■

TỆ NẠN MUA QUAN, BÁN CHỨC NGUYÊN NHÂN VÀ HỆ QUẢ

NGUYỄN GIA NÙNG

Ai cũng biết tệ nạn "mua quan, bán chức" trong xã hội ta hiện nay không còn là chuyện cá biệt mà xảy ra khá phổ biến, thậm chí có chiều hướng ngày càng gia tăng đến mức báo động. Nhiều Nghị quyết, văn bản của Đảng và Nhà nước đã có đề cập đến thực trạng, những biện pháp để phòng, ngăn chặn. Từ điển đàn Quốc hội nhiều đại biểu không chỉ một lần nói lên mối lo ngại về nguy cơ này và chất vấn các cơ quan có thẩm quyền nhìn nhận vấn đề này như thế nào, đâu là biện pháp hữu hiệu để phòng chống? "Tình trạng *chạy chức, chạy quyền* đang tràn lan... ngay cái chức trưởng thôn với phụ cấp ít ỏi thế mà có nơi cũng phải chạy chứ chưa nói đến những vị trí to tát hơn". Có đại biểu đã nói lên điều nhức nhối như vậy. Còn nhà báo lão thành Hữu Thọ đã có một loạt bài tập hợp trong một tập sách có tiêu đề "CHẠY" để cảnh báo tệ nạn này.

Vậy mà buồn thay, virút dịch bệnh này vẫn tiếp tục lan tràn xem ra đã nhờn với tất cả các loại thuốc đã có trong khi loại vắc xin đặc trị đang được nghiên cứu chưa sản xuất

được. Vì sao vậy? Vì hiện nay *chức* và *quyền* luôn gắn với *lợi*. Một chủ tịch xã, phường ký một cái giấy liên quan đến sử dụng đất đai cũng có thể thu về cho mình tiền tỷ. Ở những cương vị có trách nhiệm cao hơn, ký một dự án đầu tư, xây dựng nào đó cũng có thể thu phần trăm rất ăm ăm, ngon lành với số tiền mà đầu mẩy đời làm "công bộc cho dân" cũng không dám mơ tới. Chưa kể tới hàng trăm nguồn lợi, bổng lộc có tên và không tên mà trong cuộc sống thường ngày ít ai nghĩ tới. Tất nhiên những người đã bỏ tiền ra chạy chức, chạy quyền thì khi đã đạt được họ phải "tranh thủ" thu hồi vốn và nhanh chóng có lãi nên chắc chắn họ trở thành sâu mọt trong bộ máy, không thể khác. Vậy nên mới có chuyện trong dân gian rí rầm to nhỏ những điều chẳng ai biết thực hư đến đâu: "Chức ấy, chức nọ phải bao nhiêu tỷ?", "Vu này, vụ kia muốn xuôi chèo mát mái phải bao vé?". Có lần nghe một đại biểu Quốc hội nêu ra tệ nạn này để chất vấn, một vị Bộ trưởng đã chất vấn ngược lại: Xin đại biểu cho biết cụ thể những người chạy chức, chạy quyền là

ai? Ở đâu? Chúng tôi sẽ cương quyết xử lý! (Bình luận về câu chất vấn ngược lại có bài báo đã viết đi dóm: Không ai chạy chức, chạy quyền mà đến báo cáo Bộ trưởng cả). May thay, đại biểu này "nói có sách, mách có chứng", đầu chỉ nêu ra một hiện tượng cụ thể, nếu không chưa biết sẽ phải chịu trách nhiệm thế nào với phát ngôn của mình.

Thật ra chuyện chạy chức, chạy quyền từ cổ chí kim ở nhiều quốc gia đã "xưa như trái đất". Ở nước ta, thời Pháp thuộc cũng được công khai, hợp pháp hoá việc mua chức cho những ai có tiền không muốn bị coi là "dân đen", là "bạch đình". Lý trưởng mua, Chánh tổng mua... là chuyện bình thường. Nhưng chỉ có danh, không có thực. Còn bây giờ, mọi chuyện xảy ra khác hẳn. Toàn là mua bán ngầm, lén lút nhưng chức quyền hoàn toàn có thực.

Ngay từ những ngày đầu Cách mạng Tháng tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhắc nhở mọi người-khi bầu cử Quốc hội đầu tiên của Nhà nước cách mạng: "Làm việc nước bây giờ là hy sinh, là phấn đấu, quên lợi ích riêng mà nghĩ lợi

chung. Những ai muốn làm quan cách mạng thì nhất định không nên bầu!"⁽¹⁾ "Chúng ta phải hiểu rằng các cơ quan Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân... Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh!"⁽²⁾

Cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đã và đang thấm sâu vào mọi mặt đời sống xã hội, thiết nghĩ cần đẩy mạnh hơn lúc nào hết việc loại trừ nạn dịch "mua quan, bán chức" mà thứ vắc xin phòng chống có hiệu quả nhất chính là phải thật sự mở rộng dân chủ, công khai đến mọi người dân cùng với hệ thống pháp luật nghiêm minh không loại trừ bất cứ ai để không còn một khoảng tối nào cho những kẻ xấu lợi dụng.■

(1) Hồ Chí Minh toàn tập - T4, tr 147 - NXBCTQG 2000.

(2) Sđd - Tr 13.

THẢO THƠM CÒN LẠI

PHAN ĐỨC NAM

NHIỀU người nói ông Sáu Tùng (Nguyễn Thanh Tùng) - bí danh Dân Tiến, nguyên Phó bí thư Thành ủy TP.Hồ Chí Minh, là một người cách mạng chân chính, quá lý tưởng, quá trong sáng, thanh liêm. Nói chung ông Sáu là cán bộ tốt, mẫu mực.

Nhiều người - trong đó có người từng là đồng đội chiến đấu với ông Sáu Tùng trong Khu, có người từng làm việc với ông sau này, đều hết lòng khen ngợi ông, và cũng không ít người cho rằng ông Sáu "khốt" quá! Ông Sáu quân tử Tàu, người sao mà khốt, mà đại!

Ái đôi một người từng vào sinh ra tử, có nhiều công lao với cách mạng như ông Sáu Tùng, đã hy sinh bản thân mình và gia đình, hy sinh luôn hai đứa con trai, đến khi giải phóng 1975, ông là một trong những cán bộ trọng yếu ở TP.Hồ Chí Minh, được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất (1985), Huân chương Độc lập hạng Nhì (2000), được Nhà nước phân cho ngôi biệt thự 300m² ở đường Nguyễn Văn Trỗi, quận 3, TP.Hồ Chí Minh, vậy mà khi về hưu ông trả lại ngôi biệt thự sang trọng đó cho Nhà nước, cùng gia đình về quê ở mãi tranh nghèo vùng sâu vùng xa, trong xã Thạch Lộc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ông Sáu Tùng sinh năm 1921 ở Tiền Giang. Cha là Nguyễn Văn Nền và anh ruột là Nguyễn Văn Đâu - cán bộ tuyên truyền từ thời kháng Pháp, hai ông bị địch bắt đầy đi Côn Đảo rồi hy sinh tại đó, em ruột của ông Sáu Tùng là Nguyễn Văn Một cũng hy sinh tại Tiền Giang. Theo gương cha chú, ông Sáu Tùng tham gia cách mạng, tập kết ra Bắc, năm 1970 vượt Trường Sơn trở về Nam, làm cán bộ Y4 (đơn vị đặc nhiệm công tác Thành) Khi còn ở trong Khu, ông Sáu Tùng viết thư kêu gọi các con thoát ly, hai con trai lớn của ông đáp lời cha, con gái út còn nhỏ ở nhà phụ mẹ chăm sóc bà ngoại, lớn lên làm giao liên. Mẹ và vợ ông Sáu Tùng đều được phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam Anh hùng, bởi có chồng, có con hy sinh cho sự nghiệp cách mạng, và bản thân họ cũng bị tù tội vì nuôi giấu cán bộ. Có thể nói gia đình ông Sáu là cách mạng nòi. Năm 58 tuổi, ông Sáu bị khối u ở phổi, nằm bệnh viện Thống Nhất 18 tháng, biết mình khó qua khỏi, ông xin về hưu, dặn vợ và con gái út: "Má và con trả lại nhà cho Nhà nước giúp ba, để Nhà nước cấp cho cán bộ khác làm việc, thì ba mới nhắm mắt thanh thản." Vợ và con gái ông đã vui vẻ nghe lời.

Ông Sáu sau đó được chuyển về bệnh viện Tiền Giang gần quê nhà, 3 tháng sau thì mất. Trước khi mất ông gượng dậy gơ tay chào ảnh Bác Hồ, chào các đồng chí mình, dặn con gái rằng lo cho các con - tức các cháu ngoại của ông, được ăn học tới nơi tới chốn.

Hai con trai lớn của ông Sáu Tùng là Nguyễn Phong Lưu và Nguyễn Văn Thắng đã hy sinh. Người chết là hết. Công lao họ thôi không kể nữa, bởi không có gì lớn và quý bằng mạng sống của mình mà họ còn dám hy sinh. Chỉ xin kể thêm về cô con gái út của ông Sáu Tùng là chị Nguyễn Thị Việt, mà ông Sáu thương mến gọi là Ái Việt.

Từ lúc 7 tuổi, Ái Việt đã biết đem cơm cho bộ đội, lúc cha đi tập kết, mẹ bị tù. Sau khi hai anh trai hy sinh, Ái Việt là con gái mới lớn sống trong lòng địch, lại là con nhà cách mạng nên bị ức hiếp đủ điều. Ban ngày chị Việt phải lánh vô bụng, tối mới dám về phụ mẹ nuôi cán bộ và chăm sóc ông bà ngoại.

Chị Việt và mẹ giấu thương binh dưới hầm đào gần nhà. Chị kể: "Có lần tui chứng kiến các thầy thuốc cưa chân bộ

đội bằng chiếc cưa lá mà ghê người! Hồng có thuốc tê gì hết! Thấy thương lắm! Từ đó tui nhận chân giao liên, mua thuốc Tây ở chợ Cai Lậy để tiếp tế cho thương bệnh binh. Tui giấu thuốc dưới gầm ghe, đầy nắp lại, trên chất gạo, chất cám, trái cây để ngụy trang. Nói chung trên giao gì tui làm nấy. Đêm đêm tui cùng chị em tải đạn, tải gạo, băng lộ bằng đồng bảy tám cây số. Có lần bị địch phát hiện, súng đại liên trên xe Jeep của địch bắn đuổi xối xả, nhiều chị bị trúng đạn chết!... Lúc đó Mỹ Ngụy đổ quân càn ba bốn lần một ngày, anh Hai tui mới về thăm nhà, bị hy sinh trong trận càn năm 1963. Một người hàng xóm phải giấu xác anh Hai dưới hầm chông rồi đầy nắp lại. Trận càn kéo dài tới 3 tuần. Mãi sau giải phóng 1975, gia đình tui mới tìm được xác anh, thấy xương cốt anh ngồi co trong hầm chông, tội lắm! Cũng may người hàng xóm còn sống, còn nhớ chỗ cây đa lớn."

Năm 22 tuổi, chị Việt lấy anh Nguyễn Văn Hồng - đại đội trưởng Đại đội truyền tin Công Trường 5 (thuộc Bộ quân khu) Năm 1968 anh bị thương ở đầu tại chiến trường Xuân Lộc. Khi giải phóng đồn Cỏ Găng (1975) anh bị thương ở hông sườn, gãy tay... Anh Hồng là thương binh 1/4, đang chờ giám định thêm. Hiện nay vết thương đầu tái phát khiến anh mất trí nhớ, cứ lang thang đây đó, không giúp gì được cho vợ con.



Ông Huỳnh Đăm - Phó Bí thư Thành ủy TP.HCM trao Huân chương Độc lập cho ông Nguyễn Thanh Tùng (đã mất). Người nhận Huân chương là chị Nguyễn Thị Việt - con gái của ông Nguyễn Thanh Tùng

Chị Việt kể: "Cực khổ nhứt là khi tui sinh đứa con đầu mới được 3 ngày, bị địch đốt nhà lửa vô Ấp Chiến Lược. Tui phải ôm con thơ chạy tới nhà cô ruột ở Bình Phú cách đó 20 cây số để trốn. Sau đó tui tạm đổi tên là Bùi Việt Hồng để tránh bị địch theo dõi (Bùi là họ mẹ)."

Thời hoạt động, chị Việt bị địch bắt 3 lần: Lần thứ nhất, em rể chị Việt là Lê Văn Thiệu - trưởng ban du kích vành đai bị hy sinh. Ba ngày sau khai mộ, anh em bí mật họp bầu anh Trần Văn Tài (Ba Tài) lên thay. Không may họ bị chỉ điểm, biệt kích Mỹ vây bắt được 10 người - trong đó có chị Việt. Mỹ đưa 10 người qua Mộc Hóa (tỉnh Kiến Tường), sau đó chuyển qua Trung tâm Chiêu hồi để nhận mặt. Chị Việt bị đưa qua An ninh điều tra (Ban hai). Chị nhất định không khai, địch tra tấn đủ kiểu: đánh bằng cây ba trắc, roi điện, kẹp điện vô lỗ tai, xối nước xà-bông vô mắt mũi - hiện nay tại chị bị rách cũng chưa và được. Mỗi lần trở trời, đầu óc và hai tai chị lại đau buốt! Kỳ đó chị bị giam

3 tháng, mẹ chị phải lo 3 cây vàng chị mới ra được. Lần thứ hai, chị đội gạo tiếp tế cho bộ đội, bị lính ở xã 9 bắt đưa về Chi khu Mỹ Phước Tây. Rút kinh nghiệm lần trước, biết bọn lính tham tiền, gia đình lo 60 triệu để chị được ra. Lần thứ ba, năm 1970 chị Việt qua Campuchia thăm cha (mới đi tập kết về) chị đi cùng cô ruột - tên Nguyễn Thị Kiềm (chị thứ ba của ông Sáu Tùng). Hai người toàn đi trong rừng, vừa đi vừa về mất 2 tháng. Khi về, hai người bị lính Phụng Hoàng bắt tại Gò Dầu, Tây Ninh. May mới từ trong rừng ra nên người của ta hay kịp. Đơn vị ông Sáu Tùng phải lo gấp 60 triệu để hai cô cháu được ra.

Kể qua vậy để thấy rằng chị Nguyễn Thị Việt - người con còn lại duy nhất của ông Sáu Tùng cũng tham gia hoạt động cách mạng. Chị Việt giống tính cha, cho đến bây giờ chị cũng không dám kể công, chị nói: "So với hai anh tui và những chị em khác đã hy sinh thì tui đâu có ăn thua gì."

Giờ đây, anh Ba Tài - người trước đây thay em rể chị Việt làm trưởng ban du kích vành đai. Mỗi khi gặp chị Việt, thường nói: "Sao em không làm giấy báo công, anh ký cho. Chuyện em lúc đó nhiều người biết". Chị chỉ cười lắc đầu... Nhiều người lại nói chị Việt khờ, chị đại!

Sau khi cha mất, đến lượt những vết thương của chồng chị Việt tái phát, chị phải cầm thế hơn 4 công đất hương hỏa



Ông Nguyễn Thanh Tùng (Dân Tiến), nguyên Phó Bí thư Thành ủy TP.HCM

cộng đủ 60 triệu đồng để chuộc lại đất đai hương hỏa.

Gia đình chị Việt vô cùng cảm kích, biết ơn, vì nếu không có các cơ quan ban ngành trên giúp đỡ, thì phần đất ông bà nội chị để lại đã mất rồi. Chị Việt và 6 con nhỏ vui mừng báo nhau ra sức làm ăn canh tác trên phần đất nghĩa tình đó.

Nhưng trở trêu thay! Mãi đến năm 2008 (tức 11 năm sau) khi chị Việt lên Xã xin làm sổ đỏ thì mới té ngựa ra: Chính quyền xã Thạch Lộc chia quyết định của Tỉnh, chia phần đất trên như sau:

Thửa 1: Giáp tỉnh lộ 865, diện tích 1.654m².

Thửa 2: Nằm giữa, diện tích 2.063m².

Thửa 3: Giáp kinh Nguyễn Văn Tiếp, diện tích 1.090m².

Và gia đình chị Việt chỉ được sử dụng canh tác phần đất ở giữa (2.063m²). Trong đó có căn nhà tình nghĩa, có phần mộ ông bà Sáu Tùng và hai con trai (tức hai anh của chị Việt đã hy sinh). Còn thửa mặt đường và thửa giáp kinh Nguyễn Văn Tiếp - tức hai mặt thuận tiện giao thông đường thủy đường bộ, thì do UBND xã Thạch Lộc quản lý. Chính quyền xã nói nếu chị Việt chấp nhận vậy thì mới được làm sổ đỏ thửa đất 2.063m² nằm ở giữa. Chị Việt buồn quá, hỏi: "Vậy gia đình tui đi lối nào?" Xã nói sẽ chứa một lối đi nhỏ chừng 1m dẫn ra tới lộ.

Tôi - người viết bài này, có dịp quen với gia đình chị Nguyễn Thị Việt qua một đợt theo đoàn cứu trợ từ TP.Hồ Chí Minh xuống Cai Lậy thăm các gia đình nghèo thuộc diện chính sách. Khi nghe được chuyện này, tôi cũng hết sức ngỡ ngàng! Tôi hỏi chị Việt: "Gia đình chị có công như vậy, các cơ quan ban ngành đã giúp đỡ như vậy, sao lại có quyết định là chỉ cho gia đình chị phần đất nằm giữa? Giờ việc đi lại, làm ăn của gia đình chị ra sao?" Chị Việt trả lời: "Mới đầu, Xã nói sẽ làm trụ sở ấp trên thửa đất thứ nhất gần mặt đường. Các con tui buồn lắm! Chán nản bỏ đi làm ăn nơi khác, tan tác mỗi đứa một nơi! Tui lên Xã khóc lóc năn nỉ, đến nay không thấy Xã nói gì, chắc chính quyền đã nghĩ lại mà thương tình gia đình tui anh à..." Tôi cười, nghĩ lại vụ bà cán bộ nổi cộm ở Tiền Giang vừa bị ra tòa vì vụ tham nhũng đất đai vừa rồi. Tôi trấn an chị: "Chị yên tâm. Ông Sáu Tùng cha chị là người có chức quyền mà liêm chính. Nguyễn Văn Trỗi, quận 3 - giá hàng ngàn cây vàng mà ông còn trả lại cho Nhà nước, thì Nhà nước ở đây nỡ lòng nào lấy của chị chút mảnh đất hương hỏa ở chốn xa xôi hẻo lánh này". ■

NGUYỄN HỒNG VINH

Tản mạn mùa đông

Tuyết cướp hết lá cây giấu vào lòng đất -
Để thân khô trơ trọi dọc đường
Những "cánh tay trần" chia vườn đợi nắng
Đòi đất trời sớm trả màu xanh!

Em trầm lặng suốt cả mùa đông
Giận hờn điều chi chẳng rõ?
Anh định nín khi nắng xuân rực rỡ
Những mầm non sẽ xuyên vỏ gọi mùa!

Chúng mình lại sánh vai dưới tán cây xưa...

Xa

Tên ngàn mây bỗng bỗng nổi nhớ
Dưới trời xa, ánh mắt đắm đắm
Tìm rộn đập, em lẽ nào nghệt bốp?
Tuồng gần rồi, lại hóa xa xăm!...

Vô đề

Giờ này quê nhà đã sang canh năm
Em còn ngủ hay ngồi bên bàn viết?
Trang giấy em có phấp phồng thốn thức
Bóng hình anh, đêm lạnh, xứ trời Âu?



TRƯƠNG ĐIỆN THẮNG

Biển như cô gái dỗi hờn
Sau nụ cười lụa ngọt
Sóng lao xao những nhịp điệu âm nhạc
Chợt gấm thét bão giông
Chàng ngư dân mãi tóc chẻ ngôi
Không bao giờ về lại
Nụ cười của chàng, mái tóc của chàng
Ngày trở về gói trong vải trắng

...Hàng chuối mốc sau hè
Gió chiều hôm xào xạc
Mẹ ra đồng chưa về
Đàn gà con xao xác

Mấy anh em ngồi khóc
Lay lắt ngọn đèn dầu
Cha ốm bệnh nằm đau
Nghe kiến bò trong bụng

Quê nghèo lưng miệng thùng
Hao gầy mảnh ruộng gieo

TRIỆU NGUYỄN

Lục bát chẻ câu

Nhà ta ở đường Khương Đình
Nghe dòng Tô Lịch vật mình trắng đêm
(Cao dao của dân thổ cư)

Cổng làng
ở giữa nội ô
ngõ chằm và ngõ
nhà ngõ gác nhà

nơi đây
xưa -
gốc sưa già
vòm đa cổ tích
miếu
và
trăng quế
từ ngày
gió thả bùa mê
rạ rơm thoát xác
mặt đề hòa đường
rượu hoang nên phố nên phường
vắng trăng hòa mặt kính gương
đổi màu

ta như
lục bát chẻ câu
ngẩn ngơ trước cuộc bể dâu
kinh thành...

Chập chờn cánh bướm

Tôi tương tư rất nhẹ nhàng...
Nguyễn Bình

Ngẫu nhiên cùng trọ một nhà
Nửa gian vách liếp ngăn ra hai phòng
Em phòng ngoài. Tôi phòng trong
Gần nhau gang tấc mà lòng vời xa

Chẳng cần ươm hồi lân la
Thoảng mùi nhút muối thơm già biết ngay
Em đi trời ửng chân mây
Khuya về phố vắng lá cây rụng buồn

Từ trong sâu thẳm tâm hồn
Lòng tôi thấp những hoàng hôn ưu phiền
Đi trong hoang hoải đồng tiền
Càng thương cái dáng em hiền quá thôi...

Người xưa... cách giấu mừng tôi
Có con bướm trắng...
Còn tôi bây giờ
Hiếu nhau kẻ tóc chân tơ
Mà không đến được
bao giờ đến đây?

Chập chờn cánh bướm trắng bay
Đời như lòng mẹ xanh cây đáp đến.

Biển chanchu

Cô gái hay hờn hôm trước
Chạy trên biển chiều
Đạp lên những ngọn sóng
biển không mặn bằng nước mắt em

Biển đã chôn vào vô tận lời hẹn hò
của đôi tình nhân trẻ.

Khúc hồi niệm ấu thơ

(Để nhớ em trai quá cố)

người đi mười người theo
những chân trời xa lắc

Hàng tre gầy rẻo rất
Xé giấc mơ trưa nồm
muối mè chấm sắn lát
giành chầy nước miếng thèm

Rồi ngày kia lớn lên
lại nằm mơ tuổi nhỏ
Kỷ niệm đẹp vẫn buồn
của một thời khốn khó...



ĐINH QUANG TỐN

Bay trên mây trắng

Tĩnh nhỏ ngắm nhìn mây trắng
Tưởng đâu là cõi thiên đình
Trên đây bao điều bí ẩn
Ngọc Hoàng, những nàng tiên xinh...

Ước làm sao lên được nhĩ
Một ngày bằng mấy mươi năm
Hình như lại còn bất tử
Rối đêm đêm ngắm chị Hằng...

Hôm nay bay trên mây trắng
Cố tìm nào thấy gì đâu
Mây như cánh đồng bông vậy
Cao xanh bốn phía một màu

Thì ra những giấc mơ đẹp
Chỉ là những giấc mơ thôi
Bây giờ năm mươi lăm tuổi
Ngộ ra bao chuyện trên đời

Vượt lên bay trên mây trắng
Mây trắng không phải trên trời
Cỏ xanh không phải dưới đất
Vũ trụ bốn bề chơi vơi...

**Đến Trà Cổ
nhớ nhà thơ Xuân Diệu**

Tăng Thiệp

Cùng em đi Trà Cổ
Nơi Xuân Diệu xưa ngồi
Giờ từng đôi trai gái
Chẳng có ai lẻ loi

Nhớ mà thương thi sĩ
Tình yêu tưởng tượng thôi
Biển hôn bờ cát trắng
Yêu cuồng say muốn đời

Nhớ mà ơn thi sĩ
Quên mình không lửa đôi
Thơ tình yêu dào dạt
Vô tư tặng mọi người

Biển ngàn đời vẫn thế
Chỉ người thay đổi thôi
Kẻ đá ta tâm sự
Trăm năm sau ai ngồi?

Hạnh phúc hơn Xuân Diệu
Chúng mình ngồi bên nhau
Mơ làm sao bằng thực
Anh chẳng làm thơ đâu.

Thi sĩ Xuân Diệu có bài thơ tình yêu Trên bãi biển Trà Cổ.

TRUYỆN NGẮN
DỰ THI

KÝ ỨC CÁ VÀNG

Truyện ngắn dự thi của PHẠM THỊ THUÝ HẰNG

1. M UỐN ra vào căn nhà này phải qua bốn lần cửa: Cộng thêm một lần cửa phòng cô nữa là năm. Từ ngày cô đến đây, tất cả các cánh cửa đều đóng. Không khí trong nhà bao giờ cũng lạnh lạnh. Sáng nay cô dậy sớm, kéo hết rèm cửa ra cho ánh nắng tràn vào. Ở nơi có nhiều ánh nắng, cô có cảm giác an toàn hơn. Lúc còn nhỏ, mỗi khi mẹ cô đi vắng, bà cho cô hai lựa chọn: một là ở trong nhà, bà khóa trái cửa lại; hai là ở ngoài sân. Bao giờ cô cũng chọn ở ngoài sân với ánh nắng mặt trời. Nhưng sau bao nhiêu năm va chạm với những biến cố gì bây giờ cô không nhớ rõ, lựa chọn của cô đã thay đổi. Cô vẫn cần ánh nắng, nhưng ở trong một căn nhà với nhiều lớp cửa thì vẫn hơn.

Phòng cô ở lầu hai, bên trong có toa-let riêng. Cô hạn chế tối đa việc đi ra ngoài, trừ khi thức ăn trong phòng đã dùng hết. Cô không bao giờ sử dụng gian bếp ở tầng một. Vì ngày đầu tiên đến đây, khi người môi giới đưa cô đi tham quan toàn bộ ngôi nhà, cô phát hiện căn nhà còn có một tầng hầm nữa. Muốn đi vào bếp phải đi qua cái cầu thang dẫn xuống tầng hầm ấy. Cô quyết định không nấu ăn. Cô chỉ ra ngoài vào buổi trưa để mua thức ăn chế biến sẵn. Khi đi qua hành lang và các căn phòng đóng im ỉm khác, cô đi như chạy. Cô không thể tưởng tượng nổi chuyện gì sẽ xảy ra nếu có một ai đó mở một cánh cửa nào đó ra và nhìn thấy cô. Tất nhiên căn nhà thuộc về cô nhưng cô không thể kiểm soát được sự có hay không có mặt của một ai đó ngoài bản thân cô ở đây. Việc mở các lớp cửa bao giờ cũng khó khăn vì hai tay cô run cầm cập. Cô luôn tra nhầm các chìa khóa. Cái âm thanh khó khốc của kim loại chạm vào nhau cũng làm cô rợn người. Một lớp cửa, hai lớp cửa, ba lớp cửa, bốn lớp cửa. Thế là cô thoát được ra ngoài. Cô đi thật nhanh đến siêu thị nhỏ gần nhà và cố gắng xách về lượng thức ăn nhiều nhất có thể. Khi về đến nhà, bao giờ cô cũng hít một hơi dài lấy hết can đảm mở từng lớp cửa rồi lại khóa trái chúng, sau đó chạy như bay về phòng mình khóa cửa lại. Những túi thức ăn lùm xùm luôn làm cô khổ sở. Đôi khi cô để quên vài túi bên ngạch cửa. Cô chỉ có thể lấy chúng vào lần đi mua thức ăn sau. Cô ao ước mình có thêm hai cái tay khác để mở và khóa cửa.

2. Căn nhà cô ở nằm giữa một ngôi nhà cao tầng khác và một mảnh đất hoang. Thỉnh thoảng cô nhìn người qua ban công nhìn sang nhà bên cạnh nhưng chẳng thấy gì. Thiết kế của nó như một chiếc hộp. Cô không biết nó chứa đựng cái gì bên trong. Nhà cô chỉ có ba tầng, còn nhà bên cạnh cao hơn. Ngang tầm mắt cô chỉ là một bức tường lạnh lẽo. Đôi khi cô nghe tiếng người húng hắng, không rõ là nam hay nữ. Đặc biệt là luôn có tiếng máy sấy tóc vang lên lúc một giờ sáng. Cô để ý từ ngày cô đến ở, cứ đúng một giờ sáng là nghe âm thanh ấy. Cô đoán chắc là bên ấy có một người nào đó có thói quen tắm khuya.

Trước mặt nhà cô là một con đường nhỏ, xe cộ qua lại cũng thường xuyên. Nhưng khoảng sân nhà hơi rộng nên cô cảm thấy khoảng cách giữa mép đường và chỗ cô đang ngồi đây xa vời vợi. Cô thường không biết làm gì cho hết ngày, đành ngồi ngoài ban công. Cô cầm một quyển sách trên tay nhưng hầu như chẳng bao giờ đọc nổi một hàng nào liền mạch. Cũng có khi cô ngồi bất động hàng giờ liền và nghe ngóng. Một tiếng đập cửa của nhà bên cạnh cũng làm cô giật mình đánh rơi quyển sách. Rồi cô lại ngồi như bức tượng, chỉ có đôi tai và cái đầu hoạt động.

Có những ngày buồn bã khác, cô vẫn ngồi trên chiếc ghế đặt ngoài ban công. Cô nhìn nắng lên, rồi nắng phai. Đôi lúc cô muốn sống người hơn. Cô rướn người ra phía nắng bên ngoài lan can. Cô cười với những người đi đường và thậm chí là gơ cả hai tay về phía họ. Nhưng họ, không ai đáp lại cô. Rốt cuộc thì họ không nhìn thấy cô hay là họ xem như cô tàng hình. Cô nghĩ mãi không ra, tự nhủ ngày mai sẽ nghĩ tiếp.

3. Bây giờ cô nghĩ đến cái chết. Một người dù có sống tàng hình thì đối với bản thân mình, anh ta vẫn không thể phủ nhận được sự tồn tại của chính mình. Mà có tồn tại thì có chết đi. Cô lo lắng nghĩ một ngày nào đó cô chết đi, thì phải mất bao lâu sau mới có người phát hiện và đưa cô ra khỏi tầng này lớp cửa? Nếu cô thực sự đang tàng hình thì làm sao họ phát hiện ra cô được? Còn ngược lại, nếu phát hiện được cô đã chết, họ sẽ đưa cô đi đâu và bằng cách nào? Liệu rằng trong căn nhà này đang có bao nhiêu người tàng hình như cô tồn tại? Liệu rằng có ai đó đã chết và đã được mang đi? Hay có ai đó đã chết mà chưa được mang đi? Họ có thể ngày ngày vẫn nhìn thấy cô, nghe thấy cô, can thiệp vào cuộc sống của cô bằng cách này hay cách khác. Họ ở đằng sau những cánh cửa của các căn phòng còn lại. Họ ở dưới tầng hầm. Họ nấu ăn dưới gian bếp. Đứng rồi, hôm qua cô đã nghe mùi thức ăn. Cô sợ hãi. Cô lập cập đóng cánh cửa dẫn ra ban công, leo lên giường nằm và trùm chăn kín mặt trong khi bên ngoài trời còn nắng. Sau đó vài phút thì cô giở chăn ra, chỉ đáp ngang cổ. Thêm một lần chắn phủ lên người thì sẽ cảm thấy an toàn hơn nhưng cũng không nên phủ kín mặt. Cô phải để đầu thò ra ngoài, để còn quan sát được xung quanh và hơn nữa, lỡ có chết đi trong giấc ngủ thì người ta cũng sẽ tìm ra cô một cách dễ dàng hơn.

Nhưng cô ngủ không được. Cô tự trấn an mình rằng tất cả chỉ là tưởng tượng thôi. Cô nghĩ về gian bếp và cái cầu thang dẫn xuống tầng hầm. Cái cầu thang bao giờ cũng tối om. Cô không biết bên dưới tầng hầm chứa cái gì. Đối với những cái không biết rõ, người ta vừa tò mò vừa sợ hãi, vừa muốn đối diện lại vừa muốn né tránh. Cô phải làm sao đây. Giá mà có ai đó đi cùng thì cô cũng đủ dũng khí để bước xuống đó một lần xem thử. Nhưng mà bên cạnh cô hiện giờ thì có ai đâu.

Cô đã từng có bạn bè, rất nhiều bạn bè nữa là khác. Nhưng cô không gọi nổi tên một ai, mặc dù cô vẫn còn

loáng thoáng nhớ từng gương mặt họ. Cách đây vài ngày, cô mở danh bạ điện thoại di động ra và hoảng hốt nhận thấy không còn tên ai trong đó cả. Cô không nhớ cô đã xóa nó như thế nào và vào lúc nào. Cô không tin là mình đã xóa nó. Cô chẳng có lý do gì để làm như vậy cả. Trong đầu cô cũng chẳng có số của một ai. Cô đành đợi một trong số họ gọi cho cô. Nhưng đã mấy ngày trôi qua, cô chưa nhận được cuộc gọi hay tin nhắn nào cả... Cô tự nhủ, nếu không có bạn bè giúp thì cô sẽ nhờ người thu tiền điện, tiền nước dắt cô xuống dưới hầm một lần. Cô không thể sống mãi trong một mối hoài nghi khủng khiếp như thế.

Tiếng máy sấy tóc ở nhà bên vang lên khiến cô giật mình. Đã một giờ rồi, cô vẫn chưa ngủ được. Xe cộ ngoài đường đã vắng hẳn, ánh đèn đường đỏ đỏ chiếu vào căn phòng làm cô ngột ngạt. Cô muốn dậy mở đèn nhưng lại sợ phải rời khỏi chiếc giường. Cô đành nhắm mắt lại để quên đi. Cô lẩm nhẩm: quên đi, quên đi, ngủ đi, ngủ đi. Người nhà bên sấy tóc đã xong, trả lại cho không gian cái yên lặng cổ hữu. Cô phải quên đi những ý nghĩ lúc chiều thì mới mong chợp mắt. Cô cố gắng nghĩ về những điều tốt đẹp ít ỏi còn sót lại trong đầu mình. Nhưng khi cô tự nhủ "quên đi", những điều tốt đẹp đó đồng thời cũng biến mất. Cũng có thể là chúng đang ngày một ít đi vì bị những điều ngược lại lấn át...

4. Sáng nay cô ngồi với xâu chìa khóa trên tay. Cô muốn học thuộc mỗi chìa nên tra vào ổ khóa nào. Mặc dù mỗi chiếc chìa khóa đã được người chủ cũ cẩn thận dán số lên, nhưng mỗi lần mở cửa cô không có nhiều thời gian để đọc chúng. Cô muốn dùng xúc giác để nhận diện chúng. Dạo này cô thấy trí nhớ của mình thật tồi tệ. Tồi tệ nhất và cũng nguy hiểm nhất là tồi qua cô đã đi ngủ mà quên không đóng cánh cửa ra ban công. Sáng nay cô phát hiện ra điều đó và biết rằng cái đầu mình hình như không hoạt động tốt. Cô có thể quên tắt vòi nước để nước tràn lênh láng ra phòng sau một đêm, có thể đánh răng nhiều lần trong một buổi tối vì không nhớ rõ mình đã làm việc đó hay chưa, có thể lấy đầu xà gởi đầu hay ngược lại xà tóc bằng đầu gởi. Nhưng làm sao mà cô lại có thể quên đóng cửa trong lúc ngủ. Cô giận mình hết sức.

Có lúc cô nhớ ra được từng chi tiết của những việc mà cô đã làm ngày hôm qua. Cũng có lúc cô chẳng nhớ nổi ý nghĩ vừa thoáng qua óc mình trong một phần mười giây trước là gì. Cô nhớ cô đã từng đọc ở đâu đó hay xem một bộ phim gì đó nói về chứng Alzheimer. Lẽ nào cô giống như cô gái đó. Cô ta bị mất dần từng mảnh kí ức, bắt đầu từ những việc gần gũi gần gũi nhất, sau cùng là hoàn toàn mất hết ý thức và khả năng tri nhận. Cô càng nghĩ càng hoang mang. Nhưng cô hoang mang không lâu. Cô chỉ hoang mang khi cô còn nhớ về việc đó và ý nghĩ chưa chuyển sang việc gì khác.

Cô đã sống trong căn nhà này được bao lâu rồi, cô không nhớ rõ. Cô lục tìm được quyển lịch bỏ túi nhưng sao cô không hiểu phải xem như thế nào. Những ghi chép lộn xộn đề lên những con số chỉ tháng ngày lộn xộn. Trong số những ghi chú về công việc phải làm, việc nào cô đã làm rồi còn việc gì thì chưa? Cô phải bắt đầu xem từ đâu? Cô hoàn toàn không biết nên đành bỏ cuốn lịch sang một bên. Theo cô nghĩ thì cô ở đây cũng khá lâu rồi. Nhưng sao chưa một lần nào thấy người thu tiền điện, tiền nước hay tiền rác đến, trong khi cô vẫn có điện nước để dùng như bình thường. Hay là họ đã đến vào một lúc nào đó và cô đã đóng tiền cho họ mà cô không nhớ.

5. Có thanh âm của kim loại chạm vào nhau, như là tiếng mở cửa. Cô nín thở lắng nghe. Lòng thầm nghĩ chỉ cần có một ai đó đến mở cánh cửa phòng cô và có ý muốn hại cô, cô sẽ lập tức lao mình qua lan can này. Nhưng biết đâu lại là một người bạn nào đó đến tìm cô. Cũng có thể là người ta đến thu tiền điện nước của nhiều tháng dồn lại. Làm sao họ có chìa khóa nhà cô? Tim cô như ngừng đập. Âm thanh lách cách vẫn chưa dứt. Họ đã mở đến lớp cửa thứ mấy rồi? Cô còn lại bao nhiêu thời gian? Cô giận mình tại sao không đếm ngay khi nghe tiếng lách cách đầu tiên. Cô vừa hân hoan vừa sợ hãi. Cô ngồi thu mình trên chiếc ghế, thấy toàn thân tê buốt. Cả đầu óc cô cũng tê buốt, phía sau đầu thì giần giật từng cơn. Con mề muối khiến cô không nghĩ đến việc nhào người ra lan can xem người đang mở cửa là ai dù vẫn không ngừng tự hỏi người đó là ai? Cô sẽ đối diện với người đó như thế nào? Sẽ nhảy xuống lầu (vì cô không còn đường nào để chạy)? Sẽ hét lên? Hay sẽ ôm chặt lấy họ? Tiếng lách cách vẫn không ngừng vang lên, hồi thúc, dồn đuổi, đập bẹp mọi động thái trong cô...■



Minh họa của THÀNH CHƯƠNG

CHUYỆN ÔNG CỔ ĐẾN THĂM BÉ THY

NGUYỄN CHÍ TRUNG

ÔNG cổ đến thăm bé Thy lần đầu tiên vào một buổi chiều muộn, khi mọi người đã ăn cơm. Thy chăm chăm nhìn cổ, tóc đã bạc, quần phục mùa đông màu xám rất chỉnh tề. Thy mới ba tuổi rưỡi. Mẹ Mai ngạc nhiên Thy cũng không lạ. Thy cứ lúi cúi đến khi người Thy đụng vào thành ghế. Thy giấu hai tay về phía sau lưng. - Chẳng giấu gì cả đâu! Thy muốn nói như thế! - Chỉ vì Thy chưa quen ông cổ đó thôi.

Lần thứ hai, cũng vào một buổi chiều, nhưng sớm hơn. Bước lên các bậc cầu thang, rất cao, ông cổ tự hỏi: Không biết Thy thích kẹo hơn hay là thích bú bẻ hơn? - Có lẽ thích kẹo hơn. - Thế thì phải tặng kẹo cho Thy trước.

Ông bước vào phòng khách. Ông lấy ra gói kẹo, và sau đó là mấy con búp bê. Thy không nhìn vào kẹo. Hai chân dậm nhẹ trên sàn, Thy đưa mắt về phía mấy con búp bê.

Ông cổ nghĩ: Thy thích bú bẻ. Ông vừa hát nhại mấy câu dân ca mới trình diễn hôm qua bên bờ sông Hoài nơi phố Hội, vừa đưa bú bẻ cho Thy. Một bầy tang tình con nít. Một bầy tang tình con nít... Một đứa bé trai và một đứa bé gái.

- Cổ tặng Thy nè... Hai chị em đấy! Cổ lại chia ra một bú bẻ gái, lớn hơn, cao và gầy, mảnh khảnh như dáng người xứ lạnh. - Đây là bạn của Thy. Tên là Thơ đấy!

Rồi cổ tặng tiếp cho Thy con bú bẻ to nhất. Nó đội mũ đỏ, mặc áo len màu ngà, bên ngoài khoác chiếc áo hồng có viền màu trắng. Miệng chúm chím. Nó dễ thương và đẹp quá. Mắt nó nhắm lại khi nó

nằm nong nản bước vào giấc ngủ. Đôi mắt hồn nhiên ấy có thể mở ra nhìn thế giới, cả Thy, mẹ Mai và bà ngoại nữa, lúc thức dậy ngồi tựa vào người Thy.

- Thy đặt tên cho nó đi. - Ông cổ nói. Thy nói ngay: - Tên nó là Thy Thy. Thy ôm nó vào lòng. Thấy mắt nó long lanh, hàng mi đen dài mượt, Thy chọc tay nghịch. Ông cổ sợ nó đau, vội vàng bảo: - Thy đừng chọc vào mắt em, em đau đấy!

Đêm ấy, ông cổ về nhà, giấc ngủ chập chờn.

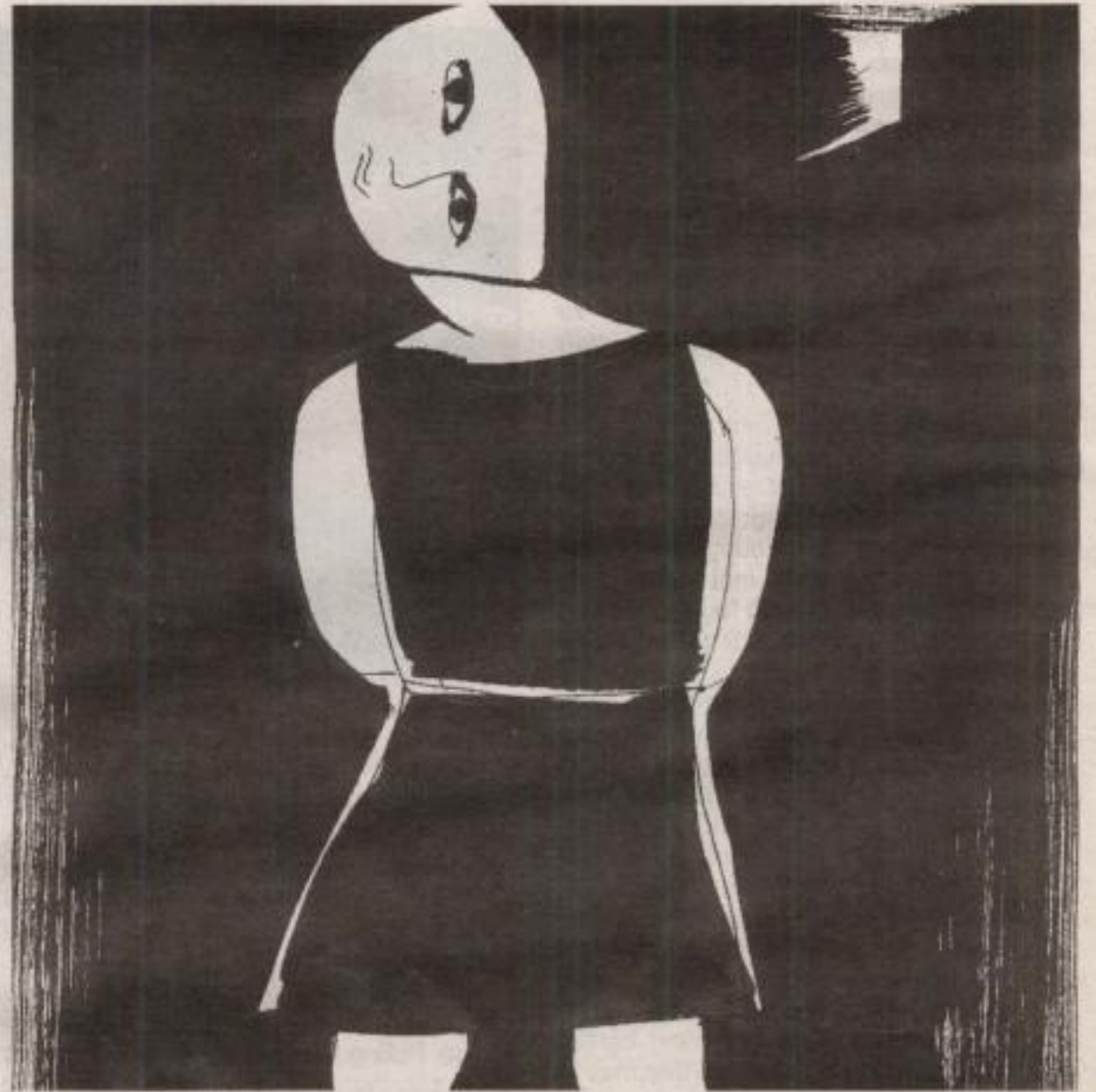
Ông mơ thấy Thy đang ôm em bé Thy Thy. Một lúc, Thy choàng dậy, quờ tay sang một bên. Thy đưa má cho ông cổ thơm. Thy nũng nịu hỏi ông cổ:

- Sao ông cổ lại thương Thy? Đôi môi cong của Thy hơi mím lại như các cô phát thanh viên mím môi làm dáng chào các bạn nghe đài.

Thy ngước mắt chờ đợi. Lâu quá, lâu bằng mẹ đi chợ í! - Chắc là ông cổ thua rồi! Ông cổ cũng nghĩ như thế. Làm sao mà trả lời nổi. Tình thương mệnh mỏng nơi sâu thẳm ẩn hiện qua mỗi dặm đường đời. Ông hít vào má Thy một hơi dài. Đôi mắt ông ướt lệ. Ngày xa xôi, mẹ ông vẫn hỏi giữa những đêm dài: Rứa rắng mà con lại thương mẹ?

Với giọng Quảng đặc sệt, tê mớ rắng rứa, ông hỏi lại Thy:

- Rứa rắng mà con lại thương ông?■



Minh họa của THÀNH CHƯƠNG



KHÁT VỌNG TRƯỜNG SƠN

Nằm kề nhau
Những năm mộ giống nhau
Mười nghìn bát hương
Mười nghìn ngôi sao chày
Mười nghìn tiếng chuông ngân trong im lặng
Mười nghìn trái tim neo ở đầu nguồn
Mười nghìn đôi vai từng gánh Trường Sơn
Mười nghìn đôi tay mở rừng xé núi
Mười nghìn đôi chân bám trên trọng điểm
Mười nghìn đôi mắt ngược hái mây chiều...
Mười nghìn ngọn đèn thấp miến giống bão
Mười nghìn bếp ầm giữa lòng rừng xanh
Mười nghìn cơn mưa, mười nghìn cơn nắng
Mười nghìn trận sốt bạc rừng nguyên sinh
Mười nghìn chiếc gậy của thời đôi mươi
Mười nghìn nếp nhăn hằn lên trước tuổi
Mười nghìn vết đau, mười nghìn vòng trắng
Mười nghìn mái tóc bị phát quang dần...
Mười nghìn Trường Sơn trong một Trường Sơn
Mười nghìn lời ca trong bài ca lớn
Mười nghìn cái tên đêm đêm mẹ nhắc
Mười nghìn giấc mơ của mẹ chờ ta
Mười nghìn con đò thương về bến đợi
Mười nghìn hạt giống chưa về phủ sa...
Mười nghìn tấm bia, còn mười nghìn nữa
Mười nghìn đồng đội nằm rải Trường Sơn
Mười nghìn hài cốt chưa về khỏi hương
Mười nghìn đơn côi nằm trong cội vắng
Mười nghìn cô quạnh lang thang nẻo rừng...
Mười nghìn khát vọng được về bên nhau!

NGUYỄN HỮU QUÝ

Lời bình của ANH NGỌC:

NẾU tôi không nhầm, khu Nghĩa trang Liệt sĩ Trường Sơn được khánh thành vào trung tuần tháng Tư năm 1977. Hôm đó, tôi may mắn được cùng các nhà thơ Phạm Tiến Duật và Phạm Ngọc Cảnh có mặt trong ngày lễ trọng đại này. Ngày lễ đón mười ngàn di cốt của các liệt sĩ hy sinh trên tuyến đường Trường Sơn về nằm bên nhau trong một nghĩa trang chung ấy đã diễn ra vô cùng thiêng liêng và đầy cảm

xúc. Nói như nhà thơ Ba Lan đoạt giải Nôben, Xúmborx-ca: Những con số quá lớn thường gây cho ta cảm giác mơ hồ, khó nắm bắt và mất phương hướng... - con số mười ngàn năm mở đường như đã vượt quá sức hình dung của những bộ não bình thường như chúng tôi. Chỉ thấy chập chùng những năm mộ giống hệt nhau như những viên gạch lớn, nằm san sát và bạt ngàn khắp các triền đồi miền man, bất tận. Những năm mộ có tên hay không tên đều lẫn vào trong cái biển cả vô danh của những gạch đá, bê tông và cỏ cây hoa lá. Nếu có một hình ảnh gì có thể đủ sức gom hết ấn tượng của người viếng thăm vào một điểm thì đó chính là bức tượng đài đồ sộ, nơi chung đúc anh linh của tất cả những người đã khuất vào trong một hình bóng, một tư thế, một gương mặt thần thuộc và sống động của con người... Và nếu có ai muốn về thấp một nén nhang chung cho tất cả anh hồn các liệt sĩ, thì nén nhang đó cũng phải được thắp lên trong cái đài hương chung đặt dưới bức tượng đài.

Tôi cho rằng nhà thơ Nguyễn Hữu Quý khi đến thăm khu nghĩa trang này và nhất là khi đặt bút viết bài thơ nói trên hẳn cũng luôn sống trong cái cảm hứng tượng đài như thế. Bởi vì, cũng như nghệ thuật tạo hình, thơ ca luôn phải đi từ cái toàn thể đến cái cá thể và lại từ cái cá thể chung đúc lên thành hồn vía của cái toàn thể - một quy luật sáng tạo thẩm mỹ thuộc loại bất biến và xưa như trái đất. Đề tài và chất liệu của bài thơ này chính là mảnh đất tốt nhất để Nguyễn Hữu Quý vận dụng quy luật sáng tạo này:

Nằm kề nhau
Những năm mộ giống nhau

Ấn tượng đầu tiên và mạnh mẽ nhất của những ai đặt chân tới nơi đây chính là ấn tượng về số lượng. Một ngàn, mười ngàn, hay một trăm ngàn ở đây dường như không còn khác gì nhau. Tất cả là bạt ngàn, là vô tận trong mắt lòng người đến viếng. Và hỗ trợ cho cảm giác vô tận chính là sự giống nhau như đúc của các ngôi mộ. Đã nhiều mà còn giống nhau thì đó là sự thách thức với trí nhớ, với nhận thức, sự nhạt nhòa của cảm xúc, và như chúng ta vẫn nói - sự đơn điệu luôn là trở ngại thường trực của mọi thứ nghệ thuật. Nhưng đây là số phận của mỗi con người bé nhỏ, là đối tượng hàng đầu mà mọi thứ nghệ thuật phải đánh thức dậy. Bởi vậy, gần như ngay lập tức, người làm nghệ thuật, mà ở đây là nhà thơ, đã

phải làm cái việc chuyển từ lượng sang chất, tức là thổi hồn vía vào cái khối bạt ngàn gạch đá im lặng ấy bằng cách liên tục làm sống lại những cuộc đời đang nằm dưới lòng đất kia mà mỗi cuộc đời sinh thời là cả một thế giới luôn sôi động và bất an. Những ngôi mộ thì giống nhau, nhưng những con người sống thì vừa có nét giống nhau dĩ nhiên, nhưng vô hạn khác nhau:

Mười nghìn cơn mưa, mười nghìn cơn nắng
Mười nghìn trận sốt bạc rừng nguyên sinh
Mười nghìn chiếc gậy của thời đôi mươi
Mười nghìn nếp nhăn hằn lên trước tuổi...

Cả bài thơ dài ba mươi câu thì chỉ trừ hai câu đầu, còn lại hai mươi tám câu đều mở đầu bằng một điệp khúc mười nghìn. Đây là một trường hợp hiếm có trong thơ nói chung và thơ Việt nói riêng. Nắm bắt được cái chủ tâm kín đáo của người viết khi triển khai cả bài thơ quanh chỉ một điệp ngữ, chúng ta sẽ có được cái chìa khóa để cảm thụ cả bài thơ. Ở đây, chính thực tế cuộc sống đã gợi mở cho người viết lối đi dường như duy nhất đúng: con số mười nghìn năm mộ tự thân nó đã gồm trong đó cả số lượng và chất lượng của chất liệu thơ, ấn tượng to lớn về số đông chỉ cần được cụ thể hóa và cá thể hóa một cách cẩn trọng và tinh tế là đủ cho ta có được một sinh linh thơ trọn vẹn.

Để trở lại với cái đầu đề Khát vọng Trường Sơn, thực lòng chính tôi lúc thoát đọc cũng chưa hiểu rồi ra người viết sẽ giải đáp cho câu hỏi lớn ấy như thế nào: Với những anh hồn liệt sĩ Trường Sơn, khát vọng đó là gì vậy? Nếu đặt câu hỏi ấy ra cho mỗi một chúng ta, thì chắc câu trả lời sẽ muôn hình vạn trạng. Bằng mấy câu kết ngậm ngùi và se buồn, nhà thơ Nguyễn Hữu Quý, với sự nhạy cảm và đa cảm của một nhà thơ, sự thấu hiểu của một tấm lòng đồng đội, đã nhẹ nhàng và giản dị hé mở cho ta hay:

Mười nghìn tấm bia, còn mười nghìn nữa
Mười nghìn đồng đội nằm rải Trường Sơn...
Mười nghìn cô quạnh lang thang nẻo rừng...
Mười nghìn khát vọng được về bên nhau!

Vâng, giản dị thế thôi. Sự thấu tình đạt lý của lời thơ đã khiến ta không biết là ở đây người sống đang nói hộ người chết hay chính là tình anh của những người đã khuất đang lên tiếng. Những con người đã sống bên nhau những năm tháng khốc liệt nhất của cuộc đời, chia nhau sự sống, chia nhau cái chết, thì không còn gì có thể chia rẽ được họ nữa. Đó là cuộc đoàn tụ của những người đã khuất hòa trong cuộc đoàn tụ tâm linh bất diệt của những người đi trước với những người đang sống hôm nay và mãi mãi mai sau.■

UỐNG RƯỢU MÙA NING NÔNG

Bút ký của NGỌC TẤN

Đến Tây Nguyên ước ao của du khách là được đắm mình trong ngát ngát của men rượu cần, trong vòng xoay dịu êm với tiếng cồng chiêng rạo rức. Nhưng còn một thú vui khác còn ít người được nếm trải - ấy là thú uống rượu cây... Giữa đại ngàn hùng vĩ, lừng lừng trong cơn say bởi thứ rượu độc đáo này, bạn sẽ thấy mình được gột rửa khỏi bụi bặm của văn minh kim khí, lùi xa khỏi cuộc đời náo động những tính toán, bon chen...

A Sang đi trước tôi một quãng ngắn. Con dao sắc như nước thỉnh thoảng lại lóe lên chặt đứt phăng một cành cây chia ra ngang đường. Chiếc gùi nhỏ trên vai anh xếp đầy những gạo nếp và thức nhắm - trong đó có một thứ tôi đang nóng lòng được nếm - ấy là "nu", một giống sâu đục thân sống trong ruột cây xà nu chỉ có ở xứ sở này...

Chợt nhớ mình đang trong tháng Ning nông... Người Tây Nguyên sau một năm làm lụng vất vả, trước mùa rẫy mới bao giờ cũng giành một khoảng thời gian để Ning nông. Trừ người già và trẻ nhỏ, ai còn sức leo núi là vào rừng. Họ săn bắt những con thú nhỏ, hái lượm trái cây dại và hưởng thụ những thức ăn có thể coi như... lộc rừng ban! Không màng đến thú vật vật chất, cốt để được đắm mình vào thiên nhiên hoang sơ, trở về với cái bản ngã của mình... Được uống rượu cây giữa mùa Ning nông, cái thú còn được nhân lên gấp bội. Và thật may là tôi đã được A Sang nhận lời với sự hào phóng không ngờ...

Không biết đã qua bao nhiêu cây số đường rừng nhưng đầu gối tôi đã bắt đầu cứng lại, mồ hôi đầm đìa lưng áo. Những nếp nhà dưới chân dốc trông về như những chiếc nấm hiu hiu trong chập chờn cơn gió thoảng. Nâng mông như tấm lụa choàng lên cây cỏ. Hàng đàn bướm rập rờn ngọc cả không gian. Một tiếng ve lẻ loi cất lên ngân ngún cũng đủ khuấy động cái tĩnh lặng đến lạ kỳ của đại ngàn đang tiết xuân thì...

Mãi ngắm phong cảnh kỳ thú đã chợt nghe tiếng reo mừng rỡ "đến rồi" của A Sang... "Cây rượu" thoát trông cũng tựa tựa cây dừa nhưng thân nhỏ hơn, lá cũng mảnh hơn. Người Xê Đăng gọi nó là "Loã tea vea". "Loã" là cây, "tea" là nước - tức "cây nước vea". Thôi ta cứ gọi bằng "cây rượu" cho dễ nhớ. Cái lạ, đất đai, núi rừng Tây nguyên mệnh mông là thế nhưng "cây rượu" chỉ đặc ân cho một số nơi ở vùng Bắc cao nguyên. Nam Cao nguyên, Đăk Plin nghe đâu cũng có lác đác. Người Bah Nar gọi nó là cây Doak... Nói "đặc ân" nghe có



Uống rượu mừng mùa Ning Nông.

vẻ hơi khoa trương. Thực ra đó là loại cây chỉ mọc ở lưng chừng núi gần như quanh năm mây phủ, thích hợp với khí lạnh hàn đới điển hình của đại ngàn. Bởi là thứ cây "đặc ân", vea thường có chủ. Không ai được tự ý "khai rượu" nếu không được sự cho phép của chủ cây...

"Cây rượu" vea lúc còn bé trông tựa cây cau. Lên đến ba, bốn mét mới bắt đầu trở buồng. Buồng trĩu ra từ nách bẹ buồng từng chùm hoa thơm mỡ màng (ngầy ngầy). Sau khoảng hai tuần hoa tàn, trái nhú ra xanh bóng như ngọc. Đây chính là thời điểm thích hợp nhất để "khai rượu". Cắt bỏ buồng, chỉ chừa lại phần cuống dài chừng gang tay, bên dưới người ta để một chiếc ống tre dài hứng nước. Và nước cứ thế liên tục chảy cả tháng trời mới cạn. Cây lớn mỗi ngày có thể cho đến hai chục lít nước. Để nước cây hóa rượu theo ý muốn, người ta sẽ cho vào ống đựng rượu vỏ cây K're còn tươi. Vị đắng, ngọt nhiều hay ít tùy số lượng. Mỗi năm cây vea chỉ cho từ 2-3 buồng vào khoảng tháng 1 đến tháng 7 Dương lịch. Song nếu là cây khô, chu kỳ khai thác có thể hơn cả chục năm ròng. Khi không còn trở buồng cũng có nghĩa là sức đã tàn, cây sẽ âm thầm chết rũ sau khi đã ban tặng cho đời đến kiệt cùng giọt nước ngọt lành...

Tim chỗ đất bằng chúng tôi trải là rừng, nhóm lửa để chuẩn bị thức nhắm. Chừng hơn tiếng đồng hồ nhìn lên đã thấy từ ống tre hứng nước cây bọt dùn ra trắng xóa. Hương rượu dịu ngọt thoang thoảng quyên

rũ hàng đàn ong bướm chập chờn vầy quanh... "Đã là rượu cây, dù mang về uống chung cả làng hay riêng lẻ thì cái thú cũng giảm đi một nửa. Phải ngay dưới gốc cây này, dưới tán rừng này, hồn núi mới cho mình cái say đủ đầy hương vị" - A Sang nói. Tôi liếc nhìn con người chân đất lưng trần, thô tháp như lõi cây rừng và lần đầu tiên cảm nhận được chất nghệ sĩ của một tộc người... Thì đây, bếp lửa than đã hồng. Bỏ từng vốc gạo nếp thơm lừng vào ống lồ ô tươi gác lên giàn lửa, ta đã có cơm lam nguyên chất của núi rừng. Thịt trâu khô nướng cháy cạnh. Và đây, món nu tôi mong đợi đã được chiêm vàng với dầu, thơm nức và béo ngậy được bày ra lá... Nghiêng ghè trích một dòng rượu sủi bọt vào chiếc cốc gọt bằng gốc nứa còn nguyên mùi nhựa, chúng tôi trân trọng áp môi và từ từ dốc cạn... Tôi lim dim mắt để cảm nhận cái hương vị thuần khiết lần đầu tiên được nếm của núi rừng. Không ngọt nồng như rượu cần, không cháy như rượu cất, bốc như bia, - từ cảm nhận đầu tiên là vị hăng của cây, vị ngọt của nước dừa, thoảng sau mới nghe hơi men nhẹ nhàng bốc lên cổ... Nhón một miếng nu chấm với muối già ớt rừng cay xé cổ, hương nhựa xà nu phảng phất, vị béo ngậy của món đặc sản có một không hai này quyện với rượu nghe cong vắt cái cảm giác hoan lạc đầu chót lưỡi... Và đôi môi cứ như mèm đi. Một cốc, một cốc rồi cốc nữa... Xung quanh tôi nặng nề từng giọt vàng ươm lên mặt đất. Gió ren ren như đôi chân trần thiếu nữ vọng đến từ một cõi mơ

hồ. Rồi ngọn lửa của rừng thức dậy. Khê khàng và dịu êm, sức nóng tỏa dần vào mỗi li ti của đường gân thớ thịt... Cứ mỗi cốc rượu tôi lại lùi xa thêm một quãng với cuộc đời đang sôi động ngoài kia. Trong veo trong tôi chỉ còn bản ngã, và rừng, rừng đang lặng lẽ ban cho tôi tất cả vẻ đẹp, nguồn sống, niềm hoan lạc với sự hào phóng không giới hạn của mình...

Một tiếng hú dài vọng đến lay tôi ra khỏi miền man ảo giác. Sau tiếng hú đáp trả của A Sang, chỉ thoáng sau như từ nách rừng, một tốp người tiến đến. Không đợi lời mời, họ cứ tự nhiên nhập cuộc như đã quen biết từ lâu. Tất cả những gì được rừng ban cho một ngày Ning nông đều được bày ra: Những chú chuột rừng lông vàng mượt béo mụp; vài con kỳ đà nhỉnh hơn cán dao, những chùm quả rừng sặc sỡ... Tôi, đang từ một bữa tiệc đối đầu thoát chuyển sang tiệc rượu cộng đồng. Chẳng quan tâm tôi là ai, từ đâu tới, cứ phải bình đẳng một cốc rượu đầy lần lượt quay vòng. Và cứ xong một "tua", miếng thịt chuột thơm lừng chấm muối ớt cay xé lại được ăn vào miệng tôi. Chợt thấy lòng đầy lên một cảm xúc yêu mến vô bờ với những con người mắt sáng, da nâu, đầu trần chân đất, chỉ mỗi khoảng khắc đây thôi hãy còn khiến ta e dè, xa lạ... Tây Nguyên là vậy. Bạn đã là người chung tiệc rượu, xin hãy rũ bỏ sự định kiến sang hèn, lời ăn tiếng nói. Bạn đã chung với tôi cang rượu, tôi sẽ đền đáp bạn bằng tất cả sự cởi mở của tấm lòng... Tất cả chúng ta đều cùng một gốc, một ngôn ngữ chung là Rượu - thứ ngôn ngữ không lời mà gói trọn tất cả khát vọng tình người...

Cái cảm giác hoan lạc, tươi rùng được rừng ban phát trong tôi cứ dần với theo từng bước chân xuống núi... Đã từng nhập cuộc với bao tiệc rượu tây, rượu ta, tôi vẫn chẳng có ấn tượng khó phai nào như bữa tiệc rượu cây mùa ning nông năm nay. A Sang nói rằng chẳng phải riêng tôi, ngay nhiều người đã từng sống nhiều năm ở Tây Nguyên - kể cả dân bản địa - cũng chưa hề một lần được nếm thứ rượu tuyệt vời này. Lộc trời ban riêng rẽ cho một vùng đất đã đánh, lại như muốn nó phải gắn chặt nguồn cội: Rượu cây chiết ra phải dùng trong vòng không quá một ngày. Đây là lý do vì sao cho đến bây giờ rượu cây vẫn chỉ để uống chơi, chưa bao giờ trở thành hàng hóa

Nhưng chính đây lại là một ẩn ý của tạo hóa mà rất tiếc chưa ai khai mở một ý tưởng làm du lịch! Du khách đến Kon Tum vẫn kêu ca về sự nghèo nàn, đơn điệu của các tour du lịch thì nguồn của trời ban ngay trước mắt lại chưa ai nghĩ đến... Một ngày được hòa mình giữa thiên nhiên thuần khiết, thưởng thức rượu cây với sản vật của núi rừng - lẽ nào không phải là sự trở về với cội nguồn của sự sống, tươi rùng, viên mãn...

Xuân này chắc bạn cũng muốn được về Đăk Man...■

BÙI SIM SIM

Mùa sau bão

Cả cánh đồng nham nhở tang thương
Những chē lúa thóp thoi sau bão
Liềm cong mùa thỏ than!

Cũng lúa tuốt rơm phơi ngập khắp ngõ làng
Mây cứ nổi giòn cho mùa về đỡ tủi
Cũng gốc rạ chông chờ chờ đường cày mới
Trâu gặm cỏ yên bình ru cảm giác bình yên

Mắt mẹ trũng ưu phiền
Nỗi buồn thấm sâu từng hạt lép
Lúa bồi thì nhiều, gạo thơm thì ít
Bao lo toan dồn xuống mẹ hao gầy

Con bán thần nhìn trắng mây bay
Lòng day dứt, dường như mình có lỗi
Con ước vọng đầu đầu mà đời nhiều bão động
Câu thơ kia không ấm nổi khói lam gầy.

Em giờ chải tóc soi gương

Em giờ chải tóc soi gương
Thương anh, hết thời em trẻ
Trước mặt là biển đầy
Em soi gập đầu bể

Giò đâu về nhiều thế
Từ muôn kiếp xa xăm
Lạnh đâu về nhiều thế
Đêm ghen gối em nằm

Nỗi niềm "muôn năm cũ"
Đến giờ vẫn chưa yên
Chiều chân như người lạ
Đèn khi nhớ, khi quên

...
Em giờ soi gương chải tóc
Rẽ ngời thấy đường chân trời
Em đi mãi mà không gặp
Hạnh phúc đã hóa mây trôi...

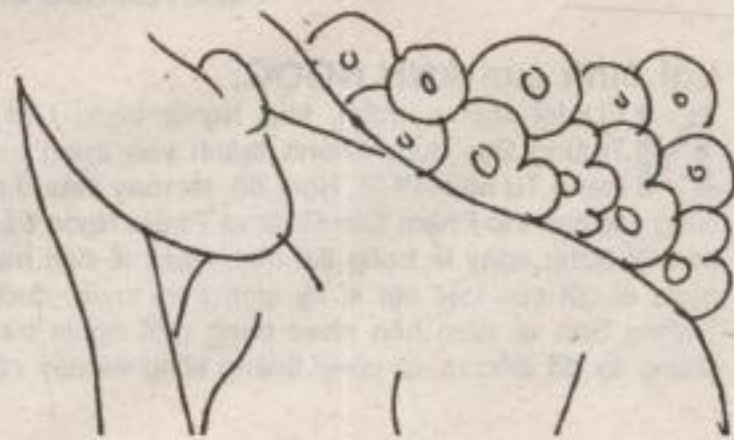
Ảo giác

Thư mỏng quá tựa hồ vừa chạm tới
Đã tan trong nỗi nhớ dịu êm

Anh thực đấy hay ta ảo giác
Em loay hoay hồi hộp kiểm tìm

Đời thoáng chốc, tuổi nào vừa lợc nhủ
Đã heo may, bàng rụng đỏ sân

Lòng có nhau - đủ gọi tên: hạnh phúc!?
Anh trong em hay ảo giác, thật gần...





Nhà văn, Tiến sĩ Văn học Hoàng Ngọc Hiến sinh năm 1930. Quê quán: Đức Phong, Đức Thọ, Hà Tĩnh. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam năm 1987.

Làm nghề dạy học từ năm 1949 đến khi về hưu. Đã từng dạy ở các trường Đại học Sư phạm Vinh, Đại học Văn hoá, Trường Viết văn Nguyễn Du.

Tác phẩm chính đã xuất bản: *Maiacốpski, con người, cuộc đời và thơ* (khảo cứu, 1976); *Maiacốpski, hài kịch* (dịch, 1984); *Văn học Xô Viết đường đại* (khảo cứu, 1987); *Văn học - học văn* (tiểu luận, phê bình, 1990); *Văn học gần và xa* (tiểu luận, phê bình, 2003); *Triết lý văn học và triết luận văn chương* (tiểu luận, phê bình, 2006).

Giải thưởng văn học: Giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam, 1985 cho tác phẩm dịch *Maiacốpski, hài kịch*.

Ông mất ngày 24 tháng 1 năm 2011. Bài viết dưới đây thay nên hương tưởng nhớ nhân 49 ngày mất của ông.



NGƯỜI NHƯ ÔNG THẬT QUÝ!

NGUYỄN AN

Như nhiều người từng biết, tiến sĩ Hoàng Ngọc Hiến là một nhà nghiên cứu, lí luận, dịch thuật văn học có nhiều ý kiến đặc sắc, là một nhà giáo tận tụy uyên thâm, là một đồng nghiệp thân quý của nhiều người. Ở ông có sự nghiêm cẩn trong học thuật được kết hợp tự nhiên với sự hiền hòa giản dị mà không hề thiếu lịch lãm trong giao tiếp.

Thế nhưng... ông cũng là người có cả vẻ ngây thơ vừa thật đáng quý và dễ gây cười cho người, lại vừa làm cho ta đôi khi lại cứ băn khoăn: hình như mình vừa có điều gì không phải với ông?

Chẳng hạn, có một người bạn thân của ông - là bạn thân của nhau, nên chắc là rất hiểu nhau, mà có thể sống sã với nhau được, đã nói về ông thế này: "Hoàng Ngọc Hiến là một tay cự phách trên văn đàn. Nhưng nếu là con gái, thì chắc là Hiến ta đã nhờ chàng với con trai hàng trăm lần rồi".

Ông nghe được nhận xét ấy, chẳng cần hỏi là ai nói, đã gật đầu, cười, rồi dang hai tay ra, kêu lên: "Thế à!?"

Hoặc là, chẳng hạn, ông xuất hiện ở Hội nghị Hội thảo trong nước hay ở nước ngoài - là hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, thì được để ý xăm soi đủ dè dặt, mà ông đi chơi đâu đó, ngồi trò chuyện với bạn bè ở cuối bàn, kẻ ở góc phòng thôi, mà chỉ mười phút sau, đã thấy có người ở các góc khác để mắt tới rồi, tại ông đang nói gì, đấy tâm đắc và ngữ điệu, dễ gây chú ý, hay những người ngay cạnh ông đã ồn ào hơi quá lên?

Còn nhớ, đầu như vào dịp hè 1986, ông có hỏi tôi:

Cậu đã đọc báo Văn nghệ chưa? Có một tay khá lắm, nó viết kinh hoàng lắm. Ông này mới viết à? Hay là dân cũ? Chuyện gì anh?

Thế rồi Nguyễn Huy Thiệp xuất hiện, được chào đón và gây tranh cãi khá kịch liệt. Thiệp như không biết là người ta đang bàn đang bình minh thế nào, cứ viết và cứ được đăng, được xuất bản. Cuộc tranh luận về Nguyễn Huy Thiệp đã đến hồi ồn ào hơn, bộc lộ chính kiến, quan điểm học thuật và cả kiến văn; bộc lộ cả cá tính và phong độ của người tranh luận. Trong bối cảnh đó, có người ghi công cho Hoàng Ngọc Hiến - người có tài phát hiện và có tâm năng đỡ; cũng có người không cho là như thế; lại cũng có người trách ông là đã "bóc" Thiệp lên ghê quá, nên Thiệp mới "được đà".

Lúc đó, hình như người ta đã tự cho là chỉ cần nắm bắt được "cái thần" của nhau, rồi cứ thế mà tranh luận (đôi khi là suy diễn quá mức), chứ nếu đọc kĩ nhau hơn, tôi tin là người ta sẽ chừng mực với nhau hơn. Nhưng ngày ấy, từ rất sớm, Hoàng Ngọc Hiến đã cùng với việc "tìm ra" Nguyễn Huy Thiệp mà giới thiệu nhiệt thành với văn đàn, thì đã nói với Thiệp rằng "tôi không chúc bạn thuận buồm xuôi gió". Trong bài viết nổi tiếng trong, ông đã có những đoạn như:

"Trong lĩnh vực văn nghệ, đầu đời mới thế nào, đời mới đến đâu đi nữa thì cũng không thể ra ngoài 'quy luật của cái đẹp', ra ngoài 'sự thật' và 'nhân bản' là những luật cơ bản, vĩnh cửu của văn học nghệ thuật. Chân, mỹ, thiện đã trở thành những giá trị truyền thống. Trong văn học 'thiện' trước hết là nhân bản. Từ ngàn xưa dòng văn học luôn chảy giữa hai bờ 'chân', 'mỹ' bao giờ cũng ra biển cả nhân bản. Không thể khác được. Bằng không, nước sẽ quẩn quanh, đọng thành những vũng ao tù. Đành rằng ao tù cũng có thơ ca và thi sĩ của nó".

Đọc những dòng này của Hoàng Ngọc Hiến chúng ta có thể thấy là ông không chỉ phân tích văn chương bằng sự sắc sảo của lí trí, mà bằng cả một nỗi buồn đau nhân thế.

Nhiều khi chúng ta đã thấy một người hay đọc sách và viết, hết ngày này sang tháng khác (như một người thợ gò hàn, làm việc bất kể nắng mưa qua nhiều năm), và ta không ngần ngại nói rằng: đó là một nhà văn bền bỉ (đó là một người thợ cần cù). Hiến nhiên là chữ bền bỉ (và chữ cần cù) dùng ở đây là không sai.

Nhưng quan sát, tìm hiểu công việc, công phu đọc sách, tra cứu, nghiền ngẫm và viết của nhà văn Hoàng Ngọc Hiến qua mấy chục năm nay, nếu lại viết: Hoàng Ngọc Hiến là một nhà nghiên cứu bền bỉ, thì đúng thôi, nhưng chưa phải, chưa đích đáng - nói theo cách của ông.

Hoàng Ngọc Hiến là người cần cù, và rất say mê cái mới. Say mê cái mới trong nghệ thuật đã đành, say mê cả những cái mới trong cuộc sống bình thường nữa. Lần ấy ông đi Mỹ về, ông hào hứng say sưa kể lại các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ, làm việc, rồi đọc và ghi tới ngày suốt buổi ở bên đó, về những thư viện và sức đọc ở bên đó...., chờ ông tạm ngừng lời, tôi xen ngang vào hỏi:

Anh mang về nhiều thế và anh ưng ý nhất là cái gì?

Ông reo lên ngay: Câu hỏi này mới chỉ lí! Máy chữ! Cái máy chữ vi tính! Cậu có biết không, nó là một nhà xuất bản, nó là một giàn nhạc giao hưởng hoặc một khối đọc tấu tuyệt vời đấy! Máy chữ nói công cụ sản xuất sản sinh ra chất lượng lao động và chất lượng cuộc sống, anh còn nhớ không?

Rồi ông hào hứng miên man sang công năng tác dụng "vô bờ bến" của máy chữ vi tính. Một người hỏi:

Thế anh đã dùng máy này thành thạo rồi chứ?

Hoàng Ngọc Hiến sững lại về trầm ngâm, ông chắc lưỡi, dang thẳng và tiếp:

Cũng là máy mò thôi. Nhưng tớ đưa về cả một giàn máy rất mới, rất hiện đại, lại còn cả các sách dạy sử dụng máy vi tính bằng tiếng Anh nữa.

Và rồi ông mồm mọ tự đọc, tự học sử dụng máy này thật, rất say sưa. Có người đến, ông vốn và ra đón, chưa kịp ngồi yên, chưa kịp để bà Nga (vợ ông) nhắc, ông đã chạy lại cạnh cái máy nhấp nháy con chuột. Bà Nga nhảy mất vài khách:

Người tình mới của ông Hiến đấy, văn với chả máy, hi hục hấp háy tất mớ suốt đêm, khiếp lắm!

Ở nhà ông ra về, tôi cứ nghĩ: Không biết là thời gian biểu hàng ngày của ông là thế nào? Đọc, nghĩ và viết bằng máy, là suốt ngày đêm rồi, ông còn có thủ chơi thể thao nữa, rất đều, từ khoảng 5 giờ chiều mỗi ngày nữa, là hai. Thế còn đi bộ? Ông cũng thường đi bộ. Tôi đã đi cùng ông, ông đi rất nhanh giữa dòng người hối hả, và tán loạn. Lúc qua đường, ông nắm tay tôi bảo:

Cậu để tôi dắt cho, đoạn này kinh lắm, nhưng tôi quen rồi.

Người đi đường ngoài lại nhìn ông và tôi, không rõ là ảnh cười của họ ngụ ý gì, người và xe vun vút thế.

Trong mấy chục năm qua có mấy lần ý kiến của ông đưa ra đã gây tranh cãi, có mấy lần sự giới thiệu của ông đã gây ra cú sốc. Thời gian dần trôi, giới nghiên cứu và sáng tác văn hiểu ra rằng: Dù thế nào, ông cũng là một Nhà văn - Nhà nghiên cứu văn học Mác-xít nhiệt thành, trung thực với chính mình và đặc biệt là nhiệt thành và trung thực với sự nghiệp văn hóa - nghệ thuật nước nhà. Tôi nghĩ rằng chính nhờ vào nét phẩm giá rất cơ bản này mà tự ông, ông đã vượt qua được nhiều đoạn cam go, đau đầu; mà đồng nghiệp của ông, ông là những nhà văn trẻ thường nhìn về ông với sự nể trọng, không cách bức.

Đi đây, ông nổi tiếng là người hay đá phá cái cũ mòn, luôn hướng học viên và bạn nghề vào những đề tài mới lạ với những cách tiếp cận đa chiều. Trong nghiên cứu khoa học, ông lại được tiếng là người có khả năng nắm bắt thực tiễn, khái quát thực tiễn bằng những cụm từ có tính chất định danh cao. Người ta nể phục ông ở đây, và đôi khi, cũng muốn tranh cãi thêm với ông "cho ra nhè" cũng ở đây.

Chẳng hạn, vào cuối những năm 1970, ngay khi hào khí thắng thế quốc to là Mỹ đang dâng trào, văn chương đương đại đã bắt đầu bước vào một cuộc nhận đường mới, để vừa phản ánh cho chân thực, đầy đủ và hào hùng cuộc chống Mỹ cứu nước, vừa phản ánh sao cho hay thực trạng đất nước những ngày mới hòa bình thống nhất - có tự hào và vui sướng, cũng có cả bi ai và lâm nổi lo toan... thì Hoàng Ngọc Hiến tung ra một nhận xét rằng văn học ta lâu nay là một nền văn học "phải đạo", chúng ta đã sáng tác theo "chủ nghĩa hiện thực phải đạo". Cái bài viết có nhan đề *Về một đặc điểm của văn học của ta trong giai đoạn vừa qua* (Báo Văn nghệ số 23, năm 1979) ấy đã làm xôn xao dư luận sáng tác và nghiên cứu. Người ta - lúc bấy giờ đã không chịu được sự khái quát thẳng thừng có ý "hạ thấp" giá trị văn học một thời như thế, và người ta cũng chưa thể đồng ý với lập luận của ông. Tất nhiên! Nhưng thời gian qua đi, gần đây, các nhà sáng tác và nghiên cứu không ít người đã đồng tình đồng ý với ông hơn.

Đi trước là một phẩm chất căn cơ của tư duy lí luận, ở mức độ nào đó, Hoàng Ngọc Hiến là một trong số ít người ở ta có phẩm chất này. Thế chiếu hướng "đi trước", Hoàng Ngọc Hiến đã hết lòng cổ vũ cho sự mạnh dạn đổi mới trong tư duy nghệ thuật và cả trong việc sử dụng các thủ pháp nghệ thuật văn xuôi thật khác lạ, mạnh mẽ của Nguyễn Huy Thiệp và Tạ Duy Anh. Trong các trường hợp này, ông vừa là "bà đỡ" tận tình, lại cũng là một người thấy, người dẫn đường nghiêm cẩn.

Có người nhận xét rằng Hoàng Ngọc Hiến là một nhà lí luận có màu sắc tư biện. Điều đó có thể có cơ sở từ chính những trang viết, những tập sách với hệ thống luận giải của ông. Tuy nhiên, lại phải nhận là nếu không chịu khổ đọc và suy ngẫm, nếu không biết cách tổng hợp và khái quát... thì cũng lấy đâu ra kiến văn mà tư biện? Ham tìm tòi và mạnh dạn thể nghiệm, khi tuổi đã ngoài bảy mươi, Hoàng Ngọc Hiến còn quả quyết đi sâu vào nghiên cứu văn hóa phương Đông, về kho tàng và đặc sắc của triết học phương Tây. Quá trình mới này ở ông đã kịp cho một số kết quả mới, là tác phẩm dịch *Các phạm trù văn hóa cổ* (của Gurevic, 1977), *Minh triết phương Đông và triết lý phương Tây*; *Xác lập cơ sở cho đạo đức* (dịch của F.Jullien, 2000). Từ hai công trình có tính chất cơ sở này, cùng với sự nâng cấp các phác thảo đã có, Hoàng Ngọc Hiến đã viết tiếp được công trình *Văn hóa & Văn minh*; *Văn hóa chân lý & Văn hóa dịch lý*. Một lần nữa, trong công trình khảo luận này, Hoàng Ngọc Hiến đã trở thành người gợi mở nhiệt thành và có kinh nghiệm.

Đăm mười năm gần đây, từ địa hạt nghiên cứu, lí luận văn chương, Nhà văn Hoàng Ngọc Hiến lại cùng nhà văn Tô Hoài và một số vị khác còn nghiên cứu về văn hóa (để tài cấp Nhà nước). Có lần gặp ông khi ông vừa đi thực địa xa về, tôi hỏi ông chuyện nọ, chuyện kia. Trong dòng kể đầy hào hứng như trình bày luận giải cho cả trăm người nghe, với giọng đầy ngữ điệu, nhà văn mấy lần nhấn mạnh: "Văn hóa là sự bao dung, độ lượng". "Nhuộm màu đạo đức

học quá" - Tôi bảo. Ông nói ngay: "Cổ nhiên. Văn hóa là cái khởi thủy, lại cũng là sự chung kết. Sự chung kết đích đáng vẫn hàm chứa trong đó nhiều thứ". Trò chuyện với ông thì rất chụm ý, rất tập trung, và dường như không có điểm dừng, ngay cả khi trước mặt có một cốc bia hay cốc cà phê.

Có lẽ cái mạch mới trong suy tư của ông về những vấn đề đạo đức học này đã bắt nguồn từ chính những nếm trải thăng trầm trên đường đời của ông thì phải. Ông không chúc bạn văn mới Nguyễn Huy Thiệp thuận buồm xuôi gió, bởi ông cũng vừa vượt lên từ bao gian truân. Và trong gian truân, ông quả hiểu đạo đức con người, sự tử tế của con người đã đóng vai trò to lớn như thế nào! Trong bài *Trước đèn và ban ngày đọc Mạnh Tử* viết gần đây ông mở đầu là:

"Đọc và suy ngẫm những quan niệm của Mạnh Tử về đạo đức tôi thấy rằng trong tình hình đạo đức hiện nay của xã hội ta, có nhiều điều trong đạo đức học Mạnh Tử rất đáng để chúng ta suy nghĩ".

Tiếp tục cái ý hướng đọc xưa là vì nay này, ông đã bắt tay vào dịch tập khảo luận *Xác lập cơ sở cho đạo đức* (Đổi mới của Mạnh Tử với một nhà triết học ánh sáng) của học giả Frangxoa Julie. Chọn dịch công trình nổi tiếng này của nhà triết học đương đại người Pháp, Hoàng Ngọc Hiến đã giới thiệu cho công chúng Việt Nam một cách nhìn nhận mới về Mạnh Tử, đó là cách nhìn một triết gia phương Đông từ lí trí của Châu Âu, qua đó cũng nêu lên được những gì minh triết phương Đông ngộ được mà bất cập đối với phương Tây.

Vậy là, hơn cả sự bền bỉ, Hoàng Ngọc Hiến là người quyết đi đến cùng các ý nghĩ, cái kế hoạch lao động, nghiên cứu của mình. Ông bàn chuyện văn chương không chỉ bằng vào kiến thức văn chương, bằng vào những ý kiến thức liên ngành mà ông dụng công tích lũy... Ông đã nếm cả trí lực và tình cảm của mình vào các cuộc bàn bạc, tranh luận văn chương, với một niềm tin sáng trong, hồn nhiên rằng: Trước văn chương và trong văn chương thì không có chỗ cho cái ác; Có thể có va chạm và bất đồng ý kiến trong nghiên cứu lí luận văn học, nhưng phải lương thiện, hướng thiện, vì sự phát triển của văn chương dân tộc.

Hoàng Ngọc Hiến không phải là nhà lí luận chạy. Ông là một nhà lí luận - phê bình đích thực thường có mặt đúng lúc. Ông từng tâm sự: "Những bài phê bình hay làm người đọc yêu văn học. Yêu văn học là yêu những giá trị tinh thần, sự khô cạn của tính yếu này đương là một trong những sự khốn cùng của thế giới hiện tại. Cũng như các thể loại văn học khác, viết phê bình không thể thiếu cảm hứng. Người viết phê bình là người có những chủ kiến mạnh mẽ...". Đó là những lời tâm sự có giá trị tổng kết từ chính trải nghiệm của ông và sự quan sát các thành bại của bạn nghề.

Có chủ kiến, nên gần đây, Hoàng Ngọc Hiến lại nêu một ý kiến thật mạnh dạn, đáng tìm hiểu thêm - Ông viết: "Thiên thai của Văn Cao là tác phẩm (duy nhất trong văn nghệ thế giới) thể hiện đầy đủ và sâu sắc sự đi về của nỗi niềm vĩnh cửu của con người, ở cõi tiên nhớ cõi tục ở cõi tục nhớ cõi tiên".

Chúng ta từng biết rằng con đường nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động văn học của nhà văn - nhà giáo Hoàng Ngọc Hiến là thẳng mà cũng hay có va vấp. Trải qua bao nhiêu va vấp thế mà ông không oán hận; trái lại, thêm lắng đọng suy tư và cũng vui cười hồn nhiên, lại còn nói thêm: "Văn hóa là bao dung".

Người như ông thật quý! ■

GẶP Ở TÂY NGUYÊN

Bút ký của TRẦN QUỐC TOÀN

TÔI nhận được giấy mời của Hội Nhà văn Việt Nam, mời đi dự trại sáng tác tại Đà Lạt từ 15 tới 29-3-2011. Xưởng xe, còn đang ngỡ ngàng trước hai tòa biệt thự trắng lộng lẫy kiến trúc bán cổ điển lối Pháp, vừa mới xây xong trong khuôn viên nhà sáng tác Đà Lạt số 2 đường Yên Thế thì một lão ông tóc bạc, đứng đó tự bao giờ, tiến đến trước mặt tôi: *Thấy Toàn* – tôi ngẩn người ngạc nhiên. Chưa kịp nhớ ra đây là ai thì người ấy đã nói:

- Thấy không nhớ hết trò nhưng trò phải nhớ thấy. Chắc thấy nhớ bạn Trần Hòa Bình cùng trường, đồng môn với em. Em là học sinh lớp 10C, trường cấp 3 Quảng Oai, huyện Ba Vì. Thấy đã đến trường em cùng thầy Thế Mạc và nhà thơ Bế Kiến Quốc năm ấy, tới nói chuyện thơ trong nhà cô Văn thấy Phạm Tiến Duật. Chắc thấy quen rồi!

- Cảm ơn! Anh vào Hội Nhà văn đợt nào mà hai ta được gặp nhau ở đây?

- Thưa chưa! Em có con gái Quỳnh Uyên là phóng viên báo *Lâm Đồng*. Em thường kể về thấy cho nó nghe. Hôm qua, nó được xem danh sách trại viên, thấy có tên thấy, liền báo. Em từ Đà Ter lên Đà Lạt chào thấy!

Trưa ấy, lão ông học trò mời tôi cùng những bạn văn Lâm Đồng của anh dùng cơm trưa ở quán đặc sản đường Hùng Vương, quán thịt dê. Ngoài tôi còn có nhà giáo Nguyễn Thế Lực cựu giáo viên cao đẳng sư phạm Đà Lạt và tiến sỹ lý luận văn học – nhà văn Phạm Quang Trung dạy Đại học Đà Lạt, đang "máu" trong vụ *Hội Thế*. Thấy Trung chỉ vào người học trò tóc bạc của tôi:

- Cái ông Nguyễn Thanh Hương này, không học tôi nhưng biết nhau 10 năm nay, lúc nào cũng gọi tôi là thấy. Ngại quá!

- Sao lại ngại, thấy đào tạo cử nhân, còn em, về hưu rồi vẫn chỉ trung cấp quen. Gọi là thấy chẳng đúng sao! Thấy Lực em đây trước khi về dạy văn trường cấp 3 Tùng Thiện huyện Ba Vì đã từng dạy văn cấp 2 xã Phú Châu, huyện Ba Vì quê của em. Thấy Lực cũng không dạy em tiết nào, nhưng thơ thấy em thuộc, tủ sách 300 cuốn của thấy em ngốn trong năm 66, 67, 68 là hết. Thấy tin người mê sách nên cho mượn luôn xe đạp đi chơi. Hồi ấy xe Tiệp Khắc phavơrit của thấy là loại sang trọng, chỉ sau pơgiô của Pháp, cả phố núi Ba Vì chỉ có vài chiếc.

Thì ra, cả ba ông giáo chúng tôi, chẳng ai từng "gỗ đầu trẻ" Nguyễn Thanh Hương, nhưng đều được làm thấy anh học trò vừa mới là thủ khoa (môn truyện ngắn) một cuộc thi văn chương.

3. Phát động từ tháng 4 -2009, sau gần 2 năm đã có 2.135 tác giả ở 64 tỉnh thành trong cả nước tham gia cuộc thi phóng sự, bút ký, truyện ngắn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Công đoàn giáo dục, Nxb Giáo dục phối hợp tổ chức với hơn 2.200 tác phẩm dự thi. Tác giả Nguyễn Thanh Hương – đã đoạt giải Nhì (không giải nhất). Truyện được giải của Nguyễn Thanh Hương có tiêu đề *Con mụ nhà quê* (ký bút danh Hoàng Mai Khuyên) kể lại câu chuyện một bà giáo về hưu sớm, tự nhận là nông dân khi vào làm thuê cho một gia đình nhà giàu, chỉ có một cô con gái. "*Cô bé mười ba tuổi chín tháng nhưng cao như một mét sáu mươi. Đặc biệt, bộ ngực của cô to như thiếu nữ đã có chồng. Khi cô bước đi, bộ ngực bung bung lắc lư theo nhịp bước chân*". Chúng kiến lối sống thác loạn đầy sắc, hình, tình dục của cô học

trò trung học cơ sở, bản chất nhà giáo của "mụ nhà quê" trỗi dậy, khiến bà rơi vào tình trạng căng thẳng của người phải quyết định có tham gia giáo dục cô chủ của mình hay không: "*Tôi tự nghĩ thời gian qua mình đã trở thành người giả dối bởi chỉ nói tốt cho cô bé trước mặt mẹ cô mà không dám nói sự thật. Đã có lần tôi quyết định kể với chủ nhà về những sinh hoạt đáng ngờ của con gái nhưng cái lịch kỷ trong tôi đã thắng, bởi nếu kể ra, họ đuổi tôi thì không có chỗ nào làm tốt hơn ở đây – chỗ ở rộng rãi, thoáng mát, tiện công khá hơn. Mình thì đang cần tiền cho cả nhà. Nói hay không? Nói! Không!...*". Còn đang phân vân như thế thì sự cố xảy ra vào đêm bố mẹ của cô bé đều không có nhà "*Khoảng hai giờ sáng, cô bé bỗng kêu la rất to. Tôi bật dậy chạy lên tầng trên. Thấy cửa mở, đèn sáng. Trước mặt tôi, cô bé gục ngay ở cửa. Trời ơi – máu. Một vũng máu tươi chưa đông lại. Tôi chưa kịp hỏi, cô đã gắng gượng nói -bác đưa con ra bệnh viện kẻo con chết mất....Tôi chạy ra cổng, rồi rít vẫy xe ôm...Sau cấp cứu khoảng mười phút, bác sỹ cho tôi biết cháu bé đã nạo thai ở đâu đó, nay bị băng huyết... cô bé bị ra nhiều máu... Nếu không có máu tiếp, sẽ xảy ra hậu họa". Và "mụ nhà quê" đã hiến máu nhóm O của mình cứu sống xác thịt thiếu niên ấy, để rồi từ chối việc dạy tinh thần đang băng hoại của nó "... Một tuần sau, cô bé bình phục cũng là lúc tôi rời khỏi nhà cô để đi đến chỗ khác làm gia sư cho một gia đình trí thức". Truyện nhiều cảnh báo hơn ngợi ca. Có phải, truyện đạt giải cao nhất vì đã nêu ra câu hỏi, tại sao lại lãng phí trí thức, lãng phí người tốt như thế và tại sao là một người tốt, cô giáo lại chối bỏ trách nhiệm*

giáo dục của mình? Cô bé đã chẳng kêu cứu bà giáo của mình đó sao! Tôi đã bàn với Nguyễn Thanh Hương như thế trong trại sáng tác lần này.

Vốn là cán bộ văn hóa huyện Đà Têh tỉnh Lâm Đồng, đã hưu trí, Nguyễn Thanh Hương mới chỉ mơ làm nhà văn từ 2001 nhưng đã từng tham gia trại viết (người lớn) từ năm 13 tuổi và tính đến hết 2010 đã được xuất bản 6 tiểu thuyết từ các cuộc thi, (không phải bỏ tiền in quyển nào) (*Chuyện lớp 10B* Nxb Kim Đồng 2002, *Cao nguyên yên ả* Nxb Công an Nhân dân 2008, *Ngày 81 oan nghiệt* NXB CAND 2009, *Rừng khát* Nxb CAND 2009, *Dấu lặng trên tuyến lửa* Nxb Quân đội Nhân dân 2010, *Khuôn mặt của tội ác* Nxb CAND 2010); đã viết hơn 200 truyện ngắn (được in 44 truyện trên các báo Trung ương, địa phương). Hiện còn 13 tiểu thuyết đã đánh máy xong. Lại thêm, từ 1992 đến nay, Đài PTTH Lâm Đồng, mỗi tháng phát sóng 1 câu chuyện truyền thanh, thời lượng 30 phút do ông viết kịch bản. Riêng 2010 là năm bội thu của Nguyễn Thanh Hương, ngoài giải thưởng nói trên, ông còn được giải của Hội Liên hiệp VHNT tặng tiểu thuyết *Rừng khát* và giải tặng người có nhiều tác phẩm dự thi (8 truyện dài) của Nxb Công an Nhân dân; tiến thưởng tổng cộng 35 triệu đồng. Học trò của tôi thật là một bạn viết đáng nể!

Nhưng đáng nể hơn con số kia là 7 Huy chương, và Kỷ niệm chương mà các ngành trao tặng "cây viết trẻ" này: *Vì giai cấp nông dân, Vì sự nghiệp giáo dục, Vì thế hệ trẻ, Vì sự nghiệp văn hoá thông tin, Vì sự nghiệp thể dục thể thao Việt Nam, Vì sự nghiệp Chữ thập đỏ Việt Nam, Vì sự nghiệp dân số gia đình và trẻ*

em...

3. Vốn thích khám phá các vùng đất lạ, tôi theo Nguyễn Thanh Hương về quê mới Đà Têh của ông. Hai thấy trò đi xe đồ Cát Tiên vượt hơn 175 km. Chuyển xe chật cứng người Kinh và người Thượng. Bàng trên cùng, chỉ 2 ghế mà có lúc lên tới 5...hành khách. Những bà mẹ, những cô gái cao nguyên thật đẹp, da mặt soi nắng, mắt biếc, lông mi cong. Muốn tìm một di gan Esmeranda của Vích-To Huy - Gô lạc tới Việt Nam chắc phải tìm trên đất này. Trên xe Nguyễn Thanh Hương cho biết, *đạ* là nước, *teh* là nóng. *Đạ Teh* là tên con sông chạy dọc trung tâm huyện. Vùng đất này xưa kia thuộc chiến khu miền Đông Nam bộ, là nơi cư trú lâu đời của người Mạ. Sau 1975, hàng vạn thanh niên ở Hà Tây, Huế được di chuyển vào đây khai phá để làm nên một huyện mới có tên trên bản đồ tổ quốc. Đến *Đạ Têh*, Nguyễn Thanh Hương lại chở tôi bằng xe máy đi thăm hai "hồ trên núi" *Đạ Têh*, *Đạ Ham*, thăm thác Hơi, thác Xuân Đài, thác 21. Thác và hồ ở *Đạ Têh* sẽ là điểm du lịch lý tưởng sau này, nếu có đầu tư, thích hợp. Từ thác tới thác, hồ tới hồ là mệnh mông những cánh đồng lúa mà xưa là lau sậy, là rừng nguyên sinh. Giữa nhiều thửa ruộng, nhiều vườn cây xanh tốt còn sót lại những gốc cây rất to, mấy người ôm không hết. Có lẽ vì sự biến đầu này mà, dù là huyện vùng sâu, phố huyện *Đạ Têh* vẫn có những cửa hàng bán gỗ lũa mỹ nghệ. Nghe nói nghệ nhân Bùi Quốc Khánh, có tác phẩm rễ cây, đặt tên là "ngọn lửa" kêu bán giá bốn cây vàng, tôi đòi Nguyễn Thanh Hương dẫn tới... hồi chuyện, để được chiêm ngưỡng dấu tích đại ngàn, tiếc là ông Khánh vắng nhà, danh mộc kia còn bị mất. Nhưng không tìm mà gặp là *dấu tích hướng Nam* của lịch sử dân tộc ta, của riêng tôi trên đường từ quê lụa tới quê lửa. Gặp ngay trên mỗi bước đường. Ở *Đạ Têh* có gần như đủ các tên huyện ngoài Hà Tây xưa (nay là Hà Nội) quê nội, quê ngoại của tôi. Có xã Quốc Oai, xã Mỹ Đức, xã Hà Đông... có thôn Thạch Thất, thôn Ứng Hòa...thành ra đi thăm đất mới mà người Hà Nội là tôi, lại có cảm giác gặp lại quê mình...

Đạ Têh đang cuối mùa khô. Nắng vàng thơm, vàng ngọt như mật ong rừng Tây Nguyên. Ve kêu râm ran ở hàng xà cừ cổ thụ quanh trường Dân tộc nội trú. Nhà Hương ở cuối con đường mang tên nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu, nhìn sang sân trường. Ve kêu cả ban đêm. Không ngủ được, tôi lén ra phòng khách thì đã thấy Hương một mình dưới đèn ngồi viết. Ông chủ nhà nhường cho tôi một góc bàn làm việc của mình. Tôi mở laptop, hai thấy trò cùng thức cho tới sáng.

Lời kết: Xin thú thực, tôi thường không viết được gì ở các trại, vì mãi vừa học vừa chơi. Ở trại Quảng Bá năm rồi đã phải tự kiểm với trại trưởng Lê Phương Liên: *Mãi sáng chợ hoa xem sương cúc vàng/ Sương nhai thơm, sương loa kèn vang/ Mãi chiều Tây Hồ đắm vào đêm trăng.../ Không một dấu mực đen trên tờ thơ trắng trang; cho nên rất phục 5 cây bút nữ trong đội hình 15 nhà văn dự trại kì này; mới chỉ thực tế một chốc một lát nơi vườn điêu khắc Phạm Văn Hạng, đối diện với trại, các chị đã có ngay tác phẩm tập thể mà trại trưởng Nguyễn Thị Mai chấp bút: *Cố người nghệ sĩ thân yêu/ tay anh khắc tạc đã nhiều vú mông. Có đi trại mới dám cách tân thơ như thế chứ ở nhà, dễ gì!**



Trại sáng tác Đà Lạt tháng 3-2011

VÔ CÙNG THƯƠNG TIẾC NHÀ THƠ HOÀI ANH

NGƯỜI THẦY LỚN CỦA TÔI

NGUYỄN TÝ

Vừa tập tễnh bước chân vào nghề văn, người đầu tiên tôi vinh dự được gặp là nhà thơ Hoài Anh. Chính ông đã "dẫn dắt" tôi hơn 10 năm qua. Ông vừa là Thầy, vừa là người bạn vong niên đáng kính.

NGƯỜI BIẾT MỆNH TRỜI

Từ năm 2008, ông bảo tôi ông thấy mệt nên chắc khó qua khỏi. Tôi trách đùa ông, ông tai Phất, dẻo dai và minh mẫn lắm, phải thọ hơn 100 tuổi. Rồi ông hi hục viết liên tục hơn 20 cuốn sách từ bộ tiểu thuyết lịch sử 16 cuốn (khởi viết từ năm 1965) đến năm cuốn chân dung văn nghệ sĩ "Người chờ đợi thời đại", chân dung thơ "Hòa mạng", tiểu thuyết-kịch lịch sử Thuận Thiên Lý Công Uẩn. Tôi cũng có công nhe nhò trong tác phẩm này, như ông đã tâm sự: "Cũng tại anh đấy! Hôm gặp ông, tôi vui miệng nói đôi nét về Lý Công Uẩn (974-1028), ông vội đưa tin lên báo Văn Nghệ Trẻ, báo hại tôi ngày đêm phải viết cho xong, kéo mang tiếng là nói dóc". Rồi ông đuối sức, từ bấy chài ông chỉ còn uống một, thỉnh thoảng vui quá làm ba chai. Mong ba Tết năm nay, tôi tranh thủ chờ vợ con ghé nhà chúc Tết. Ông cầm tay tôi: "Tý à, trong năm nay ông ra đi. Tập bản thảo tuyển tập thơ này có gì em cùng hai cháu in cho anh. Nếu được giải thưởng Nhà nước thì lấy đó mà in, còn không thì từ từ nhé". Tôi lại ngăn ông, mới đầu năm sao lại nói đến chết chóc, anh khỏe lắm, không sao đâu.

NGƯỜI KHÔNG DÁM KHÁM BỆNH

Hoài Anh rất sợ vào bệnh viện khám bệnh. Cái sợ có lý của tuổi già, sợ có bệnh phải tốn kém, sợ phiền con, cháu lo lắng, sợ phải nằm không được đi và sợ không được viết nữa. Do đó, tôi quen biết ông hơn mười năm nhưng chưa bao giờ nghe hay thấy anh đi khám bệnh. Do vậy ông bị tiểu đường nặng, huyết áp cao mà vẫn đi bộ, uống bia bình thường với bạn hữu.

Nghe tin con trai Minh Vũ gọi điện thoại báo, bố nhắn chú Tý đến chở sách về và nhắn chú Phan Đức Nam đến lấy bản thảo về. Bố có việc muốn nói, bố yếu rồi. Tôi vội

gọi ngay anh Nam đến lấy bản thảo giải thưởng Huỳnh Văn Nghệ của Hội Văn học Nghệ thuật Bình Dương mà Hoài Anh làm giám khảo, xem sức khỏe ông sao. Ông đến và bảo cháu Vũ đưa bố đi cấp cứu ngay. Vậy mà chỉ gần hai tháng sau ông ra đi thật, ông là nhà văn sống bằng nghề văn thực thụ, chỉ ngưng nghỉ sau một tuần nằm cấp cứu tại bệnh viện Nguyễn Trãi, TPHCM.

ĐI BỘ RA VĂN

Ở Sài Gòn ngoài nhà văn Sơn Nam thì nhà thơ Hoài Anh là người giữ kỷ lục về đi bộ. Cả đời không biết đi xe đạp nhưng bước chân của ông trải dài khắp Bắc-Nam. Gần 70 tác phẩm với hàng vạn trang viết cùng đoạt nhiều giải thưởng cả về văn học và sân khấu đó là nhà thơ Hoài Anh. Mỗi ngày sau khi viết xong những bài thơ tâm huyết, những trang văn thấm đẫm mồ hôi, Hoài Anh lại đi bộ ra quán 81. Chính môi trường vừa văn nghệ vừa đời ấy, ông đã có rất nhiều người bạn và nhiều học trò văn kính mến gọi ông bằng thầy. Ông còn là người thầy của nhiều thế hệ nhà văn Việt Nam thành danh. Với tôi, ông là người anh cả, người Thầy đáng kính, người bạn vong niên.

Ông viết nhiều lĩnh vực nhưng vẫn thích gọi là nhà thơ. Gần gũi với ông hơn mười năm, tôi biết ông khao khát viết, khao khát cháy bỏng trong lúc "trà dư tửu hậu", là làm sao được xuất bản những tác phẩm tâm huyết. Trời đã lấy đi thính giác nhưng trời lại phú cho ông trí nhớ Đồng Tây kim cổ. Năm nào ông cũng có tác phẩm trình làng. Riêng năm 2008, ông nhờ tôi đánh máy, sửa bản thảo tập năm cuốn "Người chờ đợi thời đại", ông đều đặn đến tòa soạn báo Pháp luật TPHCM 470 Nguyễn Tri Phương dù chỉ để chỉnh sửa một chi tiết nhỏ. Tôi làm thư ký cho ông những tác phẩm cuối đời. Tôi tin ông vẫn sống mãi trong lòng bạn đọc và trong tôi... Giáo sư Hoàng Như Mai cho biết, nhiều vở kịch Hoài Anh sáng tác không đứng tên.

Với những đóng góp không ngừng nghỉ trong lĩnh vực văn học và sân khấu, chúng tôi thiết tha đề nghị quý cấp trao Giải thưởng Nhà nước cho ông trong đợt xét tặng này.■

HOÀI ANH TRONG KÝ ỨC BẠN BÈ

NÉN TÂM NHANG

...QUÊ ông là nơi làng nhỏ bên bờ sông Châu, làng quê nghèo của vùng đồng chiêm trũng Hà Nam. Ông đi theo người cha vào bộ đội năm mới mười hai tuổi. Hình ảnh quê nghèo, đồng ruộng nước trong đã theo ông trên suốt những ngã đường phiêu bạt. Ở cái làng quê nhỏ bé và lam lũ ấy, ông còn hai người em trai của mình. Họ là những người nông dân chân chất, chưa từng được đi xa khỏi làng. Đã vậy, một người em lại thiệt thòi không nói được. Anh em về thăm nhau, người em chỉ ừ ừ vài tiếng, người anh thì tuổi cao tai nghễnh ngãng, không nói không nghe được gì với nhau, nước mắt cứ trào ra. Ông còn người di ruột ở quê, tuổi đã cao lắm rồi. Bà như quả trám khô, giục ông người ngoại nổi nhớ mẹ. Mẹ ông lâm bệnh mất sớm, khi mấy anh em còn rất nhỏ. Bà đi và hai người em của ông chỉ thương ông đi công tác xa quê lâu quá không về...

Có thể nói nhà văn Hoài Anh là một người đa tài. Ở các lĩnh vực văn chương như: Thơ, tiểu thuyết, lý luận-phê bình văn học, sân khấu, văn học sử, văn học thiếu nhi... ông đều có những đóng góp đáng kể... Ông từng tâm sự: "Hồi chống Pháp, do thiếu trâu, người bác khoác cái vại cây lên vai cháu, ông đã hát ra để đi bộ đội; từ đó ông lại tự nguyện khoác lên vai mình cái ách nghề văn". Ông lâm bệnh và ra đi trong cơ hàn... Giờ đọc lại những dòng này, càng thêm thấm thía, xót xa biết nhường nào.■

ĐỖ NGỌC YÊN

NHÀ THƠ VẼ MỘT MÌNH CUỘC BỘ

TÔI nhớ, cũng vào ngày cuối năm ngoái, khi anh vừa buông bút hoàn thành cuốn tiểu luận "Xác và hồn của tiểu thuyết", ấy là lúc có điện thoại của một nhà thơ nữ, người một thời anh rất quý mến, mời anh và tôi tới xơi cơm. Tôi còn đang phân vân, thì anh đốc đảo thúc tôi đi ngay. Bữa cơm uống mật và thỉnh soạn ấy, anh như không ăn, mà chỉ uống bia liên tục. Nỗi xúc động hiện rõ trên khuôn mặt. Rồi bốc lên, anh đọc thơ cho cả nhà cùng nghe. Anh đọc một lúc tới mấy chục bài liền. Đọc bằng trí nhớ, không sai một chữ. Đây là những bài thơ anh viết tặng nhà thơ nữ kia, đã mấy chục năm trước, khi cả hai còn trẻ. Anh đọc, mà rân rân nước mắt. Nhà thơ nữ kia, mặt đỏ dần lên. Như để giấu sự xúc động của mình, chị nói vui, thơ tình này anh Hoài Anh tặng ai mà chả được. Anh như người đang cơn nhập đồng, anh vẫn tiếp tục đọc thơ. Mà như không phải đọc thơ, anh đang quặn thắt đọc nỗi niềm đau đáu của mình cho một người nghe, cho mọi người nghe... Đọc tới câu thơ cuối cùng, người anh bả bời, khuôn mặt

như thất lạc. Đó là những câu thơ của tình cảm đơn phương nén chặt trong tim anh mấy chục năm trời. Đêm ấy về nhà tôi, anh như không ngủ. Anh ngồi đốt thuốc liên tục. Anh cũng không viết, ngồi lặng lẽ một mình. Tôi cảm nhận được sự trống vắng của anh. Mỗi con người, đều có những giây phút cô đơn trong trẻo như thế...

Tôi tin, ai sống hết mình, làm việc hết mình, thế nào cũng có giây phút chán chường, trống rỗng. Tuy vậy, tôi cũng có niềm vui nho nhỏ và tôi tin chắc rằng, nhà thơ của bài thơ "Lời thể rap Tố Như", của "Bức tranh gà", một thời đã đi vào trái tim bạn đọc, để gì mà bỏ bút được? Chỉ có điều, anh vẫn lầm lũi cuộc bộ một mình trên con đường của anh. Anh vẫn lơ lơ đi giữa cuộc sống cùng nỗi cô đơn. Cô đơn, muốn đời là sự khởi nguồn cho sáng tạo.■

VŨ TỬ TRANG

TÌM HOA QUÁ BƯỚC...

MỘT người bạn tôi gặp trong đêm ấy/Ra phố mua một bao thuốc lá/Chín năm sau anh mới trở về/...Ta mang ba mươi sáu phố phường đi kháng chiến/Chín năm rừng lòng vẫn Thủ đô...Tôi nhớ những câu thơ này từ trước, khi chưa biết nhà thơ Hoài Anh. Còn bạn tôi thì bảo: "Theo mình đây là một trong những câu thơ hay nhất về chiến tranh..."

Ấn tượng đầu tiên của tôi về Hoài Anh, đó là một con người giản dị, dễ gần. Mỗi buổi sáng, dường như ông là người có mặt ở cơ quan sớm nhất. Chiếc túi xách quàng qua vai, dáng đi hơi cúi về phía trước, đôi mắt sương khói, miệng mỉm cười như giữ một lời nói hay nụ cười. Ông không bao giờ gây ồn ào, huyền ảo mà luôn lặng lẽ. Tuy nhiên trong sự lặng lẽ ấy luôn toả ra một sự ấm áp, thân thiện chứ không cao ngạo, khó gần. Mỗi lần gặp tôi ông đều mỉm cười khích lệ. Đây là nụ cười của một "người hiền" mà rất hiếm khi tôi gặp được trong đời...

Trong những tập sách của Hoài Anh, tôi rất thích tập tiểu luận *Tìm hoa quá bước*. Cái tựa sách ấy là mượn một câu trong Kiều: *Tìm hoa quá bước xem người chép kinh*... Mới đó mà tôi đã ở Sài Gòn 20 năm, đó cũng là khoảng thời gian mà tôi gặp và chơi với nhà thơ Hoài Anh. Một quãng thời gian dài, nhiều biến động, nhưng với tôi ông luôn là một người đáng kính, một tâm hồn đẹp, một tư cách lớn. Những gì nói về ông bây giờ có lẽ là thừa. Tôi chỉ muốn nói thêm rằng, có lẽ chúng ta cũng chỉ là những người khách "quá bước" chốn trần gian này, làm việc, yêu thương, tận hưởng sướng vui, buồn khổ... Nhưng vẫn chưa hết. Sẽ còn những bước trong luân hồi...■

TRẦN NHẢ THỤY



TIN BUỒN

Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam và gia đình vô cùng thương tiếc báo tin **Nhà thơ HOÀI ANH**

Tên khai sinh: **TRẦN TRUNG PHƯƠNG**

Sinh ngày 8-7-1938. Quê quán: Bình Lục, Hà Nam. Nguyên là cán bộ Phòng Văn nghệ và Nhà sáng tác Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, cán bộ biên tập Hội Văn nghệ Hà Nội. Sau 1975, là cán bộ biên tập Xưởng phim Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, biên tập viên tuần báo Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Hội viên Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam. Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.

Tác phẩm chính đã xuất bản:

- Bấy tập Thơ, trong đó có hai tập thơ dịch
- Gần ba chục Tiểu thuyết và Truyện ngắn
- Hàng chục vở kịch
- Năm tác phẩm nghiên cứu, lý luận phê bình văn học.
- Tuyển tập Truyện lịch sử Hoài Anh gồm 16 quyển.
- Xác và hồn của tiểu thuyết. Biên khảo

Giải thưởng:

- Giải A năm 2003 của Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam cho tác phẩm Tác gia kịch nói và kịch thơ và nhiều giải thưởng khác.

Sau một thời gian lâm bệnh, đã từ trần hồi 19 giờ 25 phút ngày 24-3-2011 tại Thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 75 tuổi

Tang lễ nhà thơ Hoài Anh đã được tổ chức tại Nhà tang lễ Thành phố ngày Chủ nhật 27-3 nhằm ngày 24-2 Tân Mão. An táng tại Nghĩa trang TPHCM tại Củ Chi.

Hội Nhà văn Việt Nam và Tuần báo Văn Nghệ xin gửi lời chia buồn sâu sắc tới bạn bè và gia đình nhà thơ Hoài Anh.

**HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM
TUẦN BÁO VĂN NGHỆ**

TRẦN TRƯƠNG

Thay vòng hoa muện gửi Hoài Anh

Có một nhà thơ chân gắn liền với đất
(Chín năm rừng, lòng vẫn thủ đô)
Một căn gác nóng ran ở góc phố Hàng Bó
Nói nhẹ nhẹ như sợ người nghe thấy

Giữa bao nhiêu những ngón ngang hiện đại
Đời cứ mãi mê giấy điệp, tranh gà
Cái ông có mà nào ai để có
Cuộc sống nghèo nhưng tình chẳng phai pha

"Xe pháo mã", "mang gió vào trận bão"
"Tám lòng bão" chẳng đỡ được đời ông
Có phải thế mà "Tìm hoa quá bước"
Tiền ông đi trong thưa thớt lạnh lùng

Vâng, thưa kiếp nhà thơ là như vậy
Tự lòng tôi xin thắp một nén nhang
Phố Hàng Đào vẫn đang còn tập nập
Và thơ ông mãi dạo bước đáng hoàng...

(*) Những chữ trong ngoặc là tên một trong rất nhiều tác phẩm của Hoài Anh



Lần đầu tiên tôi được xem một bộ phim truyện Nhật Bản, vào năm 1983, với tiêu đề **Dòng sông đen**. Khi ấy tôi đang học khoá II, khoa viết văn (Trường Viết văn Nguyễn Du), Đại học Văn hoá Hà Nội. Những bộ phim tư bản kiểu như **Dòng sông đen** ngày ấy không chiếu công khai. Chúng tôi thì thỉnh thoảng được xem một phim để bổ trợ cho chương trình học. Nhà trường phải lên tận số 4 - Thụy Khuê xin giấy mời cho chúng tôi. Trong giấy ghi rõ "Phim nghiên cứu". Cho đến hôm nay, sau gần ba mươi năm trôi đi, tôi vẫn bị những hình ảnh trong phim ấy ám ảnh. Tôi nói "hình ảnh" là bởi phim diễn tả nội dung chủ yếu bằng hành động của nhân vật, rất ít lời thoại. **Dòng sông đen** nói về sự mâu thuẫn giữa tính cứng nhắc của luật pháp với cái muôn màu muôn vẻ đầy phức tạp trong trái tim con người. Nhân vật chính là một cô gái Nhật trẻ trung, xinh đẹp và lương thiện. Trong một lần, cô bị rơi vào một trạng huống nguy hiểm: Có một người đàn ông mang ý đồ hãm hiếp cô. Khi anh ta hành động, bị đẩy vào thế cùng đường, bằng bản năng tự vệ, cô vớ được con dao đâm chết người đàn ông nọ. Tòa án không thể có kết luận nào khác hơn là khép cho cô tội giết người! Cô đấu tranh với cơ quan điều tra cũng như tòa án bằng tất cả những gì cô có, nhưng cuối cùng cô vẫn thất bại. Cô lao đầu xuống dòng sông có màu nước rất đen trầm mình.

Từ đầu đến cuối phim không thấy cô khóc lóc, kêu than. Nhưng tôi ngồi xem bên dưới, không định khóc mà nước mắt cứ lặng lẽ chảy tràn hai bên má. Tôi rơi lệ bởi sự vô tình, lạnh lùng của luật pháp. Tôi rơi lệ bởi người thiếu nữ Nhật Bản ấy đáng yêu, đáng trọng, đáng được sống quá mà lại phải chọn cái chết. Hẳn vì thế mà sau này, tôi thường dự ứng với một số bộ phim, trong đó các diễn viên chưa gặp đau khổ đến độ mà cứ khóc nức nở, khóc rống lên, chẳng gây xúc động cho ai cả. Thậm chí các diễn viên thì khóc mà người xem thì lại bùng miệng cười.

Vào những năm 1988-1990, nhờ công cuộc đổi mới, mở cửa, các tác phẩm văn học nước ngoài, không phân biệt chế độ chính trị, sắc tộc ulla vào nước ta. So với văn học Nga, Pháp, Anh, Ý thì văn học Nhật không nhiều đâu sách bằng. Nhưng với riêng tôi, có thể là gặp may chăng, bởi hầu như những gì là văn chương của Xứ sở Hoa anh đào mà tôi đọc được dù dài hay ngắn đều để lại một dư vang, một ấn tượng nào đó. Có những tác phẩm chỉ đọc một lần mà cho đến nay tôi vẫn nhớ từng chi tiết. Chẳng hạn tiểu thuyết **Ngàn cánh hạc** của Yasunari Kawabata, nhà văn được giải Nobel năm 1968. Tác phẩm kể, ở một thành phố nọ có một người đàn bà không còn trẻ nhưng cũng chưa già, tính tình dịu dàng đôn hậu, sống cô đơn bên một đứa con gái vừa đến tuổi vị thành niên rất xinh đẹp và đáng yêu. Một lần, người đàn bà nọ đi đến một ngôi chùa vừa để lễ Phật vừa dự một tiệc trà đạo. Tại tiệc trà, bà gặp rồi làm quen một người đàn ông trẻ hơn bà hàng chục tuổi. Chuyện trò một lát hai người đã mang lòng cảm mến nhau. Người đàn bà thậm chí nuôi hy vọng,

rồi đây người đàn ông trẻ sẽ bù đắp cho bà những khoảng trống trong cõi lòng, khoả lấp nỗi cô đơn, hoang vắng bấy nay. Tàn tiệc trà, họ chia tay trong trạng thái dửng dưng, lưu luyến.

Ít ngày sau, người đàn ông trẻ đột ngột tìm đến nhà người đàn bà. Vừa nhìn thấy cô con gái của bà, anh ta đã bị vẻ đẹp thánh thiện của cô chinh phục. Sự cảm mến ban đầu của anh ta với người mẹ bây giờ chuyển hẳn sang thành tình yêu với cô con gái. Nhận thấy con gái mình cũng yêu người đàn ông trẻ (cô chưa hề biết mối quan hệ giữa anh ta với mẹ mình), không muốn làm tổn thương con, mong con có hạnh phúc, người đàn bà đi đến quyết định: lặng lẽ bỏ nhà ra đi và tìm cách quyền sinh!

Hai tác phẩm tôi vừa kể, nhân vật chính đều tìm đến cái chết do mình tạo ra. Trong văn học và điện ảnh Nhật Bản,

thật, song nó chỉ là những nguyên nhân trực tiếp. Căn nguyên sâu xa hơn thì lại cần phải hiểu biết về lịch sử đất nước và con người Nhật Bản. Người Nhật có tinh thần quả cảm và tinh tự trọng rất cao, bắt nguồn từ tinh thần Samurai, võ sĩ đạo. Người võ sĩ Samurai được tôi luyện để có một tinh thần chiến đấu ngoan cường, trung thực, nhẫn nại, sẵn sàng chết vì danh dự cá nhân và quốc thể. Phẩm chất này đã có từ lâu đời, nó dường như đã trở thành một tố chất trong máu thịt người Nhật.

Người Nhật luôn biết vượt qua những thử thách một cách thần kì. Công cuộc canh tân đất nước dưới thời Minh Trị thiên hoàng, công cuộc tái thiết đất nước sau trận bom nguyên tử năm 1945, sau trận sóng thần - động đất năm 1923 và năm 1995 là những minh chứng. Nhưng với tất cả những gì diễn ra trên xứ sở này, lại

phần trên là một tác phẩm như thế. Tận cùng bi kịch. Tận cùng đau khổ. Ai trong tác phẩm cũng đau khổ. Có lúc người này là căn nguyên đau khổ của người kia. Nhưng không hề thấy ảm oán hận thù. Đọc xong tác phẩm ta chỉ thấy kính trọng, yêu quý họ mà không nổi một lời quả trách.

Cách đây khoảng hai mươi năm tôi còn đọc được một truyện ngắn Nhật Bản có tên là **Cái chết, tình yêu và những làn sóng biển**. Chuyện kể rằng, ở một miền quê nọ có một quả núi cao nhô ra biển. Dưới chân núi có rất nhiều những hòn cù lao nhỏ nhấp nhô trên sóng. Nhiều người thường chọn kiểu kết thúc cuộc đời bằng cách leo lên ngọn núi ấy rồi lao đầu xuống biển, nơi có những hòn cù lao nhấp nhô ấy. Một bữa nọ có một người đàn ông đến đây tự tử. Anh ta leo lên đến đỉnh thì thấy một cô gái cũng đang chuẩn bị lao đầu xuống biển. Người nọ gọi tri tò mò của người kia, thế là họ bắt chuyện. Lạ thay, càng nói chuyện hai người càng có thiện cảm với nhau. Cuối cùng, như một nhân duyên kì ngộ, người này cảm thấy đã tìm được ở người kia nửa còn lại của mình, họ quyết định không quyền sinh nữa mà nắm tay dắt nhau về làm đám cưới. Một kết cục thật đẹp. Tôi đã bị hai nhân vật này thuyết phục. Cứ như họ là người ngoài đời chứ không phải trong văn học.

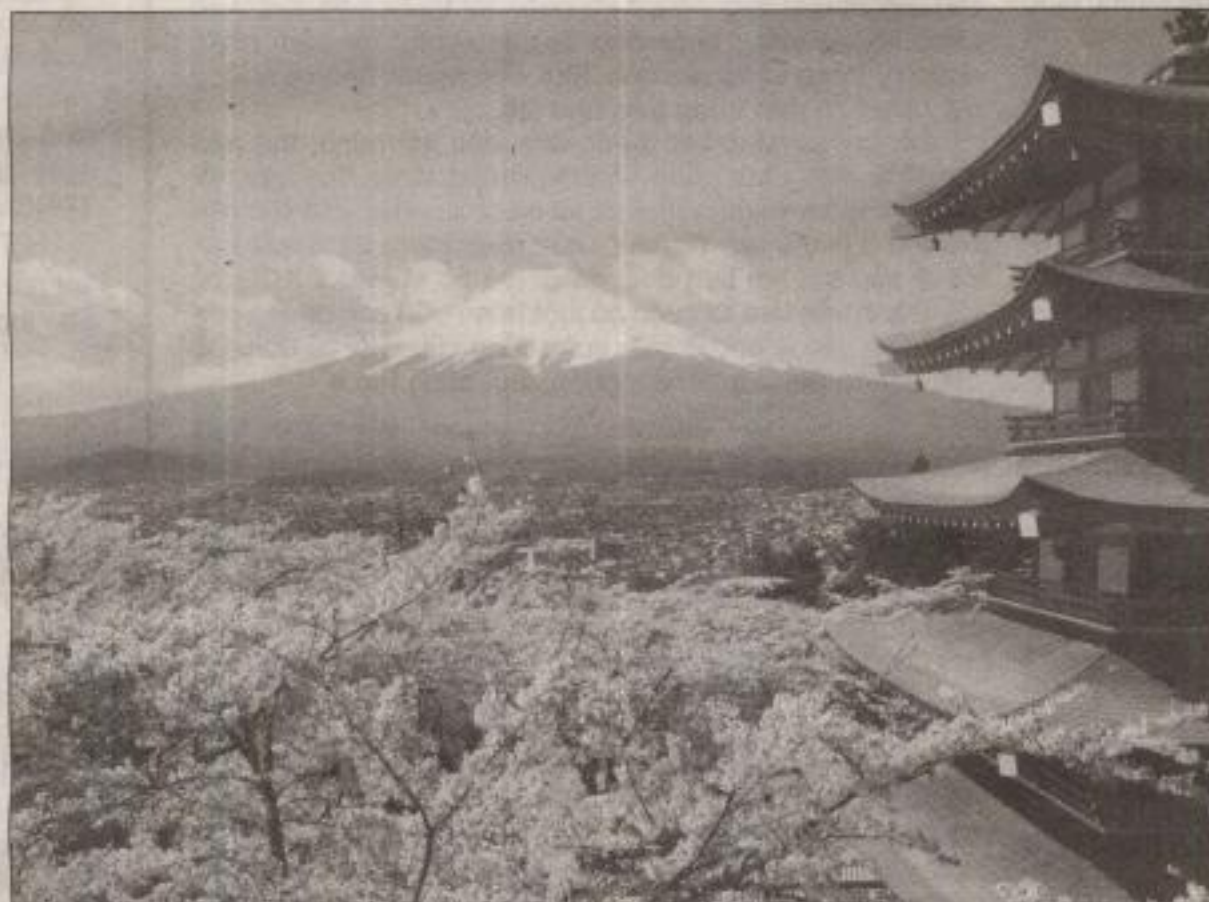
Các tác phẩm ấy đều có lối viết rất tự nhiên, giản dị, gần với cuộc đời, ít để lại dấu vết hư cấu. Nghe nói đó là kiểu giản dị bác học. Phần đông các nhà văn Nhật Bản mà tôi đọc được đều viết theo cách ấy.

Gần đây, nhà văn Haruki Murakami cũng có những tác phẩm mà trong đó mô tả chuyện quyền sinh, điển hình như truyện ngắn **Phong cảnh có bàn ủi**. Cái căn nguyên trực tiếp khiến cô gái có tên Junko tìm đến cái chết là sự trống rỗng khủng khiếp. Trống rỗng vì cuộc sống tiêu dùng thời hậu hiện đại, con người ít còn khả năng đối thoại, chia sẻ, hoà hiệp, yêu thương; con người hoá thành những cỗ máy, trở nên bơ vơ ngay cả giữa những người thân. Khủng khiếp hơn là Junko còn định bầu vú lấy ông già Miyake làm điểm tựa để vãn hồi cái chết nhưng chính ông già này lại cũng đang nung nấu một ý đồ quyền sinh!

Haruki Murakami là một nhà văn Nhật Bản đang được chú ý, với những tác phẩm gây xôn xao như tiểu thuyết **Rừng Na-uy, Kafka bên bờ biển...** Murakami mang ý thức viết sao cho thật khác với các nhà văn Nhật trước ông. Có tác phẩm ông mô tả cái phi lý để nói cái có lý, kiểu như F. Kafka mô tả một người nọ đang tự dung biến thành con gián, hoặc Marquez mô tả người ta lặn xuống đáy biển hái hoa hồng. Lại có những tác phẩm Murakami viết theo dòng ý thức, khiến nhân vật và sự kiện quán quyền với nhau nhưng không theo một trình tự không gian và thời gian gì cả khiến người đọc rất khó lẫn ra rường mối, khó hiểu ý tưởng của tác giả, như kiểu tác phẩm **Buồn nôn** của Jean-Paul Sartre hay **Ruổi** của A. Camus. Nhưng nếu loại ra một vài thứ gọi là thủ pháp ấy thì những nhân vật của Murakami vẫn là những con người mang đậm bản sắc Nhật Bản, không thể lẫn với con người của các xứ sở khác, bởi đó là sản phẩm của thiên tài và nỗ lực nơi ông. ■

NHÂN VẬT QUYỀN SINH TRONG MỘT SỐ TÁC PHẨM NHẬT BẢN

LÊ HOÀI NAM



ta bắt gặp khá nhiều tác phẩm mà nhân vật chính kết thúc cuộc sống bằng tự tử. Hiện tượng ấy cũng không có gì là khó hiểu bởi đó chính là "tấm gương phản chiếu" xã hội hiện đại Nhật Bản. Từ nhiều năm nay, người ta đã tính được nước Nhật có tỷ lệ người tự tử cao nhất thế giới. Trên các phương tiện thông tin thì người ta thường chỉ giải thích căn nguyên: ông ta, bà ta, anh ta, chị ta tự tử vì công ty, xí nghiệp bị phá sản, vỡ nợ; vì sức ép công việc của một xã hội công nghiệp phát triển hoặc thất vọng về một điều gì đó...

Theo tôi, những căn nguyên ấy là có

hình thành trong con người Nhật một quan niệm sống khá hiện sinh: có đấy rồi mất đấy, hiện hữu đấy mà hư vô đấy. Con người cũng chỉ là một thực thể tồn tại rất mong manh trên mặt đất không mấy an lành. Quan niệm ấy khiến người Nhật khi không còn ham sống nữa, họ quyền sinh không mấy khó khăn. Hẳn cũng vì thế mà nhiều tác phẩm văn chương Nhật Bản mô tả chuyện quyền sinh mà không hề mang không khí nào nề u ám. Nhân vật tìm về cõi hư vô một cách thanh thản, tự nhiên, như điều ấy ắt phải đến. Tiểu thuyết **Ngàn cánh hạc** mà tôi vừa nói ở

MƯỜI HAI THỦ PHÁP TRANH LUẬN VĂN HỌC

“NẾU KHÔNG THỂ TỰ LÀM – CHÍ ÍT CŨNG BIẾT CẢN TRỞ KẺ KHÁC”

CAPEK KAREL (Nhà văn Séc)

Tranh luận luôn là cấu thành quan trọng của văn học, song tự thân nhu cầu tranh luận đã mất đi khi nền tảng cơ bản của nó – phát hiện và khẳng định quan điểm riêng – không còn là một phần của quá trình phát triển biện chứng, mà chỉ là tiếng kêu gào của một trong hàng trăm (thậm chí hàng nghìn) kẻ sinh bất bệ, gây sự.

Những thủ pháp tranh luận dưới đây dường như vẫn mang tính thời sự.

THEO Capek Karel (nhà văn Séc), những thủ pháp này không nên dành cho những người tham gia tranh luận, mà dành cho các độc giả để họ có thể định hướng gắn sát với những thủ pháp của một diễn đàn tranh luận. Đây là các thủ pháp, chứ không phải về những thể lệ, bởi khác với mọi loại hình tranh đấu khác – đấu tay đôi, quyết đấu, đánh lộn, huyết đấu, giao chiến, thi đấu, tranh tài, đấu loại và nói chung là tranh đua sức lực cơ bắp – tranh luận trên báo chí không hề có thể lệ nào cả. Trong tranh đấu kinh điển, người ta không chấp nhận hai đối thủ chửi bới nhau khi tranh tài. Trong quyền anh không nên đâm vào không khí, rồi tuyên bố rằng đối phương bị nốc ao. Khi tấn công – giáp lá cà binh lính hai bên không cần vu khống nhau – việc đó đã có báo chí ở hậu phương làm thay họ.

Song tất cả những điều như thế và thậm chí còn ghê gớm hơn thế đang là những hiện tượng hoàn toàn bình thường trong tranh luận bằng ngôn từ, và thật không ngờ đó là những thủ pháp mà người tinh thông tranh luận trên báo chí vẫn coi là không được phép sử dụng, là vô học, là chơi xấu, là lừa dối hay là mảnh khẹo đề tiện. Dưới đây chỉ là những thủ pháp phổ biến nhất, thường gặp trong bất kỳ cuộc bút chiến nào, cho dù rất đơn giản, trên báo chí. Những người quan tâm có thể bổ sung thêm một tá thủ pháp khác.

1. Thủ pháp Despicere (Latinh: trịch thượng, cao đạo). Người tham gia tranh luận cần khoa trương với đối thủ về trí thức và đạo đức vượt trội của mình, nói cách khác, làm cho mọi người hiểu rằng đối thủ là kẻ bất tài sinh viết, hạn chế và yếu kém về trí tuệ, ba hoa, hoàn toàn là con số không, “thùng rỗng kêu to”, kẻ hậu sinh, bịp bợm vô học, say sắn, tiểu nhân và nói chung là một gã không đáng để cùng tranh luận. Tiến đề tiên nghiệm như thế ngay sau đó cho ta quyền cao giọng của một quý ông tự tin, kiêu hãnh đang “rao giảng”. Tranh luận, đánh giá ai đó, không bằng lòng mà vẫn giữ thái độ tôn trọng đối thủ – là không phù hợp.

2. Thủ pháp Termini (Latinh: hệ thống thuật ngữ). Thủ pháp này sử dụng những thành ngữ luận chiến đặc biệt. Giả sử theo ý kiến của bạn, ngài X có điều chưa đúng, thì ngài X đáp trả rằng bạn “đã bội tín công kích kịch liệt ông ta”. Nếu bạn cho rằng, thật đáng tiếc, có điều gì đó thiếu lô gíc, thì kẻ đối biện của bạn sẽ viết rằng bạn “thốn thức” hoặc “rơi nước mắt” vì điều đó. Tương tự như thế, người ta nói “nhổ nước bọt” thay cho “phản đối”, “vu cáo” thay cho “nhận xét”, “bôi bẩn” thay cho “phê bình”, v.v.. Thì dù bạn là người đặc biệt nhỏ nhẹ và hiền lành tựa như cừu non, song với việc sử dụng những thành ngữ như vậy, bạn sẽ hiển nhiên bị coi là kẻ dễ nổi nóng, gàn dở, vô trách nhiệm và có phần không bình thường. Tự thân điều này giải thích tại sao đối thủ đáng kính của bạn công kích bạn kịch liệt đến vậy: đối thủ đương nhiên tránh được những đòn công kích, văng



Capek Karel (1890-1938)

tục và rủa xả của bạn.

3. Thủ pháp Caput canis (Latinh: tổ thêm, gán thêm những phẩm chất tệ hại). Chỉ trong nghệ thuật mới sử dụng những cách diễn đạt có thể tạo nên ý kiến phủ định, vùi dập đối thủ. Nếu thận trọng, bạn có thể bị coi là nhút nhát; bạn sâu sắc – người ta lại sẽ nói bạn cố tỏ ra sâu sắc; bạn thiên về những luận cứ đơn giản, cụ thể – có thể người ta giải thích rằng bạn tầm thường, nhạt nhẽo; bạn thích những lập luận trừu tượng – bạn dễ bị coi là kẻ một sách khó hiểu, v.v... Đối với người tranh luận tinh khôn, bất cứ phẩm chất, quan điểm và trạng thái tinh thần nào cũng có thể chụp mũ, có cách gán cho đối thủ khốn khổ là ngu dốt, trống rỗng và hèn hạ.

4. Thủ pháp Non habet (Latinh: xác nhận sự khiếm diện). Dù bạn là nhà khoa học thực thụ, người ta vẫn dễ dàng thắng bạn nhờ thủ pháp thứ ba bằng cách tuyên bố rằng bạn là kẻ chậm hiểu, ba hoa về đạo đức, lý luận trừu tượng hay những điều đại loại như thế. Song bạn cũng có thể bị tiêu diệt bởi thủ pháp Non habet. Người ta có thể nói bạn không đủ sâu sắc tinh tế, thái độ thiếu tự nhiên, trí tưởng tượng kém phong phú. Còn nếu bạn tỏ ra mình đích thực là con người chất phác, có trực giác tinh tế, người ta vẫn có thể hạ sát bạn bằng cách khẳng định rằng bạn không kiên định trong các nguyên tắc, các chính kiến thiếu sâu sắc và nói chung là thiếu tinh thần trách nhiệm. Nếu bạn thuộc loại người có lý trí, thì vẫn là chưa đủ, bởi bạn lại thiếu sâu sắc trong tình cảm; còn nếu bạn có tình cảm sâu sắc, bạn lại là kẻ nhu nhược, kém duy lý trong các nguyên tắc. Những phẩm chất chân chính của bạn chẳng có nghĩa lý gì hết – họ luôn tìm được những khiếm khuyết của bạn để rồi dựa vào đó vùi dập bạn xuống bùn.

5. Thủ pháp Negare (Latinh: phủ định sự tồn tại). Thủ pháp này phủ định toàn bộ những gì bạn có, những gì là của bạn. Ví dụ, nếu bạn là học giả siêu phàm, thì người ta có thể lừa dối sự thật đó mà nói rằng bạn là kẻ nông cạn, ba hoa, trống rỗng, nghiệp dư. Giả dụ, nếu bạn đã suốt chục năm ròng kiên trì khẳng định rằng hãy

tin quý sử, thì sang năm thứ mười một khi tranh luận người ta có thể tuyên bố về bạn rằng bạn chưa bao giờ thực sự tin vào sự tồn tại của quý sử. Điều đó sẽ diễn ra, bởi bạn đọc không có thông tin đầy đủ về bạn, còn người biết rõ bạn lại cảm thấy vui sướng trên sự khổ đau của người khác với nhận thức rằng sự thật hiển nhiên của bạn bị phủ nhận.

6. Thủ pháp Imago (Latinh: đánh tráo, lộn sòng). Người ta lén lút trưng ra cho bạn đọc một hình nhân vô văn nào đó, không hề có bất kỳ điểm nào giống với đối thủ trong thực tế, sau đó đối thủ hư cấu này bị hủy hoại hoàn toàn. Ví dụ, người ta bác bỏ những tư tưởng mà đối thủ chưa bao giờ nghĩ đến và đương nhiên chưa bao giờ đối thủ nói ra; người ta buộc tội đối thủ là thằng ngu đang suy nghĩ sai lầm bằng cách đưa ra những luận điểm thực sự sai lầm và ngu xuẩn (tuy không phải là của đối thủ) làm ví dụ.

7. Thủ pháp Pugna (Latinh: tàn sát, vùi dập). Nó có họ hàng với thủ pháp trên. Gán cho đối thủ hoặc quan điểm của đối thủ một cái tên giả mạo, toàn bộ cuộc tranh luận sau đó lao vào công kích thuật ngữ bịa đặt, xuyên tạc này. Thủ pháp này thường được sử dụng trong cái gọi là những cuộc luận chiến mang tính nguyên tắc. Người ta gán cho đối thủ một “khuynh hướng” vô lý nào đấy để rồi triệt phá “khuynh hướng” đó.

8. Thủ pháp Ullises (Latinh: huyền thoại Odysseus – biểu tượng của mưu chước, tinh ranh). Điều chủ chốt trong thủ pháp này là né tránh và nói không trùng thực chất vấn đề. Bằng cách này cuộc tranh luận nhanh chóng trở nên sôi động, các nhược điểm được che giấu và cuộc tranh cãi trở nên bất tận. Thủ pháp này còn được gọi là “làm đối thủ kiệt sức”.

9. Thủ pháp Testimonia (Latinh: các bằng chứng). Thủ pháp này là đòi khi tiện thể viện dẫn đến người có uy tín (có thể là bất cứ người nào đó), ví dụ, tuyên bố – “Pantagruel¹ đã nói rồi” hay “Treitschke² đã chứng minh rồi”. Với trình độ học rộng biết nhiều như thế, trong từng trường hợp có thể tìm ra những câu trích dẫn đủ giết chết tươi đối thủ.

10. Thủ pháp Quousque... (Latinh: cũ rồi, từ lâu rồi...). Tương tự như thủ pháp trên, chỉ khác là không viện dẫn trực tiếp đến người có uy tín. Như người ta vẫn nói: “Điều này đã bị bác bỏ từ lâu rồi”, hoặc “Đó là thời xưa”, hoặc “Bất cứ đứa trẻ con nào cũng biết”, v.v... Cách bác bỏ này không cần đưa ra bất cứ luận cứ mới nào. Bạn đọc thì tin, còn đối thủ buộc phải bảo vệ “điều đã bị bác bỏ từ lâu” – một việc làm rất bất lợi.

11. Thủ pháp Impossibile (Latinh: không chịu chấp nhận). Không chấp nhận đối thủ có điều gì đúng. Buộc phải công nhận đối thủ có một chút trí tuệ và chân lý – toàn bộ cuộc bút chiến sẽ thất bại. Nếu không thể bác bỏ, vẫn còn khả năng nói rằng: “Ngài X dạy tôi...”, hay “Ngài X sử dụng những chân lý tầm thường đã có từ bao đời như là ‘phát minh...’ của mình”, hay “Cả thế giới ngạc nhiên! Gà mở nhát được hạt thóc và bây giờ đang cục ta cục tác, rằng...”. Tóm lại, luôn phải tìm ra được cách nào đó, chẳng phải vậy sao?

12. Thủ pháp Jubilare (Latinh: Hoan ca). Một trong những thủ pháp quan trọng nhất là biết từ bỏ cuộc tranh luận với dáng vẻ của người chiến thắng. Người tranh luận lão luyện luôn bất bại. Người ta biết cách “thuyết phục” và “bỏ rơi” đối thủ. Đối thủ luôn là kẻ chịu thất bại. Tranh luận khác với bất kỳ loại hình thể thao nào bởi đặc điểm này. Đồ vật có thể thắng thần công nhận mình thua, song chưa hề có cuộc tranh luận nào được kết thúc bằng câu: “Anh đã thuyết phục được tôi”.

LÊ MY

Theo Capek.ru/id-al-book-2010.

¹ “Thích mọi thứ” – một nhân vật chính trong tiểu thuyết “Gargantua và Pantagruel” của nhà văn Pháp François Rabelais.

² Heinrich von Treitschke (1834-1896), nhà báo, nhà sử học Đức, một trong những đại diện chủ chốt của cái gọi là trường phái Đức thiếu sót trong lĩnh vực sử liệu học tư sản, Viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Đức.

TRUYỆN NGẮN
DỰ THI

MẤY tuần liền, nhà văn K gần như nhốt mình trong phòng viết, tách biệt hẳn thế giới hiện đại; internet cắt, ti vi cắt, điện thoại cũng cắt. Ngay cả việc vợ con muốn gặp ông cũng phải đợi tám mười hai giờ trưa, giờ ông nghỉ ăn cơm mới được gặp, chứ gõ cửa vào đúng lúc ông đang suy tư sáng tác thì thế nào cũng bị ông mắng cho một trận té tát.

Tĩnh lặng gần như tuyệt đối, nghe thấy cả tiếng giọt cafe nhỏ tí tách, ấy vậy mà câu chữ cứ rủ nhau trốn biệt khỏi đầu ông. Ôi cái nghề văn chương khốn khổ, ông nào chọn nó thế mà nó lại chọn ông, mà nó chọn ông chỉ để thử thách, thậm chí cười cợt ông chứ nào có đem đến cho ông cái gì. Tiền bạc dút khoát không rồi, đến như các nhà văn nổi tiếng còn cả đời túng thiếu thì ông, cái kẻ viết văn tĩnh lặng này làm sao giàu nổi bằng văn chương? Còn danh, hơn chục cuốn sách đã in ra, nào mấy ai còn nhớ đến cái tên sách chứ nói gì đến nội

CON CHIM LẠ

Truyện ngắn dự thi của VŨ ĐÀM

vui vẻ hơn, ông đã nhúc nhắc gõ bàn phím.

Sáng nay ông phá lệ ăn sáng, uống cafe ở nhà, nhận lời mời của ông bạn thân đi ra nhà hàng ven sông. Một nhà hàng sang trọng, khách đến cũng toàn những người sang trọng. Ông và bạn ngồi ở cái bàn kê ngay sát bờ sông, hai người đang ăn thì ông chủ quán râu trắng, tóc nhuộm đen đi đến bên có vẻ nhún nhường:

- Xin lỗi có phải ông là nhà văn K?

- Dạ phải.

- Thật hân hạnh cho nhà hàng của em hôm nay được tiếp một nhà văn nổi tiếng của tỉnh nhà. Dạ nhân tiện em vừa in một tuyển tập thơ - nhạc, em xin tặng ông một tập.

Ông chủ quán đặt tập tuyển thơ - nhạc đã có sẵn chữ ký vào tay nhà văn K. Một tập sách dày 500 trang, giấy trắng, bìa cứng. Bìa bốn in chân dung, tiểu sử tác giả và tên ba mươi tập thơ đã được in ở các nhà xuất bản trung ương và địa phương. Nhà thơ - chủ quán bảo có ngày ông viết được hai trăm bài thơ. Nhà văn K trợn mắt nhìn chủ quán tỏ ra thần phục. Chủ quán nói, vậy đã nhầm nhò gì, một ông Phó bí tình vừa nghỉ hưu trong một năm mà in được những bảy tập thơ, ra được hai đĩa VCD thơ. Làm thơ, in thơ ồ ạt đang là một thịnh hành của các đại



Minh họa của TRẦN NGỌC QUỲ

đụng. Bây giờ thì ông đã nghỉ hưu ở cái tuổi sáu mươi, sau bao năm bị cuộc đời hành hạ mà thật ra là do văn chương hành hạ. Cái truyện ngắn "Những người chân đất" của ông bị tỉnh kiểm điểm vì nói xấu người nông dân quê ông; ông bị oan, nào ông có nói xấu, ông chỉ viết sự thật bằng văn chương. Riêng cái tiểu thuyết "Ngửa mặt nhìn trời" do nhà xuất bản tỉnh in thì um xùm hơn. Á à, ông ta dám phê phán, nói xấu lãnh đạo tỉnh, huyện, xã là những ông quan tham nhũng, mua quan bán chức, hà hiếp người dân để dân đen phải ngửa mặt kêu trời à? Thu hồi, cấm phát hành. Ông bị phê bình kịch liệt trong chi bộ, bị cách chức trưởng phòng xuống làm chuyên viên. Đồng nghiệp, bạn bè xa lánh ông vì sợ liên lụy, may có vợ con ngày đêm chăm sóc động viên chứ không ông đã quy ngã. May hơn, vợ con ông năng động bỏ biên chế ra làm ngoài, thành lập công ty buôn bán thuốc tây. Giờ hai đứa con hai dính cơ, hai chiếc xe hơi, ông cũng được vợ con mua riêng cho một chiếc có lái xe riêng để phục vụ. Ông đi thủ đô, vào Nam ra Bắc, hết tiền chỉ cần ra chỗ nào có ATM rút thẻ là có tiền, cuộc sống vật chất của ông thật viên mãn.

Nhà văn K lấy ba nén hương châm lửa, kính cẩn cắm lên bàn thờ. Mùi hương thơm ngát nhanh chóng tỏa khắp căn phòng. Mặc dù văn chương hạ giới bây giờ rẻ như bèo, ông bán phở, bà bán thịt lợn cũng có thể bỏ tiền ra in thơ nhưng đối với ông văn chương vẫn là thứ thiêng liêng nên mỗi khi bắt đầu ngồi vào bàn viết ông đều thắp hương. Ông không khấn nhưng ông nghĩ khói hương sẽ giao hoà trời - đất, âm - dương, người sống - người chết và hồn chữ nó cũng sẽ nhập vào con tim, khối óc ông. Ông biết mình không đủ tài năng để trở thành nhà văn nổi tiếng nhưng ông muốn là nhà văn tử tế, viết ra có người đọc, có chút gì ý nghĩa cho đời. Hết một tuần nhang nhưng những ngón tay của ông cứ thừa ra, bàn phím im lặng, màn hình vi tính trắng xóa. Nhà văn K đứng lên, cầm ly cafe nhấp nháp, vị cafe đắng đắng giúp cho ông tỉnh táo nhưng không làm cho ông

hưng phấn. Ông quyết định đi ra ngoài ngôi biệt thự mà hai người con xây riêng cho vợ chồng ông dưỡng già, thật ra là cho chính ông vì ngày trước, ông hay than vãn rằng, nhà văn phải có phòng viết yên tĩnh, phải có không gian, cây cối, chim chóc thì viết văn mới hay. Nhưng đã ba tháng kể từ ngày chuyển từ nhà mặt phố xuống ngôi biệt thự này để ở, cuốn tiểu thuyết mà ông cho rằng cuốn gối đầu giường của ông vẫn chỉ là những trang màn hình trắng. Thực ra ông có viết được mười trang nhưng đọc thấy nhạt nên lại xóa đi.

- Cúc cù cu cu!

Có tiếng chim hót ở ngoài vườn, nhà văn K đi ra, nhìn thấy ông, người con trai vui mừng:

- Con định mang con chim này lên cho bố nhưng sợ bố đang sáng tác.

- Chim gì vậy con?

- Dạ, con chim cu này quý lắm đấy bố ạ!

Anh con trai chỉ con chim cu đang nhốt trong lồng nói với ông, chim cu biết gáy theo mấy cung bậc, con nào gáy bốn tiếng cúc cù cu là thuộc vào loại quý hiếm. Đặc biệt con chim cu này còn biết đập hai cánh, cúi lạy người nữa nên càng có đẳng cấp. Biết ông thích chim nên anh phải mua nó về để ông có cảm hứng sáng tác. Anh nói về cảm hứng sáng tác nhưng chẳng biết mùi vị nó thế nào, chỉ thấy bố anh bảo viết văn quan trọng nhất là phải có cảm hứng nên vợ ông và con ông luôn luôn chiều ông. Chiều không phải họ thích ông viết văn, cái nghề quá khổ quá bất hạnh mà chiều để chống đỡ bố được sống với thú vui tuổi già của mình. Ngay cả khi xây biệt thự cho ông ở vì nghĩ rằng cả đời ông khổ nhiều rồi song vẫn nói thác đi xây biệt thự để ông có không gian yên tĩnh viết văn, nghe cho nó sang trọng cho nó hợp với tâm trạng thì ông mới đồng ý chuyển về ở.

Quả nhiên có con chim cu làm bạn, nghe nó gáy cúc cù cu cu, lại nhìn nó đập hai cánh cúi đầu lạy chào mình mỗi khi đi qua chỗ cái lồng nhốt nó, nhà văn K có phần

gia và quan chức. Nhà văn K và bạn ông chưa hết ngạc nhiên thì một người đàn bà đẹp, đầy đà, cổ và tay đeo dây vàng dắt con chó lông xù từ gác - xi đi vào. Người đàn bà và con chó đi lại chiếc bàn trống ở cuối, người đàn bà ngồi xuống, con chó cũng nhảy tót lên ghế ngồi một cách thần nhiên như thể đây là chỗ đặt riêng cho nó và chủ nhân của nó. Nhiều người hay đến quán nên đã quen với người đàn bà và con chó nhưng với nhà văn K, đây là lần đầu tiên ông đến quán này nên ông cứ trở mắt hết nhìn người đàn bà lại nhìn con chó. Nó cũng được gọi riêng cho một tô phở gà, cũng có trứng đập, cũng có rau thơm, nghĩa là như bát phở của người. Nhưng sáng nay có lẽ con chó bị mệt nên nó chỉ ăn hết lưng bát phở, thế nên chỗ phở thừa của con chó đã khiến cho một người đàn ông ăn mỳ vừa bước vào nhầm tưởng của ai bỏ thừa. Người ăn mỳ cầm bát phở thừa của con chó húp đánh soạt. Người đàn bà rít lên:

- Trời ơi! Hối quá, chủ quán đâu?

Vợ chủ quán, một người đàn bà đẹp lông lầy mặc váy đỏ chạy ra cười mắng người ăn mỳ là đồ ngu ngốc, mắt mù hay sao mà không biết thần phận nghèo hèn của mình, dám bước vào cái nơi sang trọng này để ăn xin. Người ăn mỳ run lên vì sợ hãi, vội vã quay ra. Vợ chủ quán rồi rít xin lỗi người đàn bà và con chó, nói sẽ làm một tô phở khác đến cho con chó. Hàng chục con mắt đổ dồn về phía hai người đàn bà đẹp, người ăn mỳ và con chó nhưng tất cả đều im lặng. Miệng đắng ngắt, nhà văn K bỏ bát phở đứng dậy, đuổi theo người ăn mỳ đang chống gậy, đeo chiếc túi vải đi trên vỉa hè:

- Cự dị! Cự bao tuổi rồi?

Người ăn mỳ ngược nhìn nhà văn K, mãi sau mới lên tiếng:

- Tôi gần tám mươi tuổi!

- Thế con cháu đâu mà cự phải đi ăn xin thế này?

- Chúng nó ở quê nghèo lắm, phải nuôi con cái nên còn sức tôi còn đi kiếm ăn được.

Nhà văn K móc ví lấy ra tờ bạc một trăm nghìn biếu

người ăn mày. Người ăn mày đưa tờ bạc vào sát mắt nhìn kỹ, những một trăm ngàn, chưa bao giờ ông nhận được một món tiền lớn như vậy. Lập tức người ăn mày quì sụp xuống chân nhà văn K vài lạy ba lạy. Nhà văn K vội đỡ người ăn mày đứng lên, đôi mắt ông cay sè.

Trở về ngôi biệt thự, nhà văn K lên phòng viết, nỗi buồn nhân thế mà ông vừa tận mắt nhìn thấy ở quán ăn sáng đã thôi thúc ông ngồi vào bàn viết nhưng than ôi, chữ nghĩa vẫn cứ lẩn trốn ông. Ông đứng dậy đi đến bên cửa sổ, lập tức con chim cu cúi lạy ông:

- Cúc cù cu cu!

Toàn thân nhà văn K run lên, ông như thấy lại hình ảnh người ăn mày sáng nay. Chút vui vẻ mà con chim đã mang tới trong những ngày trước đó đã biến mất nhường chỗ cho rất nhiều liên tưởng từ động tác kỳ quái mà người ta đã luyện cho nó.

- Con thả ngay con chim cu này ra. - Ông gọi con trai đến ra lệnh.

- Sao thế bố? Nó không hót nữa à? - Con ông ngạc nhiên hỏi.

- Không, nó vẫn hót nhưng thả ngay, thả ngay ra!

Người con trai còn đang chưa hiểu điều gì đã xảy ra với bố với con chim cu thì nhà có khách. Là người đàn bà - là bà chủ của con chó trong quán phở sáng nay. Nhà văn K toàn quay đi không tiếp nhưng bà ta đã cúi lạy ông, nước mắt đã chảy tuôn rơi. Không đành lòng, ông rầu rĩ hỏi:

- Cô gặp tôi có việc gì?

- Dạ, em muốn mua lại con chim cu của nhà ông, bao nhiêu em cũng mua.

Đôi mắt của nhà văn K tối sầm, ông bảo sẽ thả con chim ra để nó được bay bổng, tự do trong bầu trời tự do. Người đàn bà quì sụp xuống chân ông, van xin hãy bán con chim cho mình. Bà nói, chỉ con chim có giọng gáy giống tiếng người, biết đập hai cánh cúi lạy y hệt người của ông mới có thể giúp bà thoát được tai ách. Một lần nữa hình ảnh con chim đập đầu xoè cánh cúi lạy lại khiến nhà văn K nổi da gà, ông thở hổn hển như đang lên cơn suyễn. Thật quái quỷ, không hiểu cái ngày này là ngày gì mà ông lại bị bủa vây bởi sự quý lạy, người ăn mày quý lạy, con chim quý lạy và bây giờ là người đàn bà quý lạy!

Người đàn bà được người con trai của nhà văn K nâng dậy, bà lau nước mắt nói với ông, nếu có con chim cu này bà sẽ cứu được chồng thoát khỏi chứng bệnh trầm uất, nhất là dạo này ông ấy còn nhiều lần toan tự tử. Người đàn bà còn nói khá nhiều về nguyên nhân căn bệnh của chồng. Nghe xong nhà văn K buột thốt ra:

- Thì ra bà là vợ của ông B!

- Dạ, ông cũng quen nhà tôi?

- Không quen nhưng rất nhớ vì ngày trước chính ông ấy ký lệnh thu hồi cuốn sách của tôi.

- Ôi em lạy ông xin hãy tha thứ cho ông ấy!

Người đàn bà quỳ sụp xuống. Nhà văn K chán nản, xua tay ra dấu hãy mang con chim đi.

Người đàn bà đem lồng chim về, treo ngay ở cửa ra vào phòng chồng. Rồi sang phòng bên cùng các con theo dõi động thái của ông qua camera. Từ ngày ông B có những hành động quỳ sinh, vợ con ông đã lắp đặt camera để theo dõi.

Sau giấc ngủ li bì thức dậy nhìn thấy con chim, ông B tò mò đi lại. Lập tức con chim giang hai cánh, đập đầu vài lạy rồi cất tiếng hót:

- Cúc cù cu cu!

Đôi mắt ông B mở to kinh ngạc. Con chim lại đập đầu cúi lạy, lại hót. Ông B thốt lên:

- Tuyệt! Tuyệt quá!

Phòng bên, vợ con ông sung sướng reo lên:

- Khỏi bệnh rồi, khỏi rồi!

Sau kinh ngạc người con gái hỏi mẹ, sao con chim có thể khiến bố cô sau nhiều tháng không nói không cười bật lên được mấy tiếng "Tuyệt" đầy hứng khởi như vậy. Người mẹ thở dài:

- Ngày còn đương chức, bố cô được nhiều người cúi lạy. Nay về hưu rồi chả có ma nào xuất hiện, oán đời bạc bẽo, ông ấy sinh ra trầm uất.

- À, thì ra con chim này!

Người con gái mới nói được đến thế thì từ phòng bên đã vang lên cuộc "tung hứng" giữa người và chim:

- Cúc cù cu cu!

- Tuyệt! Rất tuyệt!

NGÔ THỊ Ý NHI

Mưa Huế

Tạt vào hiên lạnh,
Hạt mưa bay nghiêng,
Tìm nhau bối rối.
Chiếc lá ửng vàng cũng bối rối trong mưa.
Bay qua thời thiếu nữ,
Mưa...
Những nhánh sông duỗi lên tràn vào giấc mơ,
Bát ngát.
Vành nón lá như vắng trắng mười sáu
Nghiêng bên nào gió cũng nghiêng theo.
Và hương hoàng lan,
Hương hoàng lan thơm suốt đường chiều.
Mưa...
Thấm vào tiếng rao đêm.
Tiếng rao nhòe nhoẹt.
Con đường nghèn nghẹn bóng đêm.
Hai hàng cây khô gầy gió lùa xơ xác,
Cúi đầu,
Nuốt nước mưa.
Mưa...
Mưa...
Vẫn là mưa Huế.
Tóc phai màu rồi,
Lại gặp Huế mưa.
Chiếc ghế đá quay mặt ra bờ sông xưa
Ngóng giấc mơ về khóa sông.
Và tiếng rao đêm trên con đường vắng
Lạc vào cổ tích tự bao giờ
Chỉ còn chiếc lá khô
Khẽ khàng đặt mình xuống mái ngói rêu phong
Thanh thân,
An nhiên ngửa mặt nhìn trời,
Mưa...

NGUYỄN TIẾN LỘC

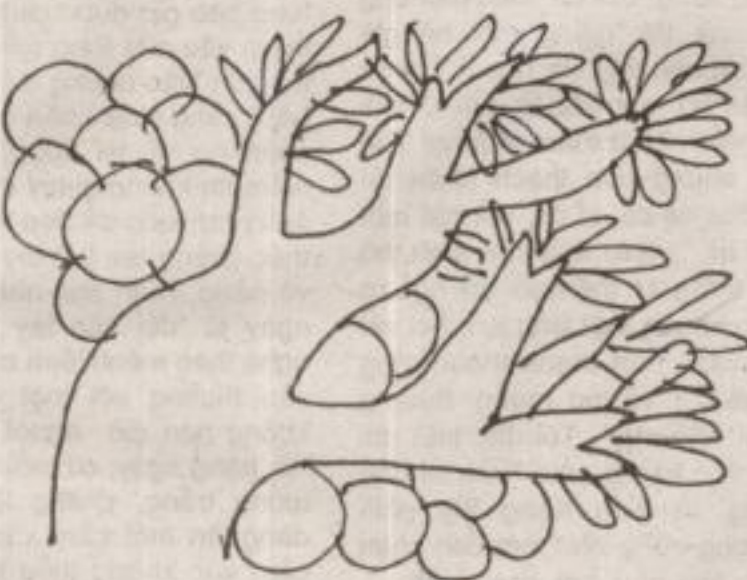
Ga xép @

Em lướt qua đời anh
Như con tàu
Ghé vào ga xép.

Khi tàu đến
Ga bong lên nhộn nhịp
Một niềm vui bất chợt thoáng qua

Khi tàu đi
Ga trống vắng hoang sơ
Gió thổi tốc vài mái lều xiêu vẹo

Chỉ có thể
Mà suốt đời anh đợi
Mong được là ga xép đón em qua.



PHẠM HUY KHANG

Nghe dòng Lô hát

Bởi vì mùa thu tôi ở lại
Dòng Lô yêu đầy mùa nắng mùa mưa
Trái tim đập bên đời lặng lẽ
Nỗi đau tình cờ, nhớ lại bến sông xưa

Nước Lô giang chở tiếng hát về đâu!
Mây trôi lang thang, tuổi buồn như lá
Cuồng điên yêu thương, cuồng điên nỗi nhớ
Gót nhỏ đường dài hun hút mắt thêm sầu

Từng hạt nước thanh âm thấm đẫm đôi bờ
Ru em nồng nàn, đời sao im vắng
Môi nào có còn thơm cho cuộc tình trong trắng
Nằm nghe tiếng cười nhưng chỉ là mơ!...

Trong hư vô giọng hát thấm sâu
Giò mai cuốn đi, âm thầm là đổ
Hồn nhạc Trịnh hồi sinh theo tong con sông vô
Rừng núi đang tay nối lại biển xa sầu

Đừng tuyệt vọng! Tôi đi đừng tuyệt vọng!
Tôi là em, em cũng là tôi
Mưa vẫn bay mưa cho đời biến động
Thấu lẽ vô thường, nước cuốn trôi

Tiếng hát Lô giang đang trong chiều gió lên
Gà gáy khan bên đống đổ người phiêu lãng
Tôi là ai? Tương lai và quá vãng
Chợt nhìn ra tôi - Xin được tạ ơn đời...

TRẦN CHẤN UY

Gửi người hát dân ca

(Tặng Hồng Yến)

Nước vẫn một nguồn sông cũ
Ngân Sâu, ngân Phố thành dải lụa
Sông La xanh biếc hồn quê
Chỉ có con đò xưa đã mục
Làm sao anh đón được em về

Em hát dân ca
Làm anh say câu ví dặm
Những câu hát ngọt ngào, mê đắm
Ngân lên từ sâu thẳm lòng mình.
Em cứ hát bằng trái tim bỏng rát
Từ nỗi thương quê dào dạt nước sông La
Xin đừng hỏi anh có về Hà Tĩnh
Hà Tĩnh mình thương
Đang lòng từ câu hát
Một đời anh trôi dạt
Như con thuyền khao khát bến sông quê
"... Thương quê mình xứ Nghệ
Miền Trung đất khô cằn
Mùa đông trời buốt giá
Mùa hạ nắng cháy da
Ruộng đồng khô nứt nẻ
Mưa đi không kịp về
Bao đời dân xứ Nghệ
Một lòng yêu thương quê..."
Xin em hãy rót lửa vào anh
Rót đau vào nỗi nhớ
Rót quê nhà vào giấc ngủ
Rót cạn đêm dài thao thức nỗi thương quê

Nước vẫn một nguồn sông cũ
Ngân Sâu, ngân Phố thành dải lụa
Sông La xanh biếc hồn quê
Chỉ có con đò xưa đã mục
Làm sao anh đón được em về.



ĐẤT thì rộng, người thì đông. Nhưng cuộc đời của mỗi người cầm bút thường chỉ có điều kiện gần bó máu thịt với một vùng quê, với một cộng đồng người. Đối với Cao Duy Sơn hẳn nhiên đó phải là mảnh đất và con người miền núi, nhất là lưng Cỗ Sấu thân thuộc quê anh. Rất nhiều truyện ngắn mang tên anh trực tiếp liên quan đến cảnh và người nơi ấy. Tôi nhớ là khi rơi vào tình cảnh thật ngang trái, trở trêu - người chống mình có lòng với kẻ khác, mẹ của nhân vật Sơn trong truyện ngắn *Hoa mộc vương* đã nói bằng "giọng trôi buồn như mây thu" rằng: "Em chẳng thể ngăn anh, bao giờ đường cây chắn lối, cầu sông đứt dây, thuyền mành chìm đáy nước, anh hãy trở về đất Cỗ Sấu nghèo khó này, cửa nhà chỉ khép hờ, cầu thang đủ bảy bậc đón anh".

đeo chỉ có gia đình một người đàn ông sống trong cảnh gà trống nuôi con. Con ông là một cô gái xinh đẹp, càng lớn càng xinh đẹp. Tóc cô mỗi ngày một dài và dày lên trong vành khăn quấn đầu. Mỗi đồ như bị chuỗi rưng, mắt đẹp như mắt con chim hực phẩy. Da trắng mịn như nòn chuối. Cô gái đẹp đến nỗi thủ rưng cũng phải ngơ ngác không nỡ nhảy ra chặn đường quấy rầy. Con càng đẹp, người cha càng buồn rầu ưu tư khi nghĩ tới hạnh phúc của con gái. Một ngày nọ, như một định mệnh, cô bỗng gặp một chàng trai nổi bật lên trong một đám người hủi, rách rưới, lở loét, cùi cụt từ xa đến xin cha cô cho nương thân. Điều khiến cô gái ngạc nhiên là sau bộ quần áo rách rưới lộ ra "một cơ thể cường tráng, da dẻ căng đỏ", không hề có một vết tróc lở nào trên người cả. Cha cô gái dễ dàng chấp thuận với lý lẽ thật nhân ái trong cái vẻ tự nhiên đầy thuyết phục: "Mọi thứ trên đời này đều do trời sinh ra cả, chẳng ai có quyền giữ cho riêng mình". Từ đó, "giống như một bức tranh sống động và điều tàn, những con bệnh quần quýt bên

thuật kỳ vĩ như do trời sắp đặt vậy? Chính là chàng trai nọ. Một lần, trước vẻ đẹp quyến rũ của cô gái, không kìm giữ nổi lòng mình, chàng thốt lên: "Em đẹp lắm, cô gái ạ!". Sự thủ nhận được chàng trai nói nhanh những lời cuối, trong tâm trạng thật lạ, như là người có lỗi, không, hơn thế, như là người có tội - "cái tội của kẻ bị người đời khinh rẻ xưa đuổi như loài thú hôi thối, dám buông lời tán dương một cô gái xinh đẹp". Có gì thật vô lý, thậm chí thậm vô lối ở đây. Nhưng cuộc sống thường diễn ra như vậy. Từ đó chàng trai tự nhủ là sẽ không bao giờ gặp lại cô gái nữa. Chàng chỉ biết sớm chiều vui đầu vào công việc riêng của mình là với chiếc đục sắc và đôi bàn tay rắn khỏe chạm khắc nên những hình người trong làng hủi mỗi khi họ qua đời từ chính những phiến đá tự nhiên nằm rải rác trên đồi. Chàng làm công việc đó một cách say mê, đắm luyến và tự nguyện với mục đích rất rõ: muốn trả ơn "những con người bất hạnh nhưng có tấm lòng lành hơn khí trời, đã nhặt được chàng, một đứa trẻ bị bỏ rơi bên mé đường lấm bụi, mà nuôi chàng lớn

về". Chàng cúi đầu tuyệt vọng khi nhận ra vẻ đẹp toàn bích nơi nàng, trong sự thủ nhận mình chỉ là một kẻ bất tài, vì chỉ thể hiện nổi cái vẻ hơi hợt bên ngoài của nàng thôi. Thế rồi chàng ra đi như một kẻ "duy nhất không để lại tượng mồ của chính mình trong nghĩa địa"- Cao Duy Sơn đã nghĩ và viết vậy.

Có điều, thành quả sáng tạo của người nghệ sỹ trong quan niệm của Cao Duy Sơn lại không hoàn toàn như vậy. Tôi nhớ tới tâm trạng của cô gái trẻ đẹp xưa giờ đã thành một bà già yếu đuối lúc lê bước trở về chốn cũ. "Xa xa nàng bỗng nhìn thấy một màu trắng lấp lóa như vẩy gọi nàng đến gần". Khi tới gần, "trước mắt nàng là một bức tượng thiếu nữ hiện hiện như một con chim trắng với đôi mắt mơ màng thoáng ngơ ngác buồn". Nàng như chợt nhận ra bóng hình thân thiết ngày nào. Bao kỷ niệm thiêng liêng bỗng đột nhiên sống dậy. "Nàng rùng mình ngược lên bức tượng thiếu nữ, bỗng chạm phải ánh mắt trên đó đang nhìn mình riêu riêu" như muốn nói với nàng: "Chính ta mới là kẻ đáng được hưởng tình yêu của chàng. Bởi tình yêu của chàng

LƯNG NÚI ẤY... ĐÃ SINH RA MỘT NHÀ VĂN

(Đọc Những chuyện ở Lưng Cỗ Sấu của Cao Duy Sơn, Nxb QĐND, 2003)

PHẠM QUANG TRUNG

Lòng người đàn bà miền núi bao giờ mà chẳng bao dung như suối ngàn như thế!... Rồi truyện *Mưa phố*. Pầu vì giận vợ một cách vô lối, trong suốt năm ngày liền "lần lóc hết các ngõ ngách phố phường Cỗ Sấu" ăn chơi, tiêu sài cho bằng sạch hơn ba triệu bạc gồm tiền bán hai con lợn trên bảy chục ký cùng toàn bộ số tiền dành dụm nhiều năm trời. Đến nỗi cuối cùng trên người anh ta chỉ còn độc một chiếc quần lót theo đúng nghĩa đen của nó. Để rồi khi kịp tỉnh ngộ, trước cơn giông "mây đen mọng nước đùn kín một góc trời", trong "luồng gió bạt ngược tóc", giữa đất Cỗ Sấu, Pầu ôm chặt đứa con gái bước như chạy về phía bệnh viện miêng nói thắm: "Con ơi! Rồi con khỏi bệnh ngay thôi!". Tuy nhiên, ám ảnh hơn cả có lẽ là tình cảnh Khuế trong truyện *Âm vang vọng hời*. Lưng núi này buộc phải chứng kiến nỗi đau không gì sánh nổi của một con người khi "tên lão đã thành một danh từ rất riêng của dân phố Cỗ Sấu". Ai mang bộ đồ bẩn thỉu suốt cả tuần không thay, thì người ta bảo: "Quần áo lên mùi Khuế". Hay hút quá nhiều thuốc, uống quá nhiều rượu thì liền bị rủa: "Ồ thằng này Khuế rồi!".... Đây là chưa nói tới những truyện ngắn khác, xa hay gần, đều ít nhiều can hệ tới biệt danh Cỗ Sấu kia. Câu chuyện diễn ra trong *Thăng Hoán* xoay quanh số phận của nhân vật chính ở bản Tà Phàn, nơi Làn Di - cô vợ hờ của Hoán, có lúc đã phải ra tận phố Cỗ Sấu đón thợ dưới xuôi về làm ngôi nhà mới, tưởng hứa hẹn hạnh phúc ấm êm, nào ngờ lại là cội rễ của tất cả những nỗi bất hạnh kế theo... Rồi truyện *Song sinh* nữa. Hai anh em sinh đôi Du và Siu, mỗi người mỗi tính mỗi nét, đưa tới những số phận hoàn toàn khác nhau. Và, họ ra đời ở bản Niềng cách chợ huyện Cỗ Sấu đầu chỉ mất hai giờ cuộc bộ... Mọi buồn vui, sướng khổ của kiếp người ở cõi đời chừng như đều dồn tụ cả vào chính nơi ấy với những con người mang những số phận ấy.

Thế nhưng, có thể nói là chưa ở đâu và chưa khi nào Cao Duy Sơn lại đưa ra nhiều dụng ý dụng tâm gần gũi đời mình, văn minh với đất Cỗ Sấu như trong truyện ngắn có tên là *Tượng trắng*. Ở một phương diện nào đó, rõ ràng nhà văn có ý lý giải lại lịch miêng quê của mình gần gũi với việc giải thích cái tên rất là đặc thù kia. Sao gọi là Cỗ Sấu? Thì ra, theo chuyện kể của Cao Duy Sơn, gốc tích của nó bắt nguồn từ một chuyện tình dang dở thấm đẫm nước mắt. Ngày ấy..., cái bản Cỗ Sấu vẫn chưa có tên, dưới những tán lá dày đặc nơi chân

nhau, che chở nhau nồng nhiệt và thân ái như anh em cùng sinh ra từ một mẹ hủi vĩ đại". Để trả ơn cha con cô gái, làng hủi đã cử chàng trai - người lành lặn duy nhất trong số họ đem quà sang biếu. Và tình yêu của họ nảy nở dần từ đó... Tuy nhiên, mỗi tình ấy không được người cha cô gái chấp thuận. Thái độ của ông là dứt khoát: "Nhưng con ơi! Người mà con đem lòng yêu thương không nằm trong sự chờ đợi của ta, ta sẽ vì con mà làm hết sức mình để ngăn cản mối tình giữa hai người. Ông dứt khoát đem con gái ra đi, như chạy trốn khỏi những kỷ niệm buồn vui không dễ gì quên được. Trong mơ, cô gái hình dung ra cuộc chia ly đầy khổ đau và tủi hận. Rồi khi đã về già, cha và chồng đã qua đời, con cháu đã trưởng thành, bà đã quyết định trở lại chốn xưa. Giữa bao kỷ niệm xốn xang, trên trời cao bỗng vang lên tiếng con chim đơn lẻ "nhắc chiều đã sắp tàn lụi" tựa như bà đã "già nua và mệt mỏi quá rồi". Khi bà mất, con cháu ai cũng thương tiếc. "Rồi sau tất cả kéo nhau về đây lập nên cái bản Cỗ Sấu bây giờ". Tại khu nghĩa địa, ngôi mộ của bà cao nhất, nổi lên giữa bao ngôi mộ khác...

Song, ở một phương diện khác, sâu hơn, Cao Duy Sơn chừng như muốn phát ngôn quan niệm nghệ thuật của bản thân bằng hình tượng lấp lánh ý nghĩa, nếu đi sâu tìm hiểu thì không thể nói là không đặc sắc và không giàu sức thuyết phục. Tôi để ý tới những mỗm đá lộ nhô nhiều hình dạng lạ kỳ, quái dị nổi lên giữa vạt đất thấp ở phía chân núi Keng Sly xa xa. Thời gian phủ lên chúng những lớp rêu mốc thối với nhiều dáng vẻ khác nhau, lộ nhô khắp vùng đồi hoang vắng. Cái thì "hình một ông già rụng tai", cái thì "giống một bà già ngoẹo cổ lộ một bên mặt vệt hoác". Lại có cái "mang trên bộ mặt tróc lở, hai lỗ mũi mòn mủn sát mắt". Thật thấm thương! Thế nhưng: "Giữa những hòn thạch nhân tất nguyên, đen đúa và cổ sị đó, nổi bật một mỗm đá trắng toát..., nhìn kỹ thì ra hình thù người con gái trong tư thế ngồi hơi ngả ra đằng sau. Trên khuôn mặt lành lặn, hai vết hõm mờ dưới vầng trán thanh thoát trông như đôi mắt đượm vẻ mơ màng, thoáng một chút buồn nhẹ nhàng". Tôi đặc biệt ghi nhớ hình ảnh liên tưởng sau: "Vào những ngày có nắng, từ đỉnh Keng Sly nhìn xuống, bức tượng trông như một con chim trắng sắp bay lên bầu trời cao xanh...". Hình ảnh rất ảo mà cũng rất thực!

Ai là tác giả của những công trình nghệ



Nhà văn Cao Duy Sơn trong lễ nhận giải thưởng Asean.

bằng tất cả tình thương của những số phận đau khổ; và còn bởi một lẽ khác, da diết không kém, là "những muốn lòng mình khuấy khỏa khi bóng cô gái hiện lên trong nỗi nhớ", nghĩa là từ chính những kỷ ức không thể nguôi quên...

Tôi để ý tới lời từ khước của chàng trai khi cô gái khẩn khoản yêu cầu chàng bỏ lại những người hủi kia để cùng cô đi tới một nơi có cuộc sống tốt đẹp hơn nhiều: "Em hãy nghe ta nói đây, ta chưa thể từ bỏ thế giới khổ đau này để ra đi với em được. Chúng sinh và những linh hồn vật vờ ở cái làng này, ta biết họ cần có ta bên cạnh để lòng họ được an ủi...". Chàng nói trong khi nhìn cô gái bằng "một đôi mắt rực cháy" ánh lên những tia "dữ dội" mà nàng chưa từng bao giờ được chứng kiến. Tuy vậy, tự thâm sâu của lòng mình, chàng trai mang lòng tin "vào những điều thần linh đã mạch bảo", rằng chắc chắn cô gái sẽ trở về, chắc chắn họ sẽ lại được gặp nhau... Chính niềm tin không gì lay chuyển ấy cùng hình ảnh như luôn trẻ đẹp mãi của nàng đã thôi thúc chàng trai bắt tay tạc khắc bức tượng về nàng. Hình ảnh nàng hiện dần lên mỗi ngày từ "đôi bàn tay gần như... chỉ biết nghe theo mệnh lệnh của trái tim nhức nhối yêu thương với một cảm xúc sáng tạo không bao giờ nguội lạnh". Khi đã hoàn tất, hàng ngày, cứ mỗi lần ngắm nghía bức tượng trắng, chàng lại thấy trong mình dâng lên một cảm xúc thật khác lạ, "một cảm xúc không thỏa mãn", bởi lẽ, chàng luôn mang ý nghĩ "nàng đẹp, nàng đẹp lắm, sắc đẹp của nàng hơn cả tưởng nhiều. Bức tượng kia chỉ là bản sao chép vụng

đã làm cho ta bất tử. Còn nàng, sắc đẹp và tình yêu của nàng đã lụi tàn trong quá khứ. Ta buồn cho nàng thay". Tôi không thể không chú ý tới chi tiết sau đó: "Nàng cúi chiếc khăn trên đầu, mái tóc bạc xo tung như một lời thủ nhận cay đắng...". Sự thật như được hoàn nguyên dưới ánh sáng chói ngời của lý tưởng.

Thì ra, muốn đời nay, sức sáng tạo của người nghệ sỹ chân chính bao giờ cũng mang theo nhiều ý nghĩa. Chính vì vậy mà tài năng của họ luôn được sự thừa nhận rộng rãi của công chúng mà dấu hiệu có khi được bộc lộ ngay ở những bước đi chập chững ban đầu. Trong tác phẩm, tôi nhớ tới những món quà của chàng trai nhằm đáp trả ơn sâu nghĩa nặng của cha con cô gái, khi là đôi gà lôi béo, khi là làn quả rừng thơm ngon, nhưng nhiều nhất và đặc biệt nhất là những đồ trang sức xinh xắn do chính bàn tay chàng trai làm ra riêng tặng cô gái. Đó là những chuỗi hạt làm bằng xương thú, những chiếc vòng đeo tay bằng đá xanh vân trắng trạm trổ khéo léo và tinh xảo. Cô gái hỏi: "Vì sao anh biết làm những thứ này?". Chàng trai trả lời giàu ý tứ: "Tay tôi làm theo những lời chỉ bảo của làng", rồi giải thích rõ hơn: "Kẻ chết có người sống cũng có. Họ mang theo cuộc đời phiêu bạt đủ mọi nghề từ khắp nơi... Tôi chỉ là kẻ tát nước xuôi ngược, không đáng học từ của họ". Nền nhớ, trong suy nghĩ của cô gái khi ấy lại khác hẳn: "Cha em nói rằng nhìn những vật này, biết mai sau người làm ra chúng sẽ làm nên việc lớn". Và đúng thế, những việc làm của chàng trai sau này mang lại những hiệu quả mới lớn lao làm sao!

Câu chuyện trong *Tượng trắng* phủ một màu cổ tích huyền ảo trôi đến từ xa xăm. Vậy nên, đọc văn Cao Duy Sơn, tôi cứ hay liên tưởng tới loài hoa mộc vương trong truyện ngắn cùng tên của anh. Đó là một loài hoa sang cả, cánh màu hồng tựa sen mà không phải sen, hương thơm tựa linh hương nhưng không phải linh hương. Nó không nhiều nụ nhiều bông như mận hay đào, nhưng vẫn khéo khoe những cánh lá xòe ra trông như những bàn tay trẻ hứng gió bốn phương bay về. Và, tất cả đều vươn ra từ thân cây vô dầy cứng, bằng nửa vòng tay ôm, cao tắp đầu người lớn, trông trầm mặc như tiên ông trong truyện cổ. Ôi! Hoa mộc vương. Mới nghe qua cứ tưởng đó là một loài hoa thân thảo lá mềm, thường ưa ẩn mình đầu đó giữa chốn hoang dã bạt ngàn cây lá. Không ngờ nó lại rất kén chọn đất đai và khí hậu, thường ưa mọc lên ở đất quen nơi xứ lạnh, và có đặc tính không phải loài hoa nào cũng có: nở chậm mà lâu tàn.■



PHẢI CHĂNG ĐỜI LÀ BỂ KHỔ?

(Giới thiệu tập truyện *Có một cuộc đời như thế* của Lê Tuyết, Nxb Hội Nhà văn, 2010)

NGUYỄN THỊ MAI

CÓ một thời, cuộc sống đói nghèo, dân trí kém đến nỗi con người không biết đâu là đúng - sai, thiện - ác, tốt - xấu và hành động bản năng, rất "hồn nhiên" trước luật pháp.

Có con người, tài sắc, nét na, thẳng ngáy, nhân hậu mà cam chịu bị vùi dập, chấp nhận khổ nhục, không dám đứng lên giành lấy quyền sống cho mình.

Truyện kể: Ngọc là con gái một liệt sĩ, mồ côi cha từ khi còn trong bụng mẹ. Người mẹ này rất yêu thương con gái nhưng vẫn đi bước nữa. Cuộc sống làm lẽ của mẹ khiến phận con riêng là Ngọc nhiều tủi hờn. Vừa lớn lên, Ngọc được bố dượng xin cho đi thoát li làm việc ở một xưởng họa. Do Ngọc xinh xắn, tươi trẻ, sống vô tư và nét na nhân hậu nên nhiều chàng trai yêu thương. Nhưng Ngọc chỉ chọn người mình đam say thực sự. Đó là chàng nhạc trưởng của một đoàn nghệ thuật, hơn cô 17 tuổi. Để lấy



được nhau, Ngọc và chàng đã phải chịu những cơn mắng chửi nhục mạ của "thầy" cô (tức chú dượng). Riêng Ngọc còn bị đánh đòn như tử tù không sống nổi. Bất chấp mọi sự dăm tiêu, bất chấp đòn roi, phá phách, chửi mắng phũ phàng, bất chấp nghèo khổ không nhà cửa, không giường hạnh phúc, hai người vẫn cưới nhau thành vợ thành chồng.

Nào ngờ hôn nhân đem đến cho Ngọc bi kịch ê chề. Những cái tát, những quả đấm, những lời lăng mạ xúc phạm của người chồng thường xuyên hành hạ thể xác và tinh thần cô. Ngọc từng bao phen đưa con trốn chạy các trận tra tấn của chồng. Từ lý tưởng đến thất vọng, từ đam say đến căm uất, từ hy vọng đến đổ vỡ. Ngọc đã trải qua các thái cực tình thân một cách nhanh chóng khiến cô suy sụp. Nhưng người con gái mạnh mẽ đấu tranh giành giật tình yêu là thế mà cam chịu, buông

xuôi sống bên người chồng vũ phu, hà tiện và ghen tuông bệnh hoạn. Phải đến khi người chồng đó chết, đời Ngọc mới tạm được yên ổn. Nhưng lúc này tuổi trẻ còn đâu, bệnh tật hoành hành, người mẹ yêu thương nhất đời cũng đã mất thì vàng bạc, cửa nhà, bằng cấp phỏng còn nghĩa lý gì với Ngọc?

Và không hiểu sao, khi đó, Ngọc lại ước ao chồng mình còn sống để trở lại cái cảnh đời trước đây. Thà như thế mà có nhau còn hơn. Có lẽ đó là ý tưởng nhân văn, đó là tình nhân đạo cao cả nhất của tác phẩm.

Cuốn truyện có văn phong giản dị, giàu biểu cảm, nhân vật sống động. Tuy còn những phần viết thừa không cần thiết, đôi chỗ diễn đạt vụng nhưng truyện vẫn có giá trị cho ta biết thêm một kiếp người, hiểu thêm một nỗi khổ trần gian khi người phụ nữ một thời còn bị phân biệt đối xử trong gia đình và ngoài xã hội. ■

NỎ KHUẤT – SÁNG BỪNG KHÁT VỌNG

(Nxb Hội Nhà văn – Giải C Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam 2010)

NGUYỄN THẾ QUANG

ĐÂY là cuốn tiểu thuyết có nét đặc biệt: tác giả của nó là một người khiếm thị, tự học để viết văn làm thơ, đến nay đã cho ra đời sáu cuốn sách và chiếm được 10 giải thưởng trong đó có 5 giải toàn quốc và một giải của tổ chức Ôn-ki-đô châu Á Thái Bình Dương.

Nhân vật trong tác phẩm chủ yếu là những thân phận chịu nhiều bất hạnh trong xã hội: những người mù, người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa... Nhân vật chính là Thực – một chàng trai nhà nghèo ham học, sau một trận bom Mỹ bị hỏng mắt rồi mù hẳn. Trong đau đớn tuyệt vọng anh tìm đến cái chết nhưng bạn anh kịp ngăn lại. Anh tập đan để sống. Anh được đón nhận tình yêu chân thành giàu đức hy sinh của cô gái làng bên. Lần lượt bốn đứa con ra đời, vợ ốm yếu anh phải mò cua bắt ốc

nuôi vợ con. Quá bế tắc, anh phải liều dặt đứa con gái đầu lòng mới lên 9 tuổi đi hành khất bằng cách đọc những bài thơ hay, kể các câu chuyện trong các tiểu thuyết nổi tiếng thế giới để sống. Chịu bao nhiêu hắt hủi, nhiều khi đói là bên vệ đường, có khi ốm đau tưởng không qua khỏi anh vẫn cố sống và tập làm thơ. Anh trở về túp nhà nhỏ của mình quyết trụ vững ở quê nhà để nuôi con ăn học nên người. Chạy đi mua đồng nát, anh viết văn, làm thơ, viết kịch. Trong đói nghèo anh vẫn giữ đạo làm người, vẫn sẻ chia, vẫn nuôi dạy được bốn con học giỏi.

Theo bước chân run rẩy của cha con anh giữa bao giông bão trên bao cung đường ta bắt gặp bao số phận bất hạnh. Đó là Mạnh – bố mẹ chết, họ hàng không ai nhìn đi theo đám bụi đời móc túi; là Đạo gù – bị tật nguyền người thân ruồng bỏ phải đi ăn mày; là Hà – đứa bé bị bỏ rơi đem về

âm nhạc, bị nát cả đôi chân phải ôm đàn hát rong; là Quán – nhà nghèo, mẹ chết bèn quây phá trộm cướp bị đưa đi cải tạo 15 năm. Khi ra tù thì bố chết...; là Nhân – cô gái bị chất độc di ô nhiễm...

Những con người nghèo khó bị ruồng rẫy ấy, bên trong tấm áo rách và thân thể gầy yếu lại chứa đựng những đồng cảm yêu thương, những sẻ chia cay đắng. Mỗi người một cảnh ngộ nhưng đều nuôi nghị lực và khát vọng vươn lên để có một cuộc sống tốt đẹp ý nghĩa.

Trong tuyệt vọng Hà không tìm đến cái chết: "Tôi phải sống vì tôi không thể chấm dứt niềm đam mê và khát vọng". Anh làm người nghệ sĩ hát rong gửi nỗi niềm tâm sự vào nghệ thuật để sống có ý nghĩa. Anh che chở cho cô gái mù bị hắt hủi và hai thân phận tật nguyền đã tìm được hạnh phúc. Nhân vật Thực – qua bao nhiêu sự



bụi dập phũ phàng rề rúng của cuộc đời, gặp bao sự cảm thông chia sẻ của bao nghĩa cử, anh biết mình nợ cuộc đời nhiều lắm, quyết định trở về quê đến với trang văn bằng cả tấm lòng mình để chia sẻ, để học và để sáng tạo, khẳng định mình giữa cõi người. Anh đã thành công. Những đứa con của anh lớn lên trong nghèo đói vẫn đầy lòng nhân ái, văn học giỏi. Trong túp nhà tranh nghèo mà vẫn ấm áp tình người và ánh sáng trí tuệ. Rồi bé Mạnh, cụ Ngọc, Đạo gù, Quán... chìm lấp giữa dòng đời biết bao những kiếp người bất hạnh, thống khổ đang ngày đêm ấp ủ niềm hy vọng. Biết bao kiếp người không may đang khao khát được làm người. Bao thân phận bầm dập đang sống lặng lẽ trong chịu đựng mà không cam chịu ấy âm ỉ khát vọng và không bao giờ muốn lòng tự trọng bị tổn thương.

Nỏ khuất đậm đặc hiện thực cay đắng và phức tạp của đời sống. Tác giả Nguyễn Trung Thành mới năm mươi tuổi đời nhưng hơn ba mươi năm bị mù, nghèo khổ đến cùng cực, bị hắt hủi, chịu bao nhiêu đắng cay mà vẫn có cái nhìn trong sáng, vẫn phát hiện được bao nhiêu vẻ đẹp trong những thân phận bất hạnh bị đẩy dụa, rề rúng.

Nỏ khuất giản dị kể câu chuyện nặng bao mồ hôi nước mắt, bao tình yêu khát vọng của Nguyễn Trung Thành và bao cuộc đời đã vượt qua bang tối dày đặc mà vươn lên ánh sáng. ■

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRÔI THEO ÁNH TRẮNG

(Đọc tập thơ *Chất chiu* của Huỳnh Ngọc Lan, Nxb Hội Nhà văn 2010)

VÕ THỊ KIM LIÊN

HUỲNH Ngọc Lan xuất hiện trên thi đàn khá muộn, 60 tuổi mới in tập thơ đầu tiên. Thực ra Lan làm thơ từ khi còn là cô giáo đứng trên bục giảng và cũng là một diễn viên múa toả sáng trên sân khấu. Lan làm thơ như người ta ủ men cất rượu. Men ủ càng lâu, rượu càng say càng nồng.

Đời người theo năm tháng, tuổi trẻ và nhan sắc, nhiệt huyết và khát vọng... vơi đi nhiều thứ nhưng cũng đầy thêm nhiều thứ. Những thứ ngày càng đầy thêm đó là vốn sống, là tri thức, là niềm cảm xúc, là sự trải nghiệm, tình yêu hạnh phúc và cả những nỗi đắng xót mà Lan không thể không viết ra. Vì vậy Lan đã viết một cách ung dung tự tại theo mạch nguồn cảm xúc của mình, câu chữ vẫn lung linh, sống động trong sự giản dị, chân thật đến hồn nhiên. Hình như sau tất cả việc đời đâm lảng lại người ta thường tìm về ẩn mình trong thơ.

Tôi biết Lan yêu trăng từ khi còn là một cô bé tắm trấu sân mưa với hai bím tóc buộc nhổng lên như đuôi gà ướt. Nhưng yêu đến mức mê đắm *trôi theo* thì bây giờ sau bao nhiêu chìm nổi của: "Người đàn bà ước một vòng tay/ Trao cả mệnh mỏng cho tìm mình ấm lại" mà Gió vô tình vẫn thổi/ Một mình đi qua mùa đông Lan mới nhận ra.

Tình yêu, sự khao khát hạnh phúc, vươn tới cái đẹp vẫn là mảng thơ chủ đạo trong *Chất chiu* của Huỳnh Ngọc Lan. Huỳnh Ngọc Lan là người sống hết mình, yêu hết mình, không chấp nhận sự nửa vời, đã đi là phải đi đến tận cùng mới hiểu hết đục trong, hiểu hết sự chân thành hay giả dối của tình người.

Huỳnh Ngọc Lan ít viết về nỗi đau. Mặc dù Lan biết rất rõ: "Quá khứ như đến thiêng/ Không phải vết thương nào thời gian cũng chưa lành tất cả". Kể cả những vết thương khi đã lành da thịt Lan cũng không muốn chạm đến nó nữa? hoặc là Lan đã biết ru dỗ niềm đau riêng của mình? – *Nhìn mắt con không được phép buồn*.

Thơ Huỳnh Ngọc Lan vì vậy đậm tâm trạng, buồn mà đẹp, mà sắc sảo thông minh của một tâm hồn nhạy cảm và tinh tế. Ngay cả trong hoàng hôn Lan cũng nhận ra: "Sắc hoàng hôn vẫn hồng tươi ánh ngày". Theo quan niệm lý nhân sinh phương Đông thì thơ Huỳnh Ngọc Lan chính là mầm vui sống được *chất chiu* ra từ trong những nỗi buồn trầm tích, sâu lắng ấy. ■



KHI LÀNG LÊN PHỐ

THÀNH phố Hải Dương nay đã mang tầm vóc một đô thị loại hai sầm uất, khang trang, hiện đại. Không còn là "Thị xã đi qua", mà đã là điểm dừng chân hấp dẫn trên quốc lộ 5 nối Thủ đô Hà Nội với thành phố cảng Hải Phòng. Bước phát triển ồ ạt nhất là mấy năm đầu thế kỷ này, khi thành phố thu hồi hàng nghìn héc ta đất canh tác của các xã nông nghiệp ngoại thị giao cho tập đoàn Nam Cường và một số doanh nghiệp theo phương thức "đổi đất lấy cơ sở hạ tầng" và đầu tư sản xuất công nghiệp, dịch vụ. Những cánh đồng bao đời trồng rau cấy lúa đã được thay bằng những khu phố với đường trải nhựa rộng rãi, hai bên là những nhà xưởng, dãy phố với rất nhiều biệt thự được xây dựng bằng nguồn tiền chủ yếu là xê đất bán bớt và cả tiền bồi thường từ đất ruộng bị thu hồi...

Làng Phúc Duyên nay có tên mới là tiểu khu 1,2,3, phường Hải Tân. Tôi là cả vào thăm mấy nhà trong xóm phố. Năm 2002 hầu như toàn bộ đất canh tác của làng Phúc Duyên bị thu hồi để chuyển giao cho Công ty Nam Cường, đầu tư mở khu đô thị phía đông và Công ty Hà Hải xây dựng khu dịch vụ sinh thái. Nhiều gia đình ở đây hết đất canh tác. Tiền đền bù là 9,3 triệu đồng một sào, bao gồm đền bù đất sản xuất 60.000đ/m², hỗ trợ ổn định đời sống 7000đ/m², hỗ trợ chuyển đổi nghề 20.000đ/m². Mặc dù được giải thích kỹ càng về luật đất đai, về chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, đủ mọi nghề, nhưng ban đầu nhiều gia đình vẫn không chịu giao sổ đỏ, ký nhận tiền đền bù. Họ kéo ra ngăn cản doanh nghiệp đổ cát san lấp mặt bằng, đã xảy ra va chạm xô xát với lực lượng an ninh. Hậu quả là một số người bị bắt giam, trong đó tám người bị đưa ra xét xử (có sáu phụ nữ) vì phạm tội "chống người thi hành công vụ". Người thi án treo, người vãi ba năm vào trại cải tạo Hoàng Tiển. Ban đầu nghe chuyện tôi nghĩ họ thuộc trong số mười ba gia đình vẫn chưa nhận tiền đền bù. Tám chín năm qua, năm nào họ cũng ký chung đơn kiến nghị. Đã rất nhiều công văn phúc đáp và đã có lần Chủ tịch UBND tỉnh gặp gỡ, giải thích, đối thoại. Nhóm người này cũng rất tiếc sọt nhưng không hành động quá khích như mấy cô mấy bà đảo đố kia(!). Với họ bây giờ mười triệu tiền đền bù, không có, họ vẫn... sống khỏe, họ đòi được đối xử công bằng! Tôi đã ngồi gần một buổi với anh Lê Văn Duyên, một người trồng đào trồng hoa có tiếng ở Hải Tân. Khỏe mạnh, điềm tĩnh, anh tỏ ra rất am hiểu văn bản chính sách. Nhà anh cả thấy có bấy sào đất, thành phố thu hồi làm ba đợt. Không còn đất canh tác, vợ chồng anh sang làng Dục xã bên thuê đất bỏ công cải tạo để tiếp tục trồng đào bán Tết xen canh trồng rau, trồng hoa. Thu hoạch từng tiệm cũng đủ ăn tiêu mừng giúp đám xú và nuôi hai con ăn học. Anh tính với tôi rằng, tiền thuê đất trồng đào gần ấy năm đến nay cộng cũng đã ngang bằng tiền đền bù cho mỗi sào ruộng. Vẫn với giọng điềm tĩnh, anh bảo, hàng ngày đi làm anh vẫn đi qua đường trước đây là cánh đồng Con Bơ, Khu Sỏi có ruộng nhà anh, nay là những dãy nhà phố. Anh không tưởng tượng được chỉ ngay sau khi tập đoàn Nam Cường đổ cát san lấp mặt bằng, cắm mốc san ủi làm đường, doanh nghiệp đã thông báo giá bán chỗ ba triệu, chỗ bốn triệu đồng một mét vuông! Và thửa ruộng đồng Đông ven đường Cầu Cong bây giờ, chỗ ruộng trồng đào tốt nhất của nhà anh, nay giá đất nền đã tới hơn 20 triệu đồng một mét vuông. Cũng vị trí ấy, 60 nghìn đồng một mét vuông là giá đất ruộng của anh và đã thành trên 20 triệu một mét vuông là đất đô thị của "anh" Nam Cường.

Sự chênh lệch lợi ích có thể nói là bất công trên một mảnh đất của những nông dân Phúc Duyên với doanh nghiệp Nam Cường là có thật. Và sự day dứt, tiếc xót trong anh Duyên cũng rất thật rất... con người! Tôi muốn nêu câu hỏi với ông chủ ngôi biệt thự vừa mở cửa ra ban công trên

ĐẤT NÓNG

Phóng sự của NGUYỄN PHÚC LAI

LTS: Luật đất đai và các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đã đi vào cuộc sống đem lại những thành tựu to lớn tạo bước phát triển mạnh mẽ trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá, chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Nhưng trong thực tế ở nhiều nơi cũng đã nảy sinh những bất cập, vi phạm pháp luật, tham nhũng, thiếu công bằng với nông dân gây ra nhiều vụ khiếu kiện phức tạp kéo dài. Gần đây Chính phủ đã cử các đoàn công tác về các địa phương nghiên cứu tình hình Luật đất đai để đề xuất với Quốc hội sắp tới sửa luật. Văn nghệ xin giới thiệu bút ký của nhà văn Nguyễn Phúc Lai với mong muốn góp thêm một cái nhìn đa chiều và những cảm nhận kiến giải về những điểm nóng ở nông thôn một vấn đề xã hội đang được nhiều bạn đọc và các nhà văn quan tâm.



tầng đang đứng ngẫm hoa kia, không biết đất dựng nhà ông mua bán sông phẳng hay được mua giá "ưu đãi" của Công ty Nam Cường, liệu ông có biết và có bản khoản, chia sẻ nỗi niềm của người nông dân mất đất như anh Duyên.

ĐẤT QUÊ TA MỆNH MÔNG?

Đất đai là tài nguyên quý giá nhất của quốc gia, là nguồn sống, là tài sản lớn của đại bộ phận nhân dân. Theo Luật, đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thực hiện quyền chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Người dân có quyền sử dụng đất, bao gồm quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn, được bồi thường khi nhà nước quyết định thu hồi đất. Đại diện chủ sở hữu nhà nước là người đứng đầu cơ quan công quyền (cùng bộ máy giúp việc) ở bốn cấp chính quyền nhà nước. Ta hiểu đó là quyền làm chủ trực tiếp, là thực quyền. Người dân có quyền sử dụng và về danh nghĩa cũng có quyền sở hữu gián tiếp. Vì thông qua cơ quan dân cử, dân đã giao cho những người Nhà nước được bầu lên quyền quản lý, định đoạt và đóng thuế trả lương cho họ. Đương nhiên cái quyền ấy chỉ với mục đích ích nước lợi dân...

Nhìn lại quá trình lịch sử có lẽ chưa bao giờ chế độ quản lý ruộng đất lại xáo động và biến đổi nhanh chóng như nửa thế kỷ qua, từ giai đoạn hoà bình lập lại ở miền Bắc (năm 1954) đến ngày nay. Người dân đi theo Đảng đánh đuổi giặc ngoại xâm và lật đổ giai cấp bóc lột, cải cách ruộng đất vừa hơn hờ được cầm thẻ nhận ruộng và ba năm thì lại góp ruộng góp trâu vào HTX làm ăn tập thể (Dân có ruộng đập diu hợp tác - Thơ Tố Hữu)... Rồi giải thể HTX nông nghiệp, giao ruộng đất cho nông dân làm ăn ổn định lâu dài. Nhưng để phát triển đất nước tiến cùng thời đại, không thể mãi với nền kinh tế thuần nông... Lại bắt đầu một quá trình xáo động mạnh mẽ và không kém phần khốc liệt đối với đất đai. Từng bước, có khi là ồ ạt, Nhà nước quyết định "thu hồi" đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, mở mang đô thị, giao đất cho các Doanh nghiệp trong nước và nước ngoài (được gọi là các nhà

đầu tư) thực hiện các dự án phát triển công nghiệp, dịch vụ...

Ở các tỉnh phía Bắc, đất nông nghiệp chuyển đổi thu hồi nhiều nhất là Hà Nội (gồm cả Hà Tây cũ), rồi đến Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam... Tỉnh riêng 10 tỉnh đồng bằng Sông Hồng, trong khoảng mười năm (2001 - 2010) đất canh tác đã mất bằng đất cấy lúa của tỉnh Hưng Yên - 32.000 hecta. Trước thực trạng trên, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các địa phương hạn chế xâm phạm đất trồng lúa để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia.

Đất quê ta có mệnh mông? Với trên 32 vạn kilômét vuông, và nay dân số gần 90 triệu người, nước ta có diện tích đất canh tác bình quân đầu người vào loại thấp trên thế giới. Không thể phủ nhận Luật đất đai và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong quản lý và sử dụng đất đã đem lại những thành tựu to lớn, tạo bước phát triển mạnh mẽ trong công cuộc phát triển đất nước. Nhưng thực tế cũng cho thấy khi thực hiện quyền hạn nhân dân giao cho, không ít quan chức đã lạm quyền, phạm tài nguyên đất, dường như họ có một quyền hành... mệnh mông trong việc thu hồi đất và cấp đất, dân chúng vẫn gọi là cho đất, bán đất...

Sau giải phóng miền Nam tôi có dịp cùng đoàn công tác của tỉnh vào thăm Đồng Tháp Mười, vùng đất chua phèn chỉ thấy cây tràm và cỏ dại mệnh mông đến tận chân trời. Địa phương sẵn sàng cắt cho tỉnh Hải Hưng hồi đó hàng nghìn hecta để di dân vào khai hoang lập khu kinh tế mới. Giờ đây đất ở vùng này đã được cải tạo, làm đường giao thông; dân địa phương được chia để trồng lúa, lập vườn trồng cây trái, vùng trũng thì thả cá, nuôi tôm. Năm 2006, với lý do lập dự án nuôi cá tra xuất khẩu, được tỉnh chấp thuận, Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành (Đồng Tháp) đã ra quyết định thu hồi trên 43 hecta đất và mặt nước của nông dân xã An Nhân đang làm ăn để giao cho 13 hộ đầu là cán bộ hoặc người nhà cán bộ của tỉnh và cũng để thả cá kinh doanh. Dân khiếu kiện, thanh tra Chính phủ phải vào cuộc. Mãi cuối năm 2010 huyện mới chịu quyết định "thu hồi"

dứt điểm diện tích đất mà lãnh đạo huyện tiến hành thu hồi của dân xã An Nhân một cách tuý tiện (báo Tuổi trẻ 12/11/2010). Tương tự như ở Đồng Tháp có thể kể thêm những trường hợp ở một số nơi như Tây Ninh, Bình Thuận mà đất của người dân (hoặc công nhân lâm, nông trường quốc doanh giải thể) đã bị thu hồi để cấp cho người khác, thường là cán bộ tỉnh, huyện, để trồng điều hoặc cao su có trường hợp được thuê dài hạn hàng mấy chục hecta.

Ở Thừa Thiên Huế, bên ngoài khu vực cổ đô là vùng đồi rừng, trong đó có rừng phòng hộ, khu bảo tồn thiên nhiên. Phía trước là một dải bờ biển xuôi xuống khu vực Lăng Cô dưới chân đèo Hải Vân là một thắng cảnh tuyệt vời. Căn cứ văn bản kết luận của Thanh tra chính phủ, báo Tuổi trẻ số ngày 20/12/2010 đã dẫn ra hàng loạt các sai phạm trong việc cấp phép và giao đất. Tỉnh đã cấp phép cho một Công ty khai thác khoáng sản trong khu vực bảo tồn thiên nhiên nghiêm ngặt, cấp phép cho hai dự án sân golf tại khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô không đúng quy hoạch. La lũng hơn nữa là tỉnh đã giao đất cho một Công ty liên doanh với nước ngoài sử dụng tới 315 hecta để xây dựng khu du lịch dịch vụ, nhưng Công ty chỉ phải ký hợp đồng cho thuê và trả tiền đất có 209 hecta. Đất đai ở Thừa Thiên Huế đâu có... mệnh mông đến mức lãnh đạo tỉnh đã ký quyết định thu hồi đất của dân giao cho 269 doanh nghiệp, trong đó có tới 127 Doanh nghiệp được giao đất rồi mà chưa ký hợp đồng thuê đất. Điển hình là Doanh nghiệp Vinashin đã được tỉnh ban hành lần lượt bốn quyết định cho thuê trên một triệu mét vuông đất thời hạn 50 năm để làm cảng và bến bãi, từ năm 2007 đến nay mà Doanh nghiệp này vẫn chưa phải làm thủ tục thuê đất....

Cũng cần kể thêm là tình trạng một số địa phương gần đây đã phóng tay cho thuê đất biển và đất rừng. Thật khó có thể tưởng tượng được rằng chỉ trong vòng khoảng mười năm vừa qua nhiều bãi biển đẹp và tiện lợi, trong đó có một số bãi biển, vịnh biển được liệt vào những bãi biển đẹp nhất thế giới đã bị cắt xé giao cho các doanh nghiệp, chủ yếu là doanh nghiệp nước ngoài thuê dài hạn để xây dựng khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp, khu du lịch sinh thái mà đối tượng phục vụ là những khách rừng rinh tiền bạc. Ngay Bãi Cháy của Vịnh Hạ Long thì từ lâu một diện tích lớn đã thuộc một doanh nghiệp nước ngoài thuê dài hạn, người mình vào đây tắm phải trả tiền. Có địa phương đã cho doanh nghiệp nước ngoài thuê cả một vùng mặt biển để nuôi trồng hải sản. Họ chiếm giữ một khu vực biển tiện lợi mà tàu thuyền ngư dân qua lại làm ăn từ bao đời này. Về đất rừng (theo báo điện tử Việt Nam nét ngày 19/11/2010) mấy năm qua một số tỉnh phía bắc đã cho doanh nghiệp nước ngoài thuê gần 300.000 hecta đất rừng để trồng rừng nguyên liệu, trong đó có cả rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, rừng có vị trí xung yếu về an ninh quốc phòng. Giá thuê trung bình chỉ có 180.000đ một hecta (tính ra chỉ mấy trăm đồng con một mét vuông đất rừng). Chủ trương ưu ái nhà đầu tư "thoảng" đến mức khó tin, cũng theo Việt Nam nét, lãnh đạo tỉnh Lạng Sơn đã quyết định cho Công ty InnoVGreen (Đài Loan) thuê đất rừng tới sát đường biên giới, có khu vực chồng lên cả diện tích mà dân địa phương đã thuê và trồng rừng từ trước. Đất rừng cũng mệnh mông quá khiến có trường hợp tỉnh, huyện chỉ căn cứ bản đồ mà quyết định giao đất cho doanh nghiệp, mà ngay Chủ tịch xã và người dân bao đời sinh sống với rừng không hề được thông báo, bàn bạc. Thậm chí họ phải bàn giao đất rừng mà chưa hề có quyết định "thu hồi" đất trong tay! Ở đây quyền của "ông Nhà nước" người đại diện chủ sở hữu về đất đai quả thật "mệnh mông" đã vượt giới hạn đến mức... nguy hiểm!...

(Còn nữa)

NGHỆ THUẬT



NHỮNG KHUÔN HÌNH ĐẦY NƯỚC MẮT

HOÀNG MINH

Đó là những tấm ảnh thời sự nóng hổi, nhưng không phải của các nhà cầm máy chuyên nghiệp; được giới thiệu với công chúng Thủ đô qua triển lãm "Chuyện những bà mẹ đơn thân". Với gần 200 hình ảnh, hiện vật được 20 nữ "nhiếp ảnh nghiệp dư" là những bà mẹ đơn thân đã khắc họa chân dung của 18 phụ nữ; mà trong cuộc sống họ phải gánh trách nhiệm vừa làm cha vừa làm mẹ, vượt qua những định kiến, sự mặc cảm để tìm lại hạnh phúc của bản thân họ.

VƯỢT QUA ĐỊNH KIẾN

ĐƯỢC giao máy ảnh trong vòng hai tháng, 18 bà mẹ đơn thân ở Tân Minh đã chụp hơn một ngàn bức ảnh về cuộc sống của họ và những chị em đồng cảnh ngộ. Những suy nghĩ, trăn trở của các chị, các mẹ được kể lại bằng những tấm hình mộc mạc, giản đơn như chính cuộc sống của họ. Đó là lời chia sẻ từ cuộc sống "một vai hai gánh" - vừa làm mẹ vừa làm cha - vượt qua những định kiến và sự mặc cảm, tự ti để có được hạnh phúc... Ở họ còn là sự cảm thông với hình ảnh chị Đoàn Thị Thịnh một mình cuộc đất trên cánh đồng; là niềm hạnh phúc của chị Quách Thị Hồng Lý khi đã có đứa con và được ngắm nhìn con gái đang chơi đùa; là nỗi lòng cô đơn, trống trải của chị Nguyễn Thị Tấn với một đàn gà chị nuôi mà duy nhất còn một con sống sót, bơ vơ giữa sân vắng. Chị Tấn tâm sự: "Nhà tôi chỉ có một con gà thôi. Tôi thấy nó cô đơn quá, tôi nghĩ sao nó giống mình thế!". Cuộc sống của những người phụ nữ đơn thân được tái hiện qua tâm sự của các chị về con đường

muu sinh, về việc nuôi dạy, chăm sóc con chăm lo cho gia đình... và trên hết là niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống cũng như những khát khao, mơ ước về một tương lai tươi sáng...

VÌ MỘT HẠNH PHÚC THẬT NHỎ NHOI

Chị Trương Thị Minh, sinh năm 1958, thôn Xuân Đồng ly thân sau khi lấy chồng được 4 năm, phải chịu đựng sự tủi nhục từ người chồng cục cằn, bảo thủ. Gia đình chồng khinh miệt vì nhà chị nghèo và còn vu oan cho chị lấy trộm gạo rồi đuổi đi. Bế đứa con út mới 2 tháng tuổi về nhà bố



mẹ đẻ trong nỗi uất hận nhưng lại bị phản đối. Mười một năm sống lang thang, sáu lần di chuyển chỗ ở, cuộc sống cực khổ nhưng khi chứng kiến cảnh một cháu bé 2 tháng tuổi bị bán đi bán lại, không đành lòng chị tìm cách chuộc cháu về nuôi. Chị tâm sự: "Tôi ăn không ngon ngủ không yên, dù khổ đến mấy tôi cũng quyết nuôi cháu. Tôi đi tìm cháu khắp sáu làng, bỏ ra 3 triệu đồng tiền chuộc, đi hết 36.000 đồng tiền đò, mỗi lần đi đò chỉ mất 200 đồng". Cuộc sống của chị nay dần ổn định, cháu Thương đã 13 tuổi, rất chăm ngoan và yêu thương mẹ...

Đó là một trong rất nhiều hoàn cảnh éo le, ngang trái của những người phụ nữ đơn thân xã Tân Minh gặp phải. Từ khi có Luật Bình đẳng giới, nhận thức của cộng đồng đã được thay đổi nhiều, cởi mở, hòa nhập hơn và tạo điều kiện giúp đỡ chị em vươn lên trong cuộc sống. Bên cạnh đó sự hỗ trợ của đại sứ quán Phần Lan, đời sống kinh tế của người phụ nữ "đau khổ" đã có nhiều biến chuyển rõ rệt. Chị Ngô Thị Vân, sinh năm 1958, thôn Sơn Đồng cho biết: "Năm 1996, từ dự án Phần Lan tôi được vay 500.000 đ, lúc đó là quý lắm. Tôi thêm tiền vào mua mấy con lợn về nuôi. Thấy đàn lợn của mình cứ lớn sồ sồ, chị em hỏi mình cách chăn như thế nào, mua cám ở đâu nên tôi đi mua chịu cám rồi về bán lại, sau đó tôi mở đại lý bán thêm gạo và phân bón. Từ đó kinh tế khá lên và tôi mới có được cơ ngơi như thế này"...

Đang được trưng bày tại Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam, và sau đó sẽ đưa đi triển lãm lưu động tại Sóc Sơn. Những tấm ảnh về những người mẹ đơn thân tại một làng quê nghèo ngoại thành Hà Nội, đã ghi lại một phần nhỏ những cảnh ngộ của người phụ nữ nông thôn hôm nay. Rõ ràng, khi nghệ thuật đi vào cuộc sống, thì dù chỉ là "nhiếp dư" thôi, loại hình nhiếp ảnh đã chứng tỏ một hiệu quả nhất định trong việc phản ánh chân thực cuộc sống; và có lẽ, đó cũng là một lời nhắn gửi với các nghệ sĩ cầm máy chuyên nghiệp - Để tài Nông thôn, Nông nghiệp, Nông dân vẫn đang chờ đón họ ở phía trước trong lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật!

TÌM MỘT NIỀM VUI CHO CUỘC SỐNG

LÊ XUÂN ĐỨC

Vào đầu năm 1976 của thế kỷ XX, ngay sau những ngày đất nước hoàn toàn thống nhất, hòa bình lập lại trên Tổ quốc Việt Nam (30/4/1975); có một bức tranh cổ động lớn vẽ Báo Hồ bé một bé gái, trên nền cánh chim hòa bình và bầu trời trong xanh, được đặt trang trọng trên nóc nhà triển lãm ngay ngã tư Tràng Tiền - Đinh Tiên Hoàng và vẫn còn đó cho đến hôm nay. Đó là tác phẩm "Hòa bình - Thống nhất" của họa sĩ Trần Tử Thành, đã trở nên quen thuộc với người dân Hà Nội, cũng như đồng bào trong cả nước, khi về thăm Thủ đô văn hiến...

TRƯỜNG thành từ trong cuộc chiến tranh chống Mỹ ác liệt của dân tộc - những năm 1967 của thế kỷ XX - họa sĩ Trần Tử Thành đã có mặt ở những nơi đầy khó khăn gian khổ: từ Đèo Nặng, Đèo Con, Trường Rọ, Ngã ba Đồng Lộc... và nhất là trên dòng sông La của quê hương Hà Tĩnh 99 ngọn núi Hồng. Vì thế, không phải ngẫu nhiên mà trong những năm qua, đồng nghiệp và công chúng yêu mến đã nghĩ về ông như là một họa sĩ của những dòng sông - với nhiều tác phẩm đẹp về sông nước như *Chiều sông La*, *Bến đò Ngang*, *Nỗi nhớ Ngàn Sâu*, *Mùa giông bão*... với những con người lam lũ trên bến dưới đò và dòng nước trong veo chỗ nặng phù sa. Ấn tượng đầu tiên với người xem về sự thành công ở những tác phẩm này, chính là tâm lòng của ông dành cho quê hương, là khả năng vượt qua sự miêu tả đơn thuần của thể loại phong cảnh để đến với các tác phẩm có tính luận đề, và nhân cách hóa cả con sông, ngọn núi như có hồn người đầy suy nghĩ. *Ký ức dòng sông* là một điển hình về bề mặt, con thuyền cùng cảnh buồm nhòa nhạt; tất cả chỉ là khái niệm, là ước lệ, thăng thốt trôi trên dòng nước mênh mang với núi non, mây trời, bờ bãi. Phải chăng, Trần Tử Thành muốn nói lên một điều gì tựa hồ thân phận của con người trong dòng trôi nghiệt ngã của thời gian? Với tác phẩm *Ngàn Sâu tháng tư*, ông miêu tả dòng nước hung dữ - chẳng còn bầu trời, chẳng còn bến bãi, những mô đất nhỏ nhoi còn lại như niềm thấp thỏm lo âu... Với mạch cảm hứng ấy, với chủ đề quê hương xuyên suốt dòng chảy hội họa của mình; Tử Thành đã tạo nên những ấn tượng khó quên qua *Nắng bờ đê*, *Mưa lá*, *Chớp bể*; với một bút pháp mẫn cảm và khoáng hoạt. Cũng như,

không thể không nói đến loạt tranh được sáng tác nghiêng hẳn về suy tư triết lý, làm cho người xem phải nặng lòng ngẫm ngợi như *Tĩnh vật*, *Đợi chờ*, *Mùa đông*...

Chúng ta thường nói, nghệ thuật như một mạch suối ngầm, chứa đựng biết bao thăng trầm và suy cảm cùng những trải nghiệm của mỗi người nghệ sĩ; là phương tiện tuyệt vời để con người hướng tới cái đẹp. Từ quê hương Hà Tĩnh ra đi, học tập và trưởng thành trên đất nước Thăng Long, Trần Tử Thành đã tập hợp những xúc cảm khác nhau trên nhiều cung bậc đa sắc của nhiều vùng quê, nhiều vùng sông nước khác nhau; để tạo nên một phong cách hội họa riêng cho mình - đó chính là một nét tâm hồn thấm đẫm chất nhân văn, thanh thản, bình tâm của văn hóa xứ Nghệ. Trong tranh ông, từ dấu tích thiên nhiên và mỗi con người bình thường trên khắp mọi miền của Tổ quốc; cho đến các đề tài lớn về chiến tranh cách mạng, đã được Trần Tử Thành ghi nhận và tái hiện với bút pháp sinh động, đa dạng... luôn gợi ra những hướng chuyển động mới, làm phong phú hơn, hoàn thiện hơn phong cách sáng tạo hội họa của ông.

Thời gian cứ thế trôi đi, chớp mắt như bóng câu qua cửa sổ. Từ một gã trai quê xứ Nghệ, Trần Tử Thành đã trở thành một họa sĩ. Trên 30 năm là giảng viên trường Đại học Mỹ thuật công nghiệp - kể cả những năm tháng làm công tác quản lý với tư cách là Phó Hiệu trưởng - ông vẫn chỉ đam mê với hội họa, không ngừng tìm tòi, sáng tạo; không ngừng lao động miệt mài để vẽ và vẽ. Bởi đó chính là hạnh phúc lớn nhất để khẳng định một tư cách công dân, một tư cách nghệ sĩ với những tác phẩm mang lại niềm vui đích thực cho con người và cuộc sống!

LIỆU CÓ HẤP DẪN?

CAO NGỌC

KHAI thác đề tài bi kịch lịch sử dân tộc, lật cát bồng rạt về cái chết thê thảm của cả gia tộc danh nhân Nguyễn Trãi, không phải là cốt chuyện mới trên sân khấu Việt Nam. Trước đây, đã có nhiều vở diễn thành công của nhiều kịch chủng ở nhiều thời kỳ, đã cùng ý tưởng kể về vụ án và những bài học có thể rút ra từ đó. Nhưng lần này, tác giả Lê Chí Trung với góc nhìn mới, nhân văn hơn, như thêm một lý giải nữa cho vụ án Lê Chi viên thảm khốc. Và tác giả đã tìm được người tri âm với mình - NSND, đạo diễn Lê Hùng cùng đạo diễn Bạch Lan - để rồi *Đêm của bóng tối* đã ra mắt công chúng Thủ đô trong dịp đầu năm này... với ý tưởng mang lại một cách nhìn mới, để có thêm sự lý giải, thanh minh cho Nguyễn Thị Lộ; bằng một vở diễn có tiết tấu hiện đại, nhưng lại mang một âm hưởng cổ điển. Các nghệ sĩ đã cảm thông sâu sắc với thân phận nữ nhi của Học sĩ Nguyễn Thị Lộ. Tài, sắc vẹn toàn nhưng bà không thể thoát khỏi bi kịch tang thương của những mưu đồ chính trị. Người tài thường hay đa đoan, lại càng dễ đồng cảm với sự cô đơn của một ông vua trên ngai vàng đang mơ được hưởng những hạnh phúc rất bình thường của một thứ dân, luôn xảy ra mâu thuẫn giữa tình cảm thực với ý thức về vị thế của một thiên tử. Bên cạnh vị vua trẻ trung, thông minh, biết yêu, biết cảm nhận vẻ đẹp nội tâm, về đẹp trí tuệ, những gì Thị Lộ phản kháng đều rất mong manh, như hình tượng con thuyền hình cánh sen nhỏ nhoi, bé bỏng giữa dòng chảy xiết...

Với *Đêm của bóng tối*, tập thể nghệ sĩ Nhà hát Kịch Việt Nam đã trình diễn một vở diễn rất giàu cảnh sắc, đậm dấu ấn của đạo diễn, nhiều trường đoạn hay, những cách diễn khoáng hoạt; cùng với đó là sự thể hiện không gian và thời gian khá độc đáo. Có lẽ trong tình hình hoạt động sân khấu hiện nay, thì sự kết hợp giữa các đạo diễn phía Bắc (Lê Hùng) và phía Nam (Bạch Lan), trong một vở diễn đã tạo ra được những

thành công đáng kể. Nữ đạo diễn Bạch Lan là người con của Nam bộ tập kết, trưởng thành trên mảnh đất miền Bắc, rồi được cử đi học ở Liên xô và là một trong những nữ đạo diễn hiếm hoi thành tài, nay có cơ hội để làm nghề ngay tại mảnh đất đầy ân tình là Thủ đô Hà Nội, đã được các nghệ sĩ Nhà hát Kịch Việt Nam hết sức trân trọng...

Và sự kết hợp ấy cho ra đời một vở diễn hay, giàu tính trí tuệ, rất gần với tiết tấu, phương pháp dàn dựng kịch hiện đại. Sự gai góc, cá tính, cách xử lý đám đông vốn là thế mạnh của NSND Lê Hùng thì nay, kết hợp với nét nữ tính của nữ đạo diễn Bạch Lan khiến vở diễn giàu tính trữ tình hơn, mềm mại hơn. Người xem đặc biệt chú ý đến những dàn cảnh với sự xử lý các dải lụa đủ màu sắc cùng cánh sen với nhiều ý nghĩa. Dù rằng, không phải mọi chi tiết đều đã hoàn hảo, mọi ý tứ đạo diễn đưa vào đã được người xem lĩnh hội hết nhưng khán giả hôm nay cần và xứng đáng được thưởng thức những tác phẩm như vậy. Rất tin vào sự tiếp nhận của khán giả, NSND Lê Hùng kêu gọi, công chúng hãy đến với vở diễn để được thưởng thức một tác phẩm với tư duy, cách thể hiện giàu tính hiện đại. Bởi chỉ cần khán giả đồng cảm và nhận được tín hiệu nghệ thuật, thế là đã hình thành một cảm xúc nhất định, một hiệu quả thẩm mỹ nhất định... Vì sân khấu là thế, muôn đời là sự hấp dẫn của việc trình diễn của con người, của những khoảnh khắc sáng tạo nghệ thuật, thứ nghệ thuật không bao giờ có sự lặp lại.

Một vở diễn ra đời, không thể tránh khỏi những điểm chưa hoàn mỹ, cũng là lẽ bình thường... Và cảm giác lo lắng trong bối cảnh hiện nay - làm thế nào để lớp công chúng với nhu cầu thẩm mỹ chưa cao, chấp nhận được vở diễn - khi mà sân khấu bấy nay đã làm mất đi lớp khán giả này. Bài toán đó thật là khó khăn cho những người sáng tạo sân khấu; đặc biệt lại càng khó hơn với sân khấu phía Bắc, khi người ta ngày càng ít có nhu cầu đến với rạp hát.

(Tiếp theo trang 1)

lính cho đầu đó, thì lại công khai và ưu tiên số một. Mà thực ra, việc tuyển đi giết thuê cũng không khó và tiền công cũng không phải đầu bảng. Đầu bảng là đi tù thuê theo đơn đặt hàng bí mật của những quan chức cao cấp, những nghệ sĩ nổi tiếng, cầu thủ nổi tiếng, tóm lại là của những kẻ thật nhiều tiền. Chính thằng Hoàng hôm gặp lại Cường trong trại tị nạn, nói chuyện được vài câu đã chép miệng: "Em vừa trượt một cú đi tù thuê, tiếc quá!".

- Thế công việc này cụ thể thế nào? Ông cứ nói thẳng xem chúng tôi có làm được không.

- Tất nhiên là nói thẳng chứ. Ở nước chúng tôi, cái gì cũng nói thẳng. (Gã người Việt béo tốt phát biểu tự nhiên như chính gã là người Đức trăm phần trăm). Vâng, cái gì cũng nói thẳng. Và mọi người nhận việc hoàn toàn tự nguyện, với những điều khoản.

- Vâng, tôi hiểu. (Bố khỉ! Vấn đề là hoàn cảnh buộc người ta phải tự nguyện, còn chúng mày bao giờ cũng có lợi.- Cường chửi thầm).

- Tức là thế này. Có một nhà máy điện nguyên tử loại nhỏ, vừa đem qua bị rò rỉ. Lỗi đi bị sập làm kẹt rôbốt vào chữa. Camera cho thấy nó chưa bị bê tông đê. Nếu nó biết bò, nó vẫn có thể tiến lên. Hoặc nếu nó đuợc thăng được hai tay như người thường, thì có thể kéo nó ra dễ dàng. Vâng, việc của anh là cắt rời thân và hai cánh tay của rôbốt để có thể kéo ra được, sau đó anh rút theo đường cũ. Nhà máy sẽ điều một rôbốt khác, loại mềm mại và nhỏ hơn, vào làm nốt các phần việc còn lại. Quan trọng là các việc đều phải tiến hành nhẹ nhàng, không gây chấn động đến các cấu kiện khác. Anh có làm được không?

- Thế sao phải cần hai người?

- Anh ta phải giúp anh dòng dây điện và các việc phụ khác. Nhất là để phòng anh bị ngắt thì đưa anh ra, giải phóng đường.

Một phút im lặng. Cường quay sang cậu trai con nhà chiều:

- Thế nào, chơi chứ?

- Chơi! - Đôi mắt Hoàng lóe lên, hệt như đêm qua, lúc tâm sự với Cường: "Em phải tính cách gì thoát khỏi đây thôi. Đã có tới ba bọn dọa giết em rồi"...

Kỷ xong, hai anh em lặng lẽ đi theo tay đại diện của SAD. Qua đoạn có hàng rào thép gai, họ giờ tay chào những người cùng cảnh vẫn còn đang ghen tỵ. Rồi họ ra khỏi trại, ngồi vào chiếc Volkswagen có hai gã mặt sắt đang đợi, phóng về phía tây. Đến một cơ sở của nhà máy, họ được một chuyên gia hướng dẫn tỉ mỉ trước màn hình và cho thao tác thử. Rồi một chiếc ô tô không người lái chở họ chạy trên con đường lát gạch nghiêng làm từ thời Hitler, dài khoảng 10kilômét, không một bóng người. Nó dừng lại ở trạm kiểm soát do một rôbốt phụ trách. "Kính chào các quý ngài! - rôbốt cất giọng trầm đục- Xin mời các quý ngài xuống xe và đi theo tôi". Nó dẫn hai anh em vào một ngăn chứa đồ và cấp cho hai anh em mỗi người một bộ quần áo bảo hộ chuyên dụng. "Từ đây các ngài hãy ngồi lên chiếc xe goòng tự động này, bấm nút xanh bước mặt, nó sẽ đưa các ngài chạy thẳng đến lối xuống lò, có sự cố. Xin chào!" Khi rôbốt thường trực quay đi, Cường kéo Hoàng dừng lại bên chiếc xe goòng:

- Này, tớ bảo. Bây giờ cậu cứ ngồi đây. Minh tớ cũng xong. Cậu còn trẻ, còn khỏe...Tớ thì cậu biết đấy, đằng nào cũng ra bã rồi...

Hoàng lúc này đang mặt cắt không còn giọt máu. Hai bốn tuổi, anh chàng muốn sống lắm chứ. Mà thân tàn ma dại thì sống làm quái gì. Nhưng quyết định xong mới có thể nhìn kỹ lại tất cả. Nhìn kỹ lại được tất cả thì hợp đồng đã ký rồi. Thực ra phải tới lúc ngồi vào chiếc ô tô không người lái, Hoàng mới thấy được trọn vẹn sự nguy hiểm của công việc béo bở này.

Hoàng lắp bắp:

- Thế ...thế nhờ ...anh bị xỉu thì sao?

- Đành vậy. Vấn đề là phải xong việc. Nếu đã xỉu thì lòi được ra ngoài cũng bằng thừa... Cậu phải ráng đòi cho được cả hai suất nhập cư Úc. Suất của tớ thì bắt nó tính ra tiền trả mình, bẻ đôi mỗi thằng một nửa. Nhập cư Úc rẻ nhất nhưng cũng khá đấy. Không được vậy thì chuyển cho thằng nào đông con. Tiền của tớ gửi cho thằng Nam bạn tớ, địa chỉ trong túi ngực tớ... hoặc trong cuốn sổ bìa nâu trong vali tớ ở trại.

Cường nói xong, đưa tay bóp vai Hoàng một cái, như ngày xưa lúc tạm biệt những người bạn thân. Anh lên chiếc xe goòng rồi, Hoàng vẫn còn đứng ngơ ra như tượng gỗ. Anh nhìn lại Hoàng một lần nữa và bấm nút. Chiếc xe goòng từ từ lăn bánh rồi tăng tốc.

Mặt vị cán bộ tổ chức nhạt đi:

- Được, anh cứ để hồ sơ đây... Có gì tôi sẽ báo.

Lần thứ hai như thế, anh hiểu ra vấn đề.

Tiến cười ngật nghẻo một lúc rồi nói:

- Mày nên nhớ rằng nhiều nơi, tao có thể nói rằng rất

nhiều nơi, chúng nó làm lắm việc ma bùa. Không ma bùa thì giàu lớn thế chó nào được! Bởi vậy chúng nó chẳng muốn thăng nào chỗ mất vào. Loại mình là chúng nó ngại. Nhất là thấy mày cứ lừ lừ lý lý. Lý lịch lại sáng ngời, chẳng có tí phốt nào cả. Tốt nhất là cứ để ông ngồi ở ngoài cho khỏe. Dính vào ông chẳng những không được gì có khi còn ra tốp cả lũ. Vậy nên mày đừng buồn. Để nhẩn nha tao sẽ tìm chỗ xin cho mày. Chỗ nào phải chi "đếm" thì chắc chắn nhất. Chỉ cần có thăng tin được, nhận lo việc đó. Xong việc xong ngay. Nó đứng giữa bảo đảm với bọn kia và với mình. Chứ cứ hứa hẹn vu vơ, quà cáp vớ vẩn, có mà đến mùa quý! Mày đừng vội trộn mắt lên với tao. Dĩ nhiên là có ối chỗ nghiêm chỉnh, ối chỗ có những tay lãnh đạo như thằng Nam, như mày. Nhưng mà số mình chưa được gặp. Nghĩ ngợi làm quái gì!

Cũng may, Tiến chưa cần phải "tham chiến", Cường đã được nhận vào một nhà máy gần nhà. Thật ra, nếu anh không vì mẹ già, cứ theo nhà máy cũ chuyển lên Đa Phúc thì đâu đến nỗi. Rồi anh lấy vợ. Muộn màng, nhưng thật là những ngày hạnh phúc. Cho đến khi, cái họa bất nguồn từ mười hai năm trước đó, hiện nguyên hình.

Mùa đông năm 74. Ba thằng hành quân qua một khu rừng hoang vắng. Nom là lạ chúng mày nhỉ? Vẫn có tiếng

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Truyện ngắn của
TRẦN DŨNG



LTS: Trong khi cả thế giới còn chưa hết bàng hoàng về những thảm họa vừa liên tiếp xảy ra tại đất nước Nhật Bản, thì ngay vào sáng ngày 1/4 vừa qua, tại Lèn Cờ thuộc xóm Hợp Thành, xã Nam Thành huyện Yên Thành tỉnh Nghệ An đã xảy ra vụ sập mỏ đá khiến hơn 40 người đang làm việc tại đây bị vùi lấp, gần nửa trong số đó đã tử vong. Có gia đình có tới 6 người bị chết và vùi lấp, có gia đình cả 3 mẹ con đều là nạn nhân của tai nạn thương tâm này...

Thiệt hại do tai nạn xảy ra tại mỏ đá Lèn Cờ có thể là rất nhỏ nhoi so với những thảm họa vừa diễn ra trên thế giới, song với riêng mỗi gia đình, thì không hề là bé nhỏ. Chia sẻ nỗi đau và sự mất mát này, Nhà văn Trần Dũng sau khi được tin truyện ngắn Những người đàn ông của mình sẽ được in trên báo Văn Nghệ, đã gọi điện về tòa soạn nhờ chuyển số tiền nhuận bút của mình đến để giúp đỡ phần nào cho gia đình các nạn nhân của vụ tai nạn nói trên

Chia sẻ tấm lòng của nhà văn Trần Dũng, tuần báo Văn Nghệ sẽ trả nhuận bút đặc biệt cho truyện ngắn Những người đàn ông trong số báo này và chuyển đến gia đình các nạn nhân ở Yên Thành, theo nguyện vọng của nhà văn.

chim, tiếng động của rừng, tiếng rì rào của gió, màu xanh của cây cỏ...Vây mà sao...Đúng thế...Có một cái gì đó...Bản năng tự vệ bất giác làm khẩu AK của Cường bật mũi về phía trước. Tiến và Nam cũng lập tức làm theo. Ba thân hình cùng khom-khom. Ba cái đầu cùng từ từ quay sang ba hướng. Sáu con mắt cùng quét nhanh lên các bụi cây, tán cây...Chà có quái gì đâu! Ba giọng cười cùng cất lên. Giọng sáng khoái to vang là của Tiến. Nhỏ là của Nam. Khùng khục nơi cổ là của Cường. Họ ngả balô xuống. Còn cái gì ăn nốt đi chúng mày! Sắp đến điểm tập kết. Thức ăn cạn kiệt cả. Họ trệu trạo nhai những mẩu lương khô cuối cùng. Ngà lưng tí chữ chúng mày? Có tiếng động nhẹ. Tai Cường lại vểnh lên. A, con thỏ. Đã thấy Tiến rút dao ra. Tiến phi dao giỏi nhất bọn. Nghĩ thế nào, Tiến lại vớ nhanh hòn đá, ném vụt một cái. Hòn đá bay sượt trên lưng con thỏ. Ấy vậy mà nó không vọt đi như những con thỏ khác trong trường hợp tương tự. Nó hoàn toàn không biết rằng vừa hút chết, vẩn đi chuyển chậm chạp, gần như chỉ nhảy nhẩy bằng hai chân sau, giống con kangguru. Cà nhắc, cà nhắc. Một chân trước nó buồng thồng. Tiến vọt mấy bước đến sát nó. Nó vẫn không chạy. Thỏ gì mà chậm như rùa thế này! Khi tùm được nó rồi, mới biết chân trước nó bị tốp, hầu như chỉ có da và lông, nom xa tưởng bình thường. Nam bảo: "Thôi, tha cho nó!" Tiến kêu:

- Tha là thế nào! Hai ba ngày chưa có chất tươi, của trời cho đến tận miệng mà bỏ còn sĩ!

Khi con thỏ thọt đã thơm nức, Nam vẫn không muốn

ăn. Cái chính là tự nhiên anh thấy buồn nôn. Cường và Tiến thì nhaoáng cái đã hết nhẩn. Ngủ dậy lại gặp một con thỏ nữa. Cũng lơ lơ như người thần kinh. Nhìn kỹ thấy một chi trước cũng buồng thồng. Chả ai còn ý định muốn bắt. Đến chiều gặp một con cáo cũng với điều bộ mù mờ như thế, nhưng không nhảy nhẩy giống con kangguru mà ngồi thu lu giữa một vũng nước, đầu lắc la lắc lư, thì ba anh em đều thất kinh. Và khi gặp một cụ già duy nhất còn lại trong một bản hoang thì sự thất kinh lên đến tột độ. Cụ già hấp háy đôi mắt đã mờ:

- Bộ đội à, thuốc độc của thằng Mỹ đấy. Bản này mấy năm trước trù phú lắm bộ đội à. Rồi sau thấy cá ở suối mọc mụn. Rồi trẻ con cũng mọc mụn như con cá. Mụn từng chùm, chi chít như quả sung quanh mắt quanh mồm...Cán bộ y tế người Bắc như các bộ đội lợi ngược xuôi ba ngày thì phát hiện được một bình thuốc độc từ máy bay ném xuống. Cán bộ y tế nói rằng cũng may thùng thuốc độc còn ít. Nó thả xuống nơi khác gần hết rồi mà. Trên đường ra biển nó vút bừa xuống đây thôi. Nó nằm dưới đó lâu rồi, vỏ thùng bọc nó mới ra ngoài được mà nó vẫn còn ác thế đấy bộ đội à...Đến giờ thì nhiều con cá nom như con cóc. Con cóc xuống nước sống như con cá. Con thỏ con cáo thì như vậy. Con hươu con nai cũng bỏ đi. Dân bản thì bỏ đi lâu rồi...

- Thế sao cụ còn ở đây ạ? - Nam hỏi.

Nước mắt cụ già lại tràn ra nhiều hơn:

- Tôi mới về hôm qua thôi...Tôi biết mình sắp chết nên tìm về bản cũ thôi mà...Tôi cũng chưa được gọi là cụ đâu. Chắc tôi chỉ hơn tuổi bộ đội một chút thôi mà...Hai chân Nam muốn khuyu xuống. Tiến và Cường thì từ lúc đang nghe dở chuyện đã chạy vội ra gốc cây, móc cổ để nôn, nhưng toàn nôn ra nước. Chiếc dạ dày thiếu đói đã ngốn ngấu tất cả rồi...

Việc này còn ám ảnh ba người một thời gian dài nữa, cả khi họ đã cùng trở về với đời thường. Rồi cũng qua đi. Tiến đã dần có một cửa hàng bơm vá lốp khá bề thế ở đường 5. Nam tiếp tục học nốt sư phạm theo nghề của bố. Cường thì như vậy. Một lần gặp Cường, Tiến cười hờ hờ. Ông đỡ hơi đi! Hòa bình lâu rồi. Chiến tranh đã lùi xa rồi. Ông cứ đâm đâm chiêu chiêu làm gì cho nó phí của giờ. Cứ chơi vung lên. Ít tiền chứ gì? Nhiều chơi kiểu nhiều, ít chơi kiểu ít. Cái chính là phải chuyển hóa từ trong đầu. Mà phải biết ăn biết chơi thì mới biết làm ra tiền chứ! Nom tớ đây này...

Cường, Nam biết rõ Tiến từ lâu lao vào kiếm tiền và to mồm vậy, chứ thực ra, trong đời sống, Tiến vẫn luôn coi chữ tình chữ nghĩa làm trọng, và ở nhà, Tiến thật sự là một người bố nghiêm chỉnh. Có điều, đúng như Tiến nói, Tiến thích thỉnh thoảng chơi bởi chút đỉnh cho nó phong phú, hoặc là bổ túc kiến thức cho nó khỏi lạc hậu với thời cuộc. Rồi dừng một cái, Tiến gọi điện về trường Nam. Tiến gào lên: "Nam ơi, con tao... con tao...". Tiến nức nở mãi mới nói rõ được rằng đứa con

gái bảy tuổi của Tiến ngày càng kém ăn kém ngủ, học trước quên sau. Mắt vẫn sáng nhưng nhìn mọi vật mờ dần...Và cánh tay nó đang tóp lại..."Nam ơi, chỉ có mấy ngày mà bệnh nó phát triển khủng khiếp...Trời ơi, Nam ơi...Nó giờ gần như con thỏ ngày xưa rồi mà đi...Hu hu!...Thà mình chết cha nó từ ngày ấy có phải là hơn không mà đi...Mà vợ tao lại đang có mang gần tám tháng rồi mà đi..."

Một tháng rưỡi sau, đứa con thứ hai của Tiến ra đời. Đứa này không được may mắn bằng chị, không được sống hơn bảy năm trên đời như một con dế vô tư. Nó khóc ngằn ngặt. Và một tay của nó, để ra đã quăn queo bé tí như một con giun.

Tiến đã thét to khi nhìn thấy con, mồm thở ra một đồng huyết rồi chết ngay.

Cường nghe tin dữ, lão đảo về nhà như người mất hồn. Tháng trước, anh chưa dám nói với vợ về đứa con đầu của Tiến, chỉ lóc cóc cùng Nam đạp xe sang Gia Lâm thăm gia đình bạn. Hôm đó, trong một thoáng, anh trông rõ một con quỷ con, đầu trọc lóc, thân mình như đứa trẻ bị bầm ba tuổi, nhưng răng thì nhọn hoắt và đôi mắt thì như đôi mắt của một lão già hiểm độc. Nó cười khàn khàn nhìn anh rồi cất giọng the thé: "May nhé! may mà vợ chồng mày tịt đường con cái nhé!". Anh lắc mạnh đầu. Áo giáp quái đản tan biến. Nhưng cũng ngay lúc đó, anh ý thức được trọn vẹn rằng, anh vẫn là người may mắn; bởi bất hạnh chỉ hết đời anh là chấm dứt! Ôi chào! Anh muốn khóc quá! Quả là nếu biết rõ mình đã nhiễm chất độc màu da cam, rằng con mình sẽ phải tật nguyền, thành nửa người nửa thú, và rằng cái tai họa kinh khủng đó sẽ di truyền chưa biết đến đời nào và biến hóa tới mức nào, thì hầu hết những đồng đội của anh sẽ quỷ xuống xin Trời ban cho mình sự vô sinh! Ở hồ, ân huệ nằm trong chính cái điều bấy lâu vợ chồng anh cay đắng nhất mà chưa dám thừa nhận.

Con quỷ con anh trông thấy thẳng trước chột hiện ra. Nó bảy giờ đã mọc thêm hai cái sừng và cánh tay thoát phồng to rồi thun thút nhỏ lại thành một con rắn xe điều dài ngoẵng, vươn đầu định mổ vào mặt anh. Anh điên tiết giương AK nổ một băng. Nó biến mất rồi hóa thành trăm nghìn con quỷ khác, đủ mọi hình hài, cười khàn khàn và nhảy như chơi chơi trên các cành cây mới hồi sinh. Nhưng tất cả vẫn chỉ là ảo giác. Cường cũng chẳng còn súng đầu mà nổ. Anh lão đảo, anh thất thểu bước đi đúng như người mất hồn. Trời ơi, nếu là đang một mình ở giữa rừng, anh sẽ lăn ngay ra đất mà gào lên mất!...

Anh lang thang hơn hai tiếng đồng hồ trên các phố. Rồi anh thấy mình đã bước vào nhà. Vợ anh đón đả ra đón anh, điệu mã hầu như chưa lần nào diễn ra trong căn hộ hiếm tiếng cười này. "Sao hôm nay anh về muộn thế anh?" Chị chột nhùi mây nhìn về mặt anh, song gương mặt chị vẫn không giảm mấy sự tươi sáng mà nếu là lúc trước, anh sẽ đoán ngay được nguyên cơ. Đúng vậy, chị đang chờ anh về để khoe rằng chị đã có thai. Chị đã đi thử đến lần thứ hai chục rồi, hôm nay hạnh phúc mới mỉm cười với chị. Trời Phật đã nghe thấu những lời nguyện cầu trên cả mức thành tâm tha thiết của chị! Ôi, chị đã tưởng đời này kiếp này vợ chồng chị sẽ không có được cái hạnh phúc giản dị mà vô cùng trọng đại đó. Chị, một trung đội trưởng thanh niên xung phong chống Mỹ, chị luôn là người chịu đựng nhiều nhất những vất vả, những đắng cay, những thiệt thòi mà chị em trong đơn vị chị phải chịu. Và chị đã trở về. Vinh quang trở về. Rồi những ngày dài ngóng đợi. Rồi lo...Không ít lần chị thấy lại cảnh một chiều 30 Tết, chợ Giầm - cái chợ từ lâu đã không còn- mẹ chị cun cút đi đằng trước, càng lúc càng như chạy...Chiều muộn rồi mà mẹ vẫn chưa mua được gì...Mãi mẹ mới chọn được một con gà như ý - chỉ gần một cân, mào tím tái...Mẹ nghèo, con đông...Thằng em chị ngày đó còn bé dại, nó cứ hỏi đi hỏi lại từ mấy hôm trước: "Mẹ ơi, nhà người ta làm Tết, nhà mình không làm Tết hả mẹ?"...Rồi giữa muôn người, chị đã "chấm" anh. Thật mừng, trong chị không có chút nào sự tặc lười, sự "cho xong"...Mà chị rạo rực, mà chị trẻ trung hẳn ra, duyên dáng hẳn ra. Chị dò hỏi về anh và thấy thật là tương xứng, thật là định mệnh...Nhưng anh vẫn chỉ chui chúi đi ngược chiều với chị trên vỉa hè, chẳng dám liếc nhìn...Chị đi đến một quyết định táo bạo. Lần đó, anh vẫn chui chúi đến gần. Sẽ lại như bao lần lướt qua đôi mắt đẹp nhưng đuôi đã nhiều nếp nhăn của chị...Nhưng mà từ nay thì thôi nhá. Chị thoáng mỉm cười tinh nghịch, rồi nhanh nhẹn như hồi xưa, đá chân phải vào chân trái mình, ngã sòng soài. Không ngờ cú ngã lại thật sự. Chị vấp cằm xuống hè, mặt mũi tối sầm. Anh chạy vội tới đỡ chị. Ba tháng sau thì hai người làm lễ cưới. Chị định chẳng bao giờ nói ra, nhưng lúc Tiến trêu rằng cô này ngã sao mà đúng lúc thế, thì chị thẹn đỏ mặt, rồi vừa cười vừa làm về đánh đá: "Vâng, tôi thấy bạn anh đẹp trai học giỏi con nhà giàu quá, nên tôi mới phải ngã vỡ ngã đấy!". Dẫu đùa, nhưng nói ra được câu ấy, chị thoải mái hơn hẳn. Cả đời chị đã đối trá lần nào đâu! Anh cũng vậy, nên

sau khi chị khoe tin mừng, cái ý nghĩ xót xa chợt đến rằng thôi đành phải tìm thuốc phá thai, rồi bí mật cho cô ấy uống, tan ngay trong đầu anh. Anh kể nghe ngào...Mắt chị mở tròn. Rồi cái gương mặt xương xương vàng vàng của chị méo xệch đi. Chị khóc òa lên, vừa khóc vừa hét: "Không! Không!...". Chị kinh hoàng trước cái thực tế tàn khốc song không thể tin rằng mình phải chịu như vậy. Mình đã cực khổ quá nhiều rồi mà! Còn đâu là lẽ công bằng, là Trời có mắt, là thuyết bù trừ, là ở hiền gặp lành! Chị hét lên lần nữa còn to hơn trước rồi vỗ vào anh. Anh hoàn toàn không ngờ được cảnh này, nhưng không có một phản ứng nhỏ nào. Bởi anh đã như hóa đá. Bởi lòng anh lúc này như đã chết hẳn rồi. Đau đớn đã làm anh tê dại và dường như chỉ có trách nhiệm và lòng căm thù bảo anh phải nói, phải bàn. Ngay với chị, như ngày xưa bàn về một phương án, một lối thoát ít thương vong nhất, ít đau đớn nhất. Nhưng anh quên mất rằng giờ chị đâu chỉ là người đồng đội, đồng chí của anh; chị đâu chỉ có bằng ấy chức năng, nhiệm vụ! Chị, người vợ thân yêu đã nhiều tuổi của anh, giờ đây là một người khác hẳn, khác hẳn ngay cả với lúc sáng, khi chưa biết rằng mình đã được mang thai...Vài giây sau anh sực tỉnh thì đã muộn. Anh nhào theo người vợ vừa phóng ra ngoài đường...

Anh lái xe tải quỹ mọp trước anh xin anh thương tình tha tội. Nước mắt chảy tràn trên mặt, anh ôm xác người vợ khốn khổ, mếu máo khóc không thành tiếng. Anh còn muốn bảo với người lái xe cũng trạc tuổi anh rằng: "Thằng Mỹ!...Tất cả là tại thằng Mỹ!..."

Cường nằm liệt hơn một tuần liền. Minh Nam đóng vai chính chạy lo cả đám ma của vợ Cường và Tiến. Khi Cường gượng dậy được, Nam đeo Cường gần hai chục cây số sang nhà Tiến. Họ dứt khoát không cho đưa vợ Tiến vào bệnh viện tâm thần. Họ quyết định sẽ bán cơ sở bươm và lớp của Tiến ở đường 5, bán cả căn nhà trong ngõ của Cường, kéo tất về chỗ Nam. Cạnh nhà Nam có hai mảnh đất người ta để lại với giá rẻ. Cường chỉ còn hai mẹ con. Nhà Tiến cũng chỉ còn hai mẹ con. Đứa thứ hai khóc ngằn ngặt vài giờ thì chết. Đứa đầu mới hôm nào còn chạy ra khoe với bác Cường bác Nam điểm mười điểm chín, giờ gần như cả ngày lẫn đêm im lặng như cái bóng trên giường. Mẹ già của Cường thì từ lâu rồi chỉ có thể ở được với Cường. Người anh cả quá đông con và quá sợ vợ. Cô em gái công nhân xí nghiệp may về mất sức, sống chật vật, năm nào ăn Tết xong cũng lại bắt đầu dành dụm túng hờn bỏ ống để cuối năm mua sắm về Tết mẹ đẻ, mẹ chồng...Cũng chỉ được con gà chai rượu hộp mứt, chứ chẳng có gì nhiều...

Cái liên gia ba nhà đó lặng lẽ tồn tại suốt năm 1987. Vết thương nào rồi cũng thành sẹo. Có điều Cường đã quên hẳn cách cười. Anh lăm lăm đạp chiếc xe Thống Nhất đi làm. Một bữa, ăn và vạ vật ở nhà máy hoặc nhìn hẳn mà không thấy đối. Một bữa về ăn cơm với mọi người. Hai đứa con Nam thấy bác Cường buồn, không bao giờ nói tới khi bác ở nhà. Và lại, chúng cũng quen học tập miệt mài trong im lặng, khi đã xong việc giúp bố mẹ nhà cửa, lợn gà.

Đây cũng là thời kỳ nhà máy Cường thiếu việc làm trầm trọng. Sản phẩm không bán được. Bây giờ nếu ai xung phong nghỉ hưu non, nghỉ mất sức, coi như một nghĩa cử...Có cái gì gần giống như trên một con thuyền sắp cạn thức ăn lênh đênh giữa biển khơi...Lại những người đàn ông trách nhiệm nhất, bản lĩnh nhất, tình nguyện rời thuyền. Cho nên, là người tự trọng và ý thức được mọi điều, lẽ ra Cường không để ai phải nhắc. Tiếc thay, giờ chiếc xe nặng nề này, anh và Nam phải kéo là chính. Những hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức, đầu sao chỉ là hỗ trợ.Mà các anh vốn cũng không thích tính đến khoản này, nhất là Nam, từ nhỏ đã sống trong tinh thần khắc kỷ và "bất cầu nhân". Vợ Tiến thì khi nào lại người cũng chỉ có thể đảm nhiệm một hàng nước nho nhỏ. Bởi vậy anh phải chờ đợi, chờ đợi một dịp "rời thuyền" hiệu quả nhất. Đó là một đợt xuất khẩu lao động.

Song, ở Đức một thời gian, Cường nhận ra mơ ước kiếm được nhiều tiền một cách hoàn toàn chính đáng, thật viễn vông. Ngay cái được coi là chính đáng nhất - mua những thứ người ta bày đầy cửa hàng để tích góp đóng hòm gửi về nước bán - cũng bị dân Đức coi là xấu. Có một đốc công thành thật hỏi: "Sao trong tivi tao thấy ở nước chúng mày nhiều thứ thế mà chúng mày còn mua?". Quả là ông ta đã không hiểu một điều quá đơn giản!...Nhưng mua được hàng cần đâu có dễ. Cứ nghe nói chỗ nào bán những thứ có thể bán được là đi. Mới đầu là đi trong hào hức. Sau là đi trong tủi nhục, đi trong xót xa. Cứ xuống tàu là lại cặm cặm đi rất nhanh đến các điểm như đã định sẵn. Ở Đông Đức, thị trấn nào cũng có bằng ấy công sở, bằng ấy cửa hàng. Hàng ăn, hàng công nghệ, hàng giấy dép, hàng quần áo, hàng đồ cũ...Hàng đồ cũ (A&V - Bán và Mua) là nơi bọn anh hay đến nhất. Bọn anh lướt qua các gian hàng. Hẳn hữu mới dừng lại mua một thứ gì đó, rồi lại cặm cặm đi. Không biết từ lúc nào, bọn anh hầu như đều có một

dáng đi chung như thế, đầu chùng chúc, như cố định, mắt cũng hầu như chỉ nhìn chéo xuống các mặt hàng...Có những ngày đông lạnh giá. Tuyết trắng mênh mông. Đi cả ngày không mua được một thứ gì...Cứ thế, cứ thế, hết những con kiến tha mồi, khi nào đầy những paket và thùng gỗ tiêu chuẩn... Đó là những ngày vui nhất. Nhưng cũng là bước vào những ngày lo âu vất vả nhất. Đối kháng, luồn lọt, mưu mẹo, gian dối...Cường sang đúng mười một tháng mới mua được một chiếc Simson bốn số. Cuốn giấy để đầy vì phải đợi một năm mới được gửi thùng hàng.

Càng ngày anh càng thấy chóng mặt mỗi. Mắt nhiều lúc mờ đi. "Nó bắt đầu tác quái đây!"...Anh nhắm tính lúc được đóng thùng vẫn chưa đủ, lại phải cho những thùng có của chở ké để lấy ít tiền. Số lại không may: năm paket (thùng cactong tối đa hai mươi kg, hai tháng được gửi một lần) của anh lại bị trả một, thu một. Nào có hàng gì ghê gớm cho cam. Họ soi đúng loạt hàng có paket của anh. Chỉ hai máy cạo râu hoặc sáu hộp cacao là đủ bị gạt lại rồi.

Tình hình chung còn xấu đi nhanh hơn. Sự khinh miệt không còn chỉ ở trong cái nhìn của một số người. Những tiếng Fischi hàm chỉ bọn man rợ, hạ đẳng, nhiều lúc vang lên một cách công khai trên ôtô buýt, trong quán ăn...làm nhiều người Việt Nam không chịu nổi. Ở Pankow, một lũ đầu trọc rượt đuổi ba người lao động Việt Nam qua mấy dãy phố mà không cảnh sát nào can thiệp. Ở Dimitrofstrafe, hai cô gái thấp nhỏ người Việt bị toàn thanh niên Đức bắt dạy cao lớn nhắc lên cho giấy giũa một lúc, rồi ném qua hàng rào...

Rồi nhà máy của bọn anh chuẩn bị giải thể. Rồi chính quyền của Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức đổ sập từng khối lớn. Và từng mảng trí thức, công nhân lành nghề, mới đầu là ngành Y, sau thì đủ mặt, ùn ùn kéo sang phía Tây... Hơn sáu vạn công nhân Việt Nam, thấy đều lo lắng, nhất là những người mới sang hoặc chưa kiếm được bao nhiêu mà nợ ở nhà vẫn không ngừng phát triển. Đội Cường quá nửa bỏ đi. Mới đầu còn chui lủi, sau gần như công khai. Mới đầu còn vượt tường, sau chỉ cần nhập vào đoàn người sang thăm rồi ở lại luôn. Cảnh sát Tây Đức dồn tất cả những người ở lại không hợp pháp vào các trại tị nạn. Ai có người thân đến đón thì được tạm ra. Quan trọng là người thân phải có tài sản kha khá và một nguồn thu nhập đều đặn. Khối người không biết điều này, cứ tưởng có cô đi chú bác quốc tịch Tây Đức là xong.

Cường ra đi sau lần bị ngắt ngay nơi làm việc. Anh cảm thấy rất rõ cái ngày cuối cùng của mình đang đến gần. Anh nhặt nhanh thu dọn tất cả các thứ của mình, gửi về rồi ra đi. Khi cái tin về sự bồi thường cho những hợp đồng bị kết thúc trước thời hạn được công bố, anh đã nằm trong trại tị nạn.

Đêm đó, anh lại thức trắng. Và gối đầm nước mắt.

Chiếc xe goòng dừng lại trước miệng một đường hầm sâu hun hút và tối. Cường xuống xe, dò dẫm bước vào. Đi được một quãng anh mới nhớ là có đèn pin. Qua hai khúc ngoặt, anh đã nhìn thấy một người máy nằm thẳng cẳng chỗ đường hầm bị sạt lở. Một cảm giác quen thuộc từ ngày nào thoát xuất hiện trong anh. Anh cũng đồng thời cảm thấy đó không phải là cái máy. Bất giác anh hỏi to: "Thế nào, bạn bị làm sao?".

Tiếng trả lời trầm đục của rôbốt làm anh lạnh xương sống: "Thưa-ông. Tôi-không-làm-sao. Tôi-chỉ-không-thể-tiến-hoặc-lùi".

Từ lúc vào đường hầm, những hình ảnh buồn bã thoi lướt nhanh trước mắt. Anh hoàn toàn tập trung vào công việc. Anh từ từ bỏ đến quan sát thật kỹ, mắt đảo nhìn những chỗ khác. Anh không tin những camera đặt quanh đây quan sát được hết. Nhưng quả là chúng đã nhìn thấy tất cả những gì mắt thường nhìn thấy: Thực tế đúng y như trên màn hình. Cường lại nói, lúc này là nói cho đỡ trống trải: "Bây giờ tôi sẽ ngắt công tắc của bạn, rồi buộc phải của đôi bạn ra...". Người máy đáp lại vẫn theo kiểu cũ và bằng một âm sắc không đổi khiến anh thấy vừa hài hước vừa tội nghiệp: "Bittor (Bitte: Xin mời). Xin-quý-ông-cứ-làm-theo-phân-sự". Anh chợt hình dung thấy cảnh mình nằm gục ở đây và một người máy đến túm lấy anh lôi ra như lôi một cái xác. Mà cũng có khi nó chỉ cần bập một cái móc vào thân thể vẫn còn biết đau của anh rồi bấm nút cho tới kéo. Nhưng cũng chẳng cần cầu kỳ đến mức ấy đâu mà! Cường hơi nhếch mép nghĩ vậy và những hình ảnh lại lướt qua trước mắt anh. Anh nhìn thấy một thằng người máy vạm vỡ phẩm phẩm đi đến. Đằng sau là thằng Hoàng vừa chạy theo vừa khóc lóc van xin. Nhưng thằng người máy vạm vỡ đã được lập trình. Nó cứ phẩm phẩm bước đến, giẫm lên Cường, túm lấy thằng người máy đã được cưa ra và kéo lui. Rồi nó tiếp tục đi làm công việc. Làm xong nó lại phẩm phẩm trở lui. Và nếu độ nhêm xạ không giảm xuống thì những chiếc phi cơ được bảo vệ sẽ nối đuôi nhau bay tới trút ximăng như ở Trécnôbun năm nào...Ôi chào, đời ai mà chả phải chết. Chỉ cầu

(Xem tiếp trang 22)

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN ÔNG

(Tiếp theo trang 21)

sao công minh đứng thành công cốc thôi. Cũng may mình đã để thằng Hoàng ở ngoài, chứ không thì lấy ai mà cãi nhau với bọn nó!

Cường lách tay theo lưng người máy tìm công tắc. Anh thoáng có ý nghĩ cái tầng bê tông ở trên tự nhiên hạ xuống một tí, chẹn cứng cánh tay anh. Ồi chà, cần quái gì!... Anh đã gạt được công tắc. Không thể nhìn thấy đèn báo, anh thử bằng cách cất tiếng hỏi: "Thế nào, người anh em?". Im lặng. Chắc là được rồi. Anh hỏi thêm, vẫn bằng tiếng Đức: "Rôbôt, bạn tên là gì?". Vẫn yên lặng. Được lắm! Tiếng nói ở máy chỉ huy trong mũ cũng phát ra: "Tốt rồi đấy. Bắt đầu làm đi!". Cường đưa cái máy cưa vào ngang người rôbôt. Nhoáng cái nó đã chạm đến phần "xương sống". Tiếng lưỡi cưa rít to hơn. Chỉ mấy giây, thằng rôbôt đã bị cắt ra làm đôi. Anh lay thử để biết phần dưới rôbôt đã hoàn toàn tự do. Còn hai cánh tay nữa. Cánh tay phải khó hơn. Nó bị kẹt hẳn hoi, cắt dễ gây động chạm lắm. Bỗng anh thấy như bị hút hơi. Tất cả bỗng tối sầm đi một thoáng. Anh rời tay khỏi nút bấm của máy cưa. Ngồi bệt hẳn xuống. Những ngày cuối cùng ở Đông Đức anh cũng bị thế này đây, rồi lịm đi đến nửa tiếng. Anh hoảng quá. Anh thoáng nhìn thấy người cuối cùng trong tổ ba người lom khom vào hàng phố đầu phố. Không phải Nam mua phở để ăn hoặc cho con Nam, mà để mang về cho mẹ già của anh và đứa con tội nghiệp của Tiến. Rồi anh lại nhìn thấy chính thằng Hoàng chứ không phải ai khác, ngồi trong lớp học của bạn anh. Cả hai cùng gầy vêu. Hai cục yết hầu cùng nhô lên hạ xuống gấp gáp. Họ cũng đang thở dốc như anh bây giờ. Sao thế nhỉ? Bạn anh đã đánh. Nó từ lâu lao lực. Lên lớp triển miên. Hết chính khóa lại phụ khóa, dạy thêm các loại. Mà nó đâu có kiếm được nhiều tiền như người khác. Học sinh nghèo nó toàn dạy không. Còn thằng Hoàng, chẳng lẽ xong đợt này sẽ bị nhiễm xạ không ngóc đầu lên được?... Cường vụt có cảm giác cái chết như một ngôi sao chói lòn gườm gườm lướt tới quét cả nửa phần đuôi vào người anh. Nhưng anh vẫn chưa chết. Cũng không lịm đi nửa tiếng như lần trước. Anh hết ngợp thở rồi. Phần dưới của cái chết đã tạm vòng khỏi người anh rồi. Mắt Cường thoát mở trừng. Sức khỏe hồi phục. Anh nhận ra mình vừa ngất đi khoảng vài tích tắc.

Nhưng anh vẫn ngồi, chứ không ngã. Không biết nhiễm xạ sẽ thế nào nhỉ? Dấu sao chắc chắn cũng không khủng khiếp và không thể lường đoán được như nhiễm chất độc da cam. Nghe đâu chỉ đến mức bản thân bị máu trắng, rồi chết là cùng!

Hoàng chạy vội đến đón Cường. Qua tấm kính chắn, Hoàng càng thấy mặt Cường đại đi dễ sợ. Hoàng gần như bế Cường ra khỏi chiếc xe goòng. Xong rồi chứ anh? Rồi. Tiếng Cường thều thào.

Người máy thường đón họ vẫn bằng bộ mặt bất động vốn dĩ, với một lời chào bất di bất dịch. Dấu sao họ cũng thấy bất di cảm giác bị bỏ rơi trên một hành tinh chết. Bởi vì, từ lúc xong việc, tiếng nói trong mũ không vang lên lần nào nữa.

Chiếc ô tô không người lái đưa họ chạy ngược lại con đường lát gạch nghiêng làm từ thời Hitle. Vẫn không một bóng người, không một bóng xe. Về tới chỗ xuất phát, họ được hướng dẫn đi vào phòng khám nghiệm. Không biết mọi người cần cách ly với họ hay ở khu vực này, độ nhiễm xạ đã tăng lên đến mức nguy hiểm nên tất cả đều phải mặc quần áo bảo hộ chống xạ. Thành thử, nom quang cảnh như dưới đáy đại dương.

Gã người Việt béo tốt nghiêm giọng:
- Anh Hoàng! Anh không được nhận chút gì cả. Vì anh không tham dự tạo nên vào công việc.

- Sao lại thế? - Cường, Hoàng cùng thốt lên. Cường nói tiếp, giọng anh yếu hơn nhiều so với trước: - Chúng tôi đã hoàn tất công việc một cách mỹ mãn. Tay người Việt béo tốt gật đầu:

- Vấn đề không phải vậy. Các anh không ký hợp đồng như vậy. Nếu các anh không hoàn tất công việc mà chỉ làm đúng như chỉ dẫn của chúng tôi, các anh vẫn được thanh toán sòng phẳng 70%. Đảng này mỗi anh Cường làm, anh Hoàng đứng ngoài. Theo nguyên tắc, lẽ ra anh Hoàng phải nộp phạt nặng. Ấy là chưa kể nếu anh Cường bị gục ngã hoặc làm hỏng việc, chúng tôi sẽ vô can. Hoàn tất công việc là việc của công ty chúng tôi ký với nhà máy, không phải của các anh. Cường vụt hiểu vì sao qua camera chúng thừa biết

Hoàng ở ngoài, nhưng chúng không nói gì. Biết đâu chúng tính trước cả chuyện này rồi cũng nên. Anh nén cơn đau đang đột ngột trào lên khắp người:

- Vậy thôi, một suất cũng được. Các anh hãy làm thủ tục lo cho Hoàng sang Úc. Tôi không thể... sang được nữa... Nếu các anh không làm vậy, tôi sẽ lao đầu vào tường trước mặt tất cả anh em chúng tôi. Tôi lạ gì phóng viên ở đây. Vàng, ngay lập tức họ sẽ bầu đến quay phim chụp ảnh làm rùm beng và các anh sẽ đi tong, vào tù hoặc lĩnh lương thất nghiệp. Các anh chọn đường nào?

Mặt tay người Việt béo tốt tái đi. Đúng là trường hợp hẳn không tính đến. Thằng cha lão khèo có đôi mắt này dám làm mọi thứ lắm! Ý nghĩ về một vụ áp phe mới và những tính toán hơn thua lao vun vút trong đôi mắt nhỏ và nhanh như mắt rắn của hắn. Rồi cặp môi ướt của hắn nhoe ra một nụ cười hòa bình:

- Ở được rồi, được rồi. Đầu khác có đó, đầu khác có đó. Về lý chúng tôi đứng, nhưng chúng tôi sẽ xét những lợi nhuận anh đã mang lại cho chúng tôi để có thể thực hiện được nhiều nhất ước vọng của anh. Bây giờ anh cứ yên tâm điều trị. Sắc mặt anh vậy dễ phải nằm viện dài dài lắm!

Tiếp đó, theo luật, mọi sự cứ tuần tự được tiến hành. Cường mất hút sau những tấm cửa bệnh viện kiên cố như cửa nhà tù. Còn Hoàng, giờ đã khác trước rất nhiều. Hoàng ít nói như người mắc bệnh trầm uất. Có lúc anh đứng rất lâu bên dòng sông Sprê và nhìn thấy xác mình nổi lều bều. Nhưng cũng trong những ngày này, anh đã viết bức thư đầu tiên về nhà sau ba năm trời ở nước ngoài. Dòng chữ anh tưởng chẳng bao giờ xuất hiện dưới ngòi bút của anh, đã xuất hiện: *Bố mẹ yêu quý!* Thư gửi cho Nam thì anh đã gửi mấy lá rồi. Lá đầu gửi cùng với hầu hết số tiền Cường giành được. Anh dự định từ nay sẽ hội nhập vào cái gia đình gồm những người còn lại của ba gia đình ấy.

Một tháng sau, anh lên máy bay sang Úc. Khi máy bay cất cánh, anh giật mình bởi thấy những cảm giác anh chưa hề thấy. Anh không kịp lấy túi nôn vì có bao giờ anh phải để phòng trường hợp này. Từ bé anh đã theo mẹ đi máy bay sang thăm bố công tác ở nước ngoài mà có hề hấn gì đâu. Anh bùng hai tay lên miệng, nôn thốc nôn tháo. Một quàng lửa đỏ như nhữ thoáng dâng lên trước mắt anh, kèm theo một cơn đau mơ hồ.

Bernau, tháng Hai năm 1990.

Hoàn chỉnh tại Hà Nội, đêm 20 tháng Ba năm 2011, trong những dư chấn... và trong xót xa

CHỈ DÙNG 4 HỘP THUỐC, TÔI ĐÃ ĐI LẠI ĐƯỢC BÌNH THƯỜNG

NGỌC HÀ

Không cần những biện pháp chữa trị quá hiện đại, đắt tiền, bác Lâm Thị Kim Chi (sinh năm 1937, trú tại 16 Tầng Bạt Hồ - Quy Nhơn - Bình Định) đã vượt qua căn bệnh thoái hóa khớp gối nhiều năm của mình bằng phương thuốc hết sức đơn giản và hiệu quả.

BÁC Chi chia sẻ, khi tuổi già ghé thăm cũng là lúc căn bệnh xương khớp bộc lộ rõ nhất. Bác cũng không ngoài quy luật đó, có điều, bác đã sớm chọn được phương pháp hiệu quả đẩy lùi căn bệnh của mình.

"Chân bên phải của tôi thường xuyên trong tình trạng đau nhức cả ngày lẫn đêm, càng vận động thì càng đau, vận động ít thì đỡ hơn, khiến tôi vô cùng khó chịu, gần như không đi lại được, nhiều lúc phải bó, không làm được việc gì" - bác Chi nhớ lại. Đi khám nhiều nơi, ở đâu cũng nói là bác bị thoái hóa khớp. Uống thuốc tây, chích 3 mũi thuốc nhưng chỉ đỡ được ít hôm lại tái

phát. Bác chuyển qua dùng thuốc bắc, bệnh tình không giảm bao nhiêu. Là người ham tìm hiểu, một lần đọc báo, thấy nhiều người sử dụng cồn thuốc đắp ngoài Cốt Thống Linh hiệu quả, bác liền ra hiệu thuốc mua một hộp về dùng.

Đó là năm 2009. "Thật kỳ lạ, tôi đắp miếng Cốt Thống Linh đầu tiên đã thấy đỡ đau hẳn. Cô bạn thuốc có dặn là dán 30 phút có thể sẽ bị nóng. Tôi thấy "y si" như thế luôn. Nhiều lần đắp thuốc thấy dễ chịu quá nên mặc dù đắp được 30 phút như hướng dẫn rồi nhưng tôi vẫn chưa bóc miếng đắp ra. Thời tiết nóng nên chỗ đắp bị nóng đỏ và hơi ngứa - bác Chi hình ảnh kể lại với chúng tôi, khuôn mặt vui vẻ như cơn đau vừa mới biến mất mới đây thôi. Bác cũng cho biết, trong năm 2009, bác chỉ cần dùng hết 2 hộp Cốt Thống Linh, tổng cộng là 20 lần đắp thì cơn đau khớp đã hết, đi lại bình thường. Mãi tới năm 2010, bác mới thấy hơi nhức khớp trở lại. Kinh nghiệm từ lần điều trị trước, bác mua tiếp 2 hộp Cốt Thống Linh về đắp, và cũng chỉ cần như vậy là từ đó đến nay, bác không thấy đau nhức chân nữa.

Đang chuẩn bị chia tay bác Chi thì chúng tôi nán lại vì người em dâu của bác Chi là bác Liễu Thị Ngọc Thủy cũng hào hứng kể rằng: "Tôi đã hết những cơn đau lưng dai dẳng sau khi đắp Cốt Thống Linh để điều trị thoái hóa cột sống thắt lưng, tôi rất tin tưởng vào tác dụng của sản phẩm này và đã giới thiệu cho rất nhiều người sử dụng". Niềm vui của bác Chi và bác Thủy khiến chúng tôi cảm thấy vui lây và hy vọng nhiều người bệnh khác cũng sớm tìm được niềm vui như hai bác.



Ảnh minh họa

BỆNH DI ỨNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỨC NĂNG GAN KHÔNG?

Việt Nam là một đất nước mang khí hậu nhiệt đới gió mùa nên không khí nóng và ẩm là nguyên nhân gây ra các loại bệnh ngứa dị ứng thời tiết (mụn nhọt, lở ngứa) thường xảy ra vào mùa hè và mùa đông. Các triệu chứng như ngứa phát ban có dấu hiệu đỏ trên da, bệnh mề đay cũng thường xảy ra khi nhiệt độ vào mùa hè lên cao quá 30 độ C, mùa đông xuống thấp dưới 15 độ C hoặc khi tiếp xúc với môi trường không khí bị ô nhiễm bởi bụi bẩn và rác thải. Các triệu chứng ngứa thường bắt đầu với một vài chấm đỏ xuất hiện trên da, khi đó người bệnh thấy ngứa ngáy khó chịu và gãi theo phản xạ tự nhiên. Càng gãi, các chấm đỏ càng lan rộng thành đám nhỏ, đám lớn nổi khắp trên da mà không thỏa mãn cơn ngứa. Khi người bệnh bị ngứa đến mức khó chịu nổi, việc gãi liên tục sẽ gây việc trầy xước da, có trường hợp ban ngứa, mề đay làm tổn thương niêm mạc ruột gây đau bụng dữ dội và thậm chí gây phù nề Thanh Phế Quản làm suy thõa cấp có thể dẫn đến tử vong.

Cách dùng loại thuốc bôi ngoài da cũng như uống thuốc vẫn được chứng minh chỉ khi tạm thời, sau một thời gian lại tái phát vì bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...) có chung theo Đông y nguyên nhân là do TAM BỊ NHIỆT (nóng), nguyên nhân sâu xa là chức năng tiêu độc của gan kém và chức năng bài tiết của thận suy giảm, người nóng trong, tiểu vàng, có khi tiểu đỏ. Nguyên nhân do thói quen ăn ít rau và hay ăn những đồ cay nóng. Chức năng tiêu độc của Gan là một trong những chức năng quan trọng để chuyển hóa thức ăn. Khi ta ăn các chất đạm, béo, đường (có nguồn gốc động vật, thực vật)... bộ máy tiêu hóa phân hủy các chất đó thành các axit amin cơ bản rồi tổng hợp chúng lại thành các chất của cơ thể người để duy trì hoạt động của cơ thể. Trong quá trình đó sinh ra các chất độc (chất không mong muốn) nên Gan phải chuyển hóa các chất độc đó thành dạng vô hại và đẩy ra khỏi cơ thể theo 3 cách: đại tiện, tiểu tiện và mồ hôi. Nếu chức năng gan kém sẽ kéo theo thận phải làm việc nhiều hơn bình thường để bài tiết ra khỏi cơ thể. Khi cả chức năng tiêu độc và bài tiết của hai bộ phận này suy yếu cộng với sức khỏe giảm sút, cơ thể dễ dàng bị PHONG (gió), NHIỆT (nóng), THẤP (ứ nước) sẽ gây ra bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...)

Dựa trên những nguyên lý chữa trị của đông y, kết hợp với những nghiên cứu khoa học hiện đại trong và ngoài nước, sản phẩm Thiết Mộc Can phối hợp với các dược liệu hàng đầu có ích đối với gan như Ngũ Vị Tử, Diệp Hạ Châu, Curcumin giúp hỗ trợ điều trị tận gốc căn nguyên của bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...). Sản phẩm Thiết Mộc Can giúp tăng cường chức năng giải độc cho gan, giúp cơ thể chống đỡ lại các tác nhân độc hại từ môi trường sống.

Rất nhiều bệnh nhân sau một thời gian dài thử mọi cách để chữa trị nhưng không hiệu quả, nhưng khi dùng Thiết Mộc Can thì thấy hiệu quả bất ngờ, các triệu chứng của bệnh ngứa dị ứng, mề đay (mụn nhọt, trứng cá, u bã đậu, lở ngứa...) dường như biến mất hoàn toàn, không để lại bất kỳ sự khó chịu và lo lắng về triệu chứng này nữa. Bên cạnh đó, nhiều tác dụng thanh lọc, giải độc cho gan của các dược liệu trên nên bất kỳ ai dùng sản phẩm Thiết Mộc Can cũng nhận thấy da dẻ trắng mịn, hồng hào và có một cơ thể khỏe mạnh hơn khi lá Gan khỏe mạnh!

Mọi thông tin về sản phẩm xin liên hệ:
*Miền Bắc: CÔNG TY TNHH KHANG NHÂN - Địa chỉ: Số 81 Phố Đại Từ - Đại Kim - Hoàng Mai - HN - Điện thoại: (04) 35400140
*Hải Phòng: Dược phẩm Đồng Tâm - Ngõ 30 Nguyễn Bình - Điện Thoại: 0313.736859 - Chl Tháo: 0904.191.838
*Nghệ An: Nhà thuốc Châu Bửu - Điện thoại: 0383.845.863
*Đà Nẵng: Ms Phúc - ĐT: 0903.507.705
*Miền Nam: CN Cty CP Dược phẩm Nam Hà - Nhà B4 số 198 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận - TPHCM - Điện Thoại: 083.9971149 - 083.9973714
Tư vấn SP: Anh Quang - 0913.534167



Sản phẩm có bán tại các nhà thuốc trên toàn quốc

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ



SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA CÔNG TY XSKT THỦ ĐỨC

XEM KẾT QUẢ XỔ SỐ CHÍNH XÁC NHẤT

KẾT NỐI TRỰC TIẾP VỚI BIÊN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG GIÁM SÁT QUAY SỐ



Để lấy kết quả xổ số truyền thống mỗi nhất

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8197**



Để lấy 3 kết quả: xổ số truyền thống
- xổ số điện toán và lô tô cặp số

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8297**



Để nhận kết quả xổ số trực tiếp từ trường quay

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8597**



Để lấy kết quả xổ số truyền thống - xổ số
điện toán và lô tô cặp số 20 ngày liên tục.

Soạn tin: **XSTD** Gửi đến **8797**

3 6 9 12 14 16

1 5 7 10 12 15

Để nhận kết quả xổ số 3 tỉnh Miền Nam

Soạn tin **XSMN** Gửi đến **8297**

Để nhận kết quả xổ số Miền Trung

Soạn tin **XSMT** Gửi đến **8297**

Được đảm bảo bằng thương hiệu xổ số kiến thiết Thủ Đức

THÔNG BÁO

CUỘC THI TRUYỆN NGẮN 2011 - 2012

CỦA TUẦN BÁO VĂN NGHỆ -

HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

TRONG không khí giới văn nghệ sĩ cả nước sôi nổi chuẩn bị triển khai, thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI về văn học nghệ thuật, nhằm góp phần nâng cao chất lượng truyện ngắn Việt Nam nói riêng, đời sống văn học nước nhà nói chung, phản ánh sâu sắc con người và xã hội Việt Nam đương đại; phát hiện và cổ vũ kịp thời những tài năng văn học mới. Tuần báo **Văn nghệ** tổ chức phát động Cuộc thi truyện ngắn trong 2 năm 2011-2012. Đăng tải trên **Văn nghệ** và **Văn nghệ Trẻ**. Cuộc thi hoan nghênh mọi tìm tòi, khám phá cả nội dung lẫn hình thức; quan tâm đặc biệt những tác phẩm đề cao các giá trị nhân văn, góp phần

hoàn thiện xã hội và con người trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Đối tượng dự thi:

- Tất cả các nhà văn, các cây bút chuyên và không chuyên trong và ngoài nước.

Bài dự thi gửi: BAN VĂN, TUẦN BÁO VĂN NGHỆ 17 TRẦN QUỐC TOẢN, HÀ NỘI hoặc địa chỉ email: **banvanvn@gmail.com**

Quy định:

Tác phẩm hợp lệ trước tiên phải là truyện ngắn với số lượng không quá 5000 từ. Truyện chưa in trong sách hoặc trên các báo và tạp chí Trung ương. Bản thảo vi tính trên một mặt giấy, sạch và rõ. Trong thời gian cuộc thi, tác phẩm dự thi không được gửi in sách, báo hay tạp chí nào khác.

Thời hạn:

Nhận bài từ 1-2-2011. Kết thúc ngày 1-2-2013. Lễ tổng kết và trao giải vào tháng 5 năm 2013.

Giải thưởng:

Giải Nhất: 30.000.000 đồng, giải Nhì: 20.000.000 đồng, giải Ba: 10.000.000 đồng.

Ban giám khảo:

Ban Sơ khảo là Ban Văn (mở rộng) của báo **Văn nghệ**, Ban Chung khảo gồm các nhà văn uy tín do BBT Tuần báo **Văn nghệ** mời.

Tuần báo **Văn nghệ** mong được sự hưởng ứng nhiệt tình của các bạn viết trong và ngoài nước.

BAN BIÊN TẬP
TUẦN BÁO VĂN NGHỆ

GIỚI THIỆU

TẠP CHÍ NHÀ VĂN BỘ MỚI

SỐ THÁNG 4-2011



BẰNG sự thay đổi cách trình bày về hình thức và nội dung vấn đề chuyển tải, bắt đầu từ số 4.2011, Tạp chí Nhà văn sẽ ra mắt độc giả với nội dung là những sáng tác truyền thống, kết hợp sáng tác mang tính thể nghiệm, những nghiên cứu lý luận phê bình chuyên sâu về tác giả tác phẩm, gắn với những hoạt động nghệ thuật và đời sống nhà văn, gắn với thời đại mà công nghệ thông tin phát triển từng ngày từng giờ.

Số 4.2011, Tạp chí Nhà văn* sẽ ra mắt bạn đọc với Nhân vật tháng là Nhà văn Sơn Tùng - nhà văn được đề nghị phong anh hùng cùng với loạt bài viết về con người và tác phẩm của ông. Kỳ niệm 36 năm ngày giải

phóng miền Nam (30/4/1975-30/4/2011), mục Thơ tuyển số này, Tạp chí Nhà văn gửi đến bạn đọc những tác phẩm nổi tiếng viết về đề tài chiến tranh cách mạng của các nhà thơ: Nguyễn Đình Thi, Hữu Thỉnh, Phạm Tiến Duật, Anh Ngọc, Thanh Thảo. Bên cạnh đó, mục Thơ mới có sự góp mặt của các nhà thơ: Trần Quang Quý, Mai Văn Hai, Lò Ngân Sủn, Mai Văn Phấn, Hoàng Anh Tuấn.

Mục Văn tuyển và Văn mới giới thiệu tác phẩm của các nhà văn tên tuổi như Ma Văn Kháng, Cao Tiến Lê, Nguyễn Văn Bình... Mục Nghiên cứu lý luận phê bình số này tập trung những bài viết xoay quanh tập thơ Những chiếc gai trong mơ của nhà thơ Nguyễn Bảo Chân và tiểu thuyết Vùng lõm của nhà văn Nguyễn Quang Hà.

Ngoài ra, Tạp chí Nhà văn số 4.2011 còn đem đến sự phong phú, hấp dẫn cho bạn đọc với các chuyên mục: Thể nghiệm, Văn học nhà trường, Văn học thế giới, Ngàn dặm xa, Xóm văn, Nhiệt kế nghệ thuật, Rubik 2011.

Xin được giới thiệu cùng bạn đọc.

* Xin thông báo để các nhà văn, cộng tác viên được biết địa chỉ email mới của Tạp chí Nhà văn như sau: tcnhavan@gmail.com. Địa chỉ cũ là tapchinhavan@fpt.vn sẽ dừng bắt đầu từ ngày 1/7/2011.

Do tình hình giá giấy và công in tăng, bắt đầu từ số 4.2011, giá tạp chí chính thức tăng từ 19.500đ lên 25.000đ.



THƠ CHÂM

Cẩn lòng nhân ái

"*T*ẻ em như thế búp trên cành"
Đau xót bao đưa cảnh bạo hành
Mẫu giáo có hành mồm khò thét
Nữ sinh bạn đánh mặt sưng vênh
Cục càn át hết khoa sư phạm
Nóng nảy quên phăng chữ nghĩa tình
Phải dạy làm người, không chỉ chữ
Lòng nhân cần thiết cả sư, sinh.

HỒ VĂN KHUÊ

Quy chế hay đáo để

Cửa phòng treo lịch "tiếp công dân"
Tên họ, chức danh kín cả tuần
Vào đợi đầu giờ không gặp cán,
Đến chờ cuối buổi... chẳng tường quân?
Quy chế để ra hay đáo để!
Thực thi biểu hiện kém đi dần.
Thưa giùm quan chức trên cùng dưới:
Đừng có xem thường "việc tiếp dân".

NGUYỄN ĐÌNH KHOÁT

CHUYỆN VUI

NHỮNG CON SỐ

Khách vào nhà hàng. Sau một lát bồi bàn mang sổ thực đơn đến. Khách xem rồi nói:

- Những con số trong này là giá các món ăn, hay là các số điện thoại cấp cứu?

CHIẾU Ý KHÁCH

Khách: - Anh bồi! Cho tôi món ông bên cạnh đang ăn.

Bồi bàn: - Để em thử xem sao, chỉ sợ ông ấy không cho em bẻ đi...

CÁ TƯƠI

- Anh bồi, con cá này chắc là tươi chứ?

- Thưa quý ngài, chắc chắn là như vậy ạ.

Xin quý ngài nhìn vào đĩa mà xem, đuôi nó vẫn đang quẫy nhẹ kia kìa!

CHƯA ĐẾN MƯỜI GIỜ ĐÊM

Hai gã say bí tỉ đang cùng nhau huyền thuyên trong quán. Bỗng một trong hai gã hỏi:

- Bây giờ độ mấy giờ nhỉ?

- Tôi cũng không biết nữa, nhưng chắc chưa đến mười giờ đêm.

- Tại sao ông biết?

- Vì mười giờ đêm tôi phải có mặt ở nhà rồi.

LÝ THƠ sưu tầm và dịch

VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT • Tổng biên tập: NGUYỄN TRÍ HUÂN • Phó tổng biên tập: THÀNH ĐỨC TRINH BẢO
• Tòa soạn, Trại sự: 17 Trần Quốc Toản - Hoàn Kiếm - Hà Nội. • Điện thoại: Ban biên tập (04) 62702634; Trại sự: (04) 62702629; Kế toán (04) 62702640
• Email: thukybvn@gmail.com; banthovn@gmail.com; banvanvn@gmail.com; lyluanphebinhvvn@gmail.com; vanhocnuocngoai.vn@gmail.com; bannghehvatvn@gmail.com.
• Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam: 43 Đồng Khởi, T.P Hồ Chí Minh - Điện thoại: (08) 38298802 • Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung: Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa - Điện thoại: (037) 3851752 - 3853522; 292 Đường Hai Tháng Tư, TP. Nha Trang - Điện thoại/ Fax: (058) 3825867. • In tại Công ty in Báo Nhân dân Hà Nội
• ISSN 0866 - 0815 • MST: 0100784855; Tài khoản: 102010000018171 - Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng - Hà Nội • Trình bày: PHẠM MINH HẢI

• Giá: 5.900 đồng.